

tập trung ba thứ quân của ta mạnh ở đây để đánh bại địch — Như vậy chủ lực cũng tập trung nhiều ở đây.

— Đối với trước mắt cũng như về lâu dài, có nên cử dân quân của cả hai bên đánh nhau ở Miền Đông này như từ trước đến giờ theo kiểu chơi trâu không? Hay ta chọn một hướng bất ngờ khác, ý nói hướng đồng bằng Cửu Long, để tập trung quân ở đây mà đánh?

Những ý kiến này là muốn bỏ trí lại lực lượng, đưa chủ lực Miền về tăng cường cho nông thôn đồng bằng. Cho rằng giải phóng được đồng bằng đông dân nhiều của là giải quyết được chiến tranh. Thực ra đây không phải là quan điểm mới mà nó đã có từ lâu và dai dẳng, mãi cho đến ngày nay, cho rằng phải giải phóng nông thôn rồi mới giải phóng thành thị được. Nó trái ngược với đường lối chiến lược của cuộc chiến tranh chống Mỹ của Đảng ta. Đó là chiến lược tấn công, tấn công trên cả 3 vùng chiến lược: Nông thôn, đồng bằng, rừng núi và đô thị. Tấn công cả bằng lực lượng quân sự, cả bằng lực lượng chính trị quần chúng, luôn kết hợp tấn công và nổi dậy. Vì vậy mà vị trí của đô thị rất quan trọng. Trong chiến lược tấn công này, đơn chủ lực rất quyết định mà chủ lực với binh khí kỹ thuật ngày càng tăng của ta không thể tập trung đánh lớn ở đồng bằng trũng trãi, đầy đầy sông rạch, sinh lầy. Ở đó, kẻ địch lại kềm giữ chặt các đường giao thông được bảo vệ bằng hệ thống đồn bốt có công sự vững chắc, địch lại có các hạm đội trên sông và làm chủ hoàn toàn bầu trời — Đưa chủ lực lớn về đồng bằng trong tình thế như vậy là ta tự làm tê liệt mình, sa ngay vào thế yếu, thế bị động, sai về chiến lược, bất lợi về chiến dịch và chiến thuật, còn địch sẽ phát huy được thế mạnh của chúng gặp bội. Qua nhiều kinh nghiệm chung tôi đã nhận thấy với nhau là trong điều kiện của ta đối đầu với Mỹ nguy, chủ lực ta ở đồng bằng sông Cửu Long rồi nhất là tập trung dồn trung đoàn với binh khí kỹ thuật nhẹ. Nếu tổ chức sư đoàn thì là sư đoàn nhẹ, việc chỉ huy và chiến thuật không thể giống như ở chiến trường rừng núi. Trong lúc đó, ta phải ra sức phát triển lực lượng du kích rộng rãi, lực lượng đặc

công tinh nhuệ nhiều, bộ đội địa phương mạnh, để tiến hành một cuộc chiến tranh du kích thần kỳ, liên tục, sôi nổi, một cuộc chiến tranh nhân dân cách mạng kết hợp ba thứ quân một cách linh hoạt trên mọi địa hình, mọi vùng, mọi thời tiết bằng ba mũi giáp công, bằng những chiến dịch tổng hợp, bằng cả lực lượng quân sự và lực lượng chính trị của quần chúng. Ta hoàn toàn có điều kiện làm như vậy, ta có nhân dân cách mạng đông đảo, ta có ưu thế, có kinh nghiệm. Mỗi chiến trường khác nhau về điều kiện các mặt, về nhiệm vụ, mục tiêu, về khả năng, phải có cách tổ chức và bố trí lực lượng phù hợp, không thể rập khuôn, càng không thể theo ý muốn chủ quan của mình được.

Bộ chỉ huy Miền luôn xác định rằng chiến trường Miền Đông Nam bộ bao gồm Sài Gòn là chiến trường chủ yếu của B2, là chiến trường quyết chiến chiến lược, quyết định cuộc chiến tranh. Ở đó, ta có khả năng phát huy vai trò to lớn của chủ lực. Địa hình thuận lợi cho tập trung và triển khai chủ lực lớn, triển khai mọi binh khí, kỹ thuật, là nơi ta có khả năng tổ chức bố trí và dự trữ hậu cần, cơ sở đảm bảo vật chất kỹ thuật cho một đội quân lớn, cho những chiến dịch lớn. Chiến trường này có vị trí chiến lược quan trọng, ta có thể uy hiếp địch, đẩy địch vào thế bị động phòng ngự, diệt sinh lực lớn địch kết hợp đòn tấn công sấm sét với đòn nổi dậy vũ bão đập tan đầu não chiến tranh Mỹ nguy và cuối cùng quét ngã địch ở đây.

Chiến trường đồng bằng giữ một vai trò rất quan trọng trong suốt quá trình cuộc chiến tranh, vì cả ta và địch đều dựa vào kho người kho của ở đây để xây dựng và phát triển lực lượng cả quân sự, chính trị và kinh tế, thay đổi tương quan đôi bên. Có lúc nào đó ta đưa lên thành chiến trường chính cũng là với ý nghĩa đó, nhưng chỉ là từng thời gian trong quá trình cuộc chiến, như mùa khô này và mùa mưa 1974, hay trước đây nữa vào những năm 1962, 1963, tuy nhiên nó không phải là chiến trường quyết định cuộc chiến tranh. Vì vậy, mà từ lâu B2 bố trí thế chiến lược, bố trí lực lượng là căn cứ vào vai trò và vị trí của chiến trường, trong một kế hoạch chiến lược tấn công của một cuộc chiến tranh cách mạng thực sự. Nhất thiết không thể

làm yếu khỏi chủ lực Miền Đông mà ngược lại, ngày càng phải tăng cường mạnh lên. Tôi còn nhớ vào năm 1965—1966 khi Mỹ đưa quân đổ ập vào Miền Nam, một số đồng chí phụ trách thành phố Sài Gòn đã hỏi: thực tiễn tiếp tới: Mỹ đưa quân lớn và các loại vũ khí mạnh vào, chuyển thành chiến tranh cục bộ, vậy ta có nên thay đổi đường lối chiến lược không? Có nên phân tán chủ lực để tiến hành chiến tranh du kích trường kỳ để thắng địch không? Tôi đã trả lời dứt khoát rằng không. Tôi đã trình bày thế bị động chưa thấy của Mỹ, quân nhiều nhưng không mạnh và ta vẫn tấn công, chủ lực ta không những không phân tán đánh du kích mà sẽ còn tổ chức thêm nhiều sư đoàn — lúc ấy chỉ mới tổ chức một sư đoàn ở B2 — rồi lên quân đoàn nữa. Hoàn toàn không có vấn đề thay đổi đường lối chiến lược, không có vấn đề trường kỳ du kích mà thắng địch được. Thế nhưng, tư tưởng này vẫn không dứt hẳn mà còn dẫu tranh kéo dài. Đến ngày nay đã qua một chặng đường dài. Mỹ đã phải rút, nguy đang hung hăng nhưng là cái hung hăng dấy chết thì vai trò chủ lực Miền Đông càng vô cùng quan trọng. Chúng tôi đã ra sức củng cố mạnh chủ lực Miền Đông và quyết định tăng cường lực lượng cho đồng bằng với nhiều cách khác nhau: Tích cực bổ sung nhiều và nhanh quân số vũ khí đạn dược, phương tiện để đẩy mạnh phát triển cả ba thứ quân tại chỗ; giao nhiệm vụ cho các sư đoàn chủ lực miền gấp rút tổ chức và huấn luyện một số đại đội, tiểu đoàn binh chủng kỹ thuật, để đưa xuống cho quân khu; giao hẳn cho quân khu 9 trung đoàn 1 thuộc sư đoàn chủ lực số 1 của Miền đang hoạt động vùng Bảy Núi — Hà Tiên; tăng cường chỉ đạo sát về kế hoạch, phương thức; chỉ đạo kế hoạch phối hợp hoạt động chặt chẽ giữa các chiến trường, của cả chủ lực, để không cho địch tập trung đánh phá đồng bằng theo ý chúng.

Mùa khô này, B2 cũng đã triển khai công tác bảo vệ, củng cố và mở rộng các hành lang giao thông vận tải nối liền từ căn cứ của Miền ở Miền Đông với căn cứ Đồng Tháp Mười và xuống tận rừng U Minh bằng ba hướng:

— Hướng dọc biên giới với Kampuchia qua Bảy Núi, Hà Tiên, Rạch Giá, Rừng U Minh.

— Hướng Mỹ Tho qua Bền Tre, Vĩnh Trà, Cà Mau.

— Hướng đường thủy theo sông Tiền và sông Hậu.

Đồng thời củng cố nối liền Miền Đông với hậu phương lớn qua đường Trường Sơn 559. Được tổng cục hậu cần đồng ý và giúp đỡ tích cực, Cục hậu cần Miền đã cùng hậu cần của các quân khu khẩn trương xây dựng lực lượng dự trữ vật chất cho Miền và cho các quân khu ngay từ đầu mùa khô này để luôn chủ động với tình thế đang phát triển mạnh.

Sở lương vũ khí tại Bộ Tổng tham mưu cấp cho B2 trong năm 1973 đang được tiếp thu và vận chuyển tới. Nhưng muốn tranh thủ vận tải và dự trữ sẵn cho năm 1974 sớm, chủ động, thì chưa có kế hoạch phân phối của trên; chờ có quyết định thì lỡ thời cơ vận chuyển và chậm, có khi gặp trở ngại bất ngờ, kế hoạch dự trữ có thể bị phá. Tôi đã suy nghĩ vấn đề này từ lúc còn đang dự cuộc họp của Bộ Chính trị mở rộng trong tháng 5 ở Hà Nội, nhưng không tìm được cách giải quyết. Tôi đã đến gặp riêng đồng chí Đinh Đức Thiện, chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần lúc ấy để trao đổi. Đồng chí Thiện là một người thẳng thắn và nhiệt tình, nhiệt tình với bạn bè đồng chí, nhiệt tình với công việc chung. Vóc dáng cao lớn, anh là một con người dám nghĩ dám làm, có tâm lòng cởi mở, cởi bụng để cho người ta gần gũi và đặc biệt là vui tính. Cái vui tính kèm theo một ít "cái tục" dân gian mà cán bộ quân sự Miền Bắc cũng như Miền Nam, cán bộ cách mạng cũ cùng hoạt động trước nay, nam cũng như nữ, đều chiến sĩ ai cũng biết tiếng và có cảm tình. Sau khi tôi trình bày vấn đề, thủ thật sự lo lắng của mình chưa có cách nào giải quyết, anh cười xoa nói:

— Có khó khăn gì đâu, một chuyện dễ quá như vậy mà một người tướng ở chiến trường không nghĩ ra sao?

Tôi ngạc nhiên im lặng nhìn anh dò hỏi. Chấn chờ một lúc với vẻ mặt rất thản nhiên anh mới chậm rãi:

— Cứ để tôi làm Tổng tham mưu trưởng một tiếng đồng

bổ thời, tôi sẽ ký ngay cho B2 thêm vài nghìn tấn vũ khí và kỹ cho luôn các Quân khu khác nữa.

Tôi bật cười biết anh lại đùa. Tôi đùa lại:

— Nếu tôi có quyền lực vô biên, tôi sẽ cho anh làm “Thiên tử” trong 24 tiếng đồng hồ để anh thực hiện mọi ý nguyện mà anh có và cưới một nàng cung nữ đẹp tuyệt trần làm vợ, y như chàng Hát-sân vậy. Nhưng tôi không chịu trách nhiệm nếu anh lại cũng giống như Hát-sân bị bắt vào nhà thương điên và nhận mỗi ngày 50 roi gân bò đau dầy!” (1).

Chúng tôi lại cười với nhau vui vẻ.

Nhưng rồi anh hiền kẻ:

— “Nếu anh đồng ý, tôi sẽ lệnh xuất kho cho anh mượn trước 2000 tấn vũ khí các loại nằm trong tổng số sẽ phân phối cho B2 năm 1974.”

Tôi rất vui mừng. Thế là chúng tôi thỏa thuận với nhau vắn đề vay mượn. Và anh không quên nhấn mạnh:

— “Sau tôi sẽ trừ vào sổ được cấp đây, anh liệu báo anh em giữ gìn cẩn thận kẻo thiếu rồi dòi nửa thũ vào tù cả đám đây!”

Sau đó còn vắn đề tái. Tôi tin chắc trước rằng anh em có trách nhiệm vận chuyển sẽ sẵn sàng nhận thêm những công việc cực nhọc này. Và sự thật đã đúng như vậy.

Đây còn là một mùa khô mà đôi bên đều ra sức giành đất, giành dân — Dịch nêu mục tiêu giành kiểm soát các vùng như trước 29-3-1972 — Chúng xem hiệp định Paris như không có — Còn mục tiêu của ta thì giành lại tất cả các vùng như trước 28-1-1973 — Hoàn toàn phù hợp với pháp lý Hiệp định Paris — Trọng tâm kế hoạch quân khu 9 là trưng trị quân dịch lần chiếm vùng căn cứ U Minh của ta và giành lại các vùng đồng dân ở Gò Quao, Giồng Riềng thuộc Rạch Giá, ở Vĩnh Long Trà Vinh, một vùng có tám chiến lược quan trọng nằm giữa hai sông Tiền và sông Hậu. Trọng tâm quân khu 8 là trưng trị bốn lần chiếm trung tâm căn cứ Đồng Tháp Mười của ta và

(1) Chuyện anh chàng say ngủ trong sách “Một nghìn lẻ một đêm”.

giành lại vùng đồng dân Cái Bè, Cai Lậy thuộc tỉnh Mỹ Tho, nằm hai bên đường số 4 chiến lược, xương sống của đồng bằng cùng như các vùng thuộc tỉnh Bến Tre liên hoàn với Vĩnh Long, Trà Vinh của quân khu 9. Còn một nội dung nữa của hoạt động mùa khô này của cả đôi bên là giành của — Ngày 24-8-1973 Thiệu đã triệu tập ở Cần Thơ cái gọi là Hội nghị lúa gạo — Chỉ tiêu của chúng để ra trong mùa khô này phải cướp cho được một triệu tấn lúa. Ngày 29-9-1973 tướng nguy Vĩnh Nghi, Tư lệnh vùng 4 chiến thuật chỉ thị cho 16 tỉnh trưởng đồng bằng là đến cuối năm 1973, phải cướp và nộp lên trên 40 vạn tấn gạo (tương đương 1 triệu tấn lúa) — Ta phải kết hợp trưng trị dịch với phá cho được kế hoạch cướp lúa này, bảo vệ tài sản cho dân và giành dự trữ cho ta. Không phải chỉ quân khu 8 và 9 làm nhiệm vụ này mà cả quân khu 7 (Miền đông) và quân khu 6 (cực Nam Trung Bộ) cũng phải kết hợp đánh trả và giành vụ mùa để có dự trữ lúa gạo tại chỗ.

Chủ lực Miền trong mùa khô này cũng có nhiệm vụ khá nặng nề. Ngoài việc tranh thủ thời gian ra sức xây dựng, củng cố tổ chức, đặc biệt là binh chủng, tăng cường huấn luyện chiến thuật kỹ thuật, nâng trình độ tác chiến tập trung của binh chủng hợp thành còn phải phân ra tác chiến, hỗ trợ các địa phương; Hai sư đoàn 9 và 7 được bố trí đứng vững ở tuyến trung gian phòng thủ Sài Gòn của địch thuộc hai tỉnh Tây Ninh và Bình Dương phối hợp tác chiến giúp hai tỉnh này trong các nhiệm vụ mùa khô của địch. Nhiệm vụ chủ yếu của hai sư đoàn là uy hiếp tuyến trung gian và tuyến trong cùng (vùng ven Sài Gòn) của địch phòng thủ Sài Gòn, kềm chân các sư đoàn 5, 25, 18, các liên đoàn biệt động của quân đoàn 3 nguy, không cho rút đi chi viện cho đồng bằng, hay tấn công nơi khác, không cho chúng hoàn chỉnh thế phòng ngự vững chắc thủ đô của chúng.

Cần nói thêm về âm mưu và hành động của địch ở khu vực Sài Gòn trong ý đồ chiến lược chung của chúng từ sau khi có hiệp định. Trước năm 1972, Sài Gòn được địch phòng thủ bằng 3 tuyến vững chắc: Tuyến ven đô, tuyến giữa và tuyến ngoài cùng. Với chiến dịch “Nguyễn Huệ” của ta và đợt hoạt động

quanh sự mùa khô 1972 trong toàn Miền, ta đã dập tan tuyến phòng thủ ngoài cùng, chọc thủng từng đoạn tuyến phòng thủ giữa, chỉ còn lại tuyến ven đô là nguyên vẹn. Như vậy là thế trận phòng ngự Sài Gòn khá mỏng manh, không đáng tin cậy. Sau khi hiệp định Paris đã ký kết, nguy quyền Sài Gòn, một mặt ra sức cản quét lần chiếm các vùng tranh chấp và vùng giải phóng của ta, mặt khác củng cố và hoàn chỉnh các vùng kiểm soát của chúng đặc biệt là hết sức chú ý việc củng cố phòng ngự vững chắc thủ đô Sài Gòn, trung tâm đầu não của chúng. Chúng đã mở liên tục các cuộc hành quân lớn nhỏ nhằm diệt cơ sở chính trị, du kích của ta ở ven đô. Đi theo các cuộc cản quét đánh phá đó, chúng dùng xe ủi đất san bằng vườn tược nhà cửa của nhân dân như vùng Củ Chi, Hóc Môn, vùng Thủ Dầu Một... Dùng lao công đào bình của chúng chặt phá cây cối vùng Lái Thiêu, Thủ Đức, các rừng dừa nước ở Bình Chánh, Nhà Bè, Cần Đước, Cần Giuộc. Chúng đóng thêm đồn bót đặt thêm chướng ngại, gài mìn, đào hào chống tăng riêng hướng Biên Hòa, để củng cố thêm tuyến phòng thủ trong cùng sát nội đô. Nơi nào không kiểm soát được, như các căn cứ du kích của ta đã có từ lâu, xung quanh thành Sài Gòn, gồm Bưng sáu xã ở Thủ Đức, Khu rừng sát Duyên Hải, An Sơn, Lái Thiêu, Tân Mỹ, Bình Lý, Hóc Môn, ba xã Nam Bến Cát mà chúng đã phải gọi là "tam giác sắt" Vườn Thơm, Bà Vu, Tam Tân, Bình Chánh, vùng Cần Đước, Cần Giuộc, Nhà Bè... thì chúng liên tục dùng phi cơ ném bom và pháo bắn ngày đêm, hủy diệt, tạo thành vùng trắng, xóa các khu căn cứ ấy của ta. Kế hoạch trong mùa khô 73 — 74 của Ngụy là chiếm cho được 60 lăm căn cứ giải phóng của ta ở Miền Đông Nam Bộ đặc biệt là quanh Sài Gòn. Chúng mưu mô hân lại tuyến phòng thủ giữa bằng cách chiếm lại đường 2 ở Bà Rịa, Vùng Đất Cuộc bắc Tân Uyên, vùng Dầu Tiếng, Long Nguyên, Thủ Dầu Một và vùng Bơi Lơi Tây Ninh, Hồ Bò An Nhơn Tây, Củ Chi. Chúng đã mở cuộc hành quân lớn cỡ sư đoàn đánh vào vùng Long Nguyên, Dầu Tiếng, vùng giải phóng của ta đang làm gián đoạn tuyến phòng thủ giữa của chúng về phía bắc, nhưng bị ta đánh bại, tiêu diệt



Mùa gùi chín

(Ảnh tác giả)

hàng tiểu đoàn quân nguy, khiến chúng không thực hiện được ý đồ. Nhưng cùng cớ thế phòng ngự Sài Gòn là vấn đề sống còn nên chúng vẫn không bỏ kế hoạch lần chiếm các vùng ta để xây dựng các tuyến phòng thủ của chúng.

Kế hoạch của ta không những là giữ vững các vùng giải phóng, chặn đứng bọn lần chiếm, tiêu diệt bọn càn quét mà còn phá không cho chúng hoàn thành thế phòng ngự vững chắc Sài Gòn theo kế hoạch dự kiến cơ cụm chiến lược, buộc lực lượng quân đoàn 3 nguy phải luôn bị động phòng ngự ở một thế trận không vững chắc và lúc nào cũng lo ngại tuyến phòng thủ Sài Gòn bị chọc thủng. Không những thế mà lực lượng dự bị chiến lược rất ít của chúng cũng không thể rút đi khỏi Sài Gòn để chi viện cho các chiến trường khác. Điều này tạo thêm mâu thuẫn gay gắt cho quân nguy trong việc thực hiện đường lối chiến lược ngu xuẩn của Thiệu là phải dân quân giữ tất cả, không để mất một xã ấp nào, buộc chúng luôn bị động về chiến lược, chiến dịch, không có cách nào thoát ra khỏi tình thế hoàn toàn bất lợi đó.

Sư đoàn chủ lực số 5 của Miền trực tiếp hỗ trợ cho đồng bằng bằng cách phản công quân địch lần chiếm vùng Kiên Tường giáp biên giới Kampuchia và cùng cớ mở rộng hành lang nối liền Miền Đông và đồng bằng qua hướng Tây tỉnh Tây Ninh — Trong lúc đó một bộ phận nhỏ chủ lực cùng đặc công trừng trị địch ở khu vực Bù Bông, Tuy Đức thuộc tỉnh Quảng Đức kết hợp đảm bảo hành lang nối liền với đường Trường Sơn 559 đồng thời cũng là hỗ trợ cho quân dân Quận 6 đang bị địch lần chiếm ở vùng Bình Thuận, Bình Tuy.

Bù Bông là một cứ điểm của địch giáp với biên giới Kampuchia. Quân địch đóng ở đây thường xuyên càn quét bắn phá các làng xã xung quanh, đột kích vào hành lang vận tải của ta và dùng pháo không chế suốt ngày đêm gây trở ngại không ít cho việc tiếp thu hàng hóa của ta. Để thực hiện việc trừng trị ngay từ điểm xuất phát vi phạm của địch và cũng là mở màn mùa khô 73—74, ta đã dùng trung đoàn 429, một

trung đoàn đặc công mạnh được tăng cường bộ phận bộ binh, tiêu diệt cứ điểm này ngày 4-11-1973. Tiếp theo đó ta mở rộng giải phóng vùng xung quanh, ngã ba Tuy Đức, đảm bảo hành lang vận tải của ta thông suốt và an toàn. Đúng như ý định của ta, nguy phải điều sư đoàn 22 thuộc quân đoàn 2 của chúng cùng với ba chiến đoàn bảo an, một trung đoàn thiết giáp đang lần chiếm ở vùng ven biển Ninh Thuận, Bình Thuận lên đồi phò, hòng cắt đứt hành lang vận tải của ta. Ta đánh trả lại quyết liệt, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giữ vững các vùng giải phóng và tạo điều kiện cho lực lượng quân khu 6 của ta chống lại địch có kết quả ở tây Phan Thiết. Cũng để thực hiện lời cảnh cáo trừng trị địch ngay từ điểm xuất phát, ta đã dùng pháo thuộc đoàn đặc công 113, ngày 5-6 tháng 11, bắn vào sân bay Biên Hòa, diệt một số phi cơ và cơ sở địch ở sân bay. Từ lâu nay phi cơ địch đã từ đây bay đi thả bom và bắn phá các vùng giải phóng của ta như Lộc Ninh, Bù Đốp, Lò Gò, Ká Tum và dùng sân bay Rang Rang làm căn cứ của ta (chiến khu A) làm nơi tập ném bom. Ở những nơi đó ta cũng đã bắn hạ tại chỗ 30 máy bay địch từ tháng 10 cho đến tháng 12-73. Bắt đầu từ tháng 11-73 mỗi lần địch dùng phi cơ oanh tạc hấn phá vùng giải phóng của ta là ta bắn pháo hoặc dùng đặc công đánh vào các sân bay của địch. Không những thế ta còn đánh trả đau hơn bằng cách hủy diệt các kho nhiên liệu của địch bắt cứ chúng đặt ở đâu. Ngày 2-12-1973 kho xăng Nhà Bè, nơi dự trữ nhiên liệu lớn nhất của địch ở Miền Nam đã bị đặc công ta thuộc trung đoàn 10 đột nhập cho nổ hàng loạt kho chứa, đốt cháy hàng triệu lít xăng dầu, khói lửa bốc cao hàng trăm mét làm rực sáng cả một góc trời thành phố Sài Gòn. Đây là một chiến công vang dội của đoàn 10 đặc công để chứng tỏ cho địch biết rằng ta nói được và làm được, chúng hãy liệu hồn. Thật ra trận đánh này không dễ dàng. Khu kho này nằm ven Sài Gòn, được bao bọc bằng một hệ thống chằng chịt sông rạch sinh lầy, từ trước đã bị đánh nhiều lần nên địch đề phòng rất cẩn thận. Chúng đã tăng cường lực lượng, thay đổi cách bố phòng, căng dây chướng ngại, mìn, xù dụng hàng chục chó berger, cả Radar

phát hiện... Trước trận đánh tôi đã trực tiếp kiểm tra kế hoạch, mọi chi tiết đã chuẩn bị. Bảy Ước (1) chính ủy Đoàn 10, đã bảo cáo: "Đội được phân công đánh, có hơn mười anh em cán bộ và chiến sĩ, đã vào nghiên cứu tận bên trong khu kho, đã đi đến từng bốn nhiên liệu. Chúng tôi đảm bảo trận này chắc thắng".

Truyền thông đặc công là mớ dền tận nơi, đánh là phải được. Anh em Đoàn 10 đã thực hiện đúng cam kết quyết tâm.

Bước vào mùa khô này như vậy là ta và địch đều hoạt động sôi nổi trên toàn chiến trường B2. Ta đã hợp đồng khá chặt chẽ giữa các quân khu, giữa địa phương và chủ lực, căng kéo và kềm địch khắp nơi, thu nhiều thắng lợi. Ở vùng đồng bằng Cửu Long, địch đã phải thay đổi vùng trọng tâm hoạt động của chúng. Từ sau hiệp định đến hết mùa mưa 1973, địch lấy vùng Hậu Giang quân khu 9 của ta, tập trung cả sư đoàn 21 và sư đoàn 9, một số biệt động quân và Bảo an, giang thuyền, để tiến hành lần chiếm. Bị đánh trả quyết liệt, địch không thực hiện nổi mục tiêu đã định mà còn bị thiệt hại nặng. Tuy chúng có đóng thêm một số đồn bót ở một số nơi như Bảy Núi, Hà Tiên, Sông Trèm ở rừng U Minh, nhưng nhiều nơi khác ta lại giải phóng rộng, kế hoạch lần chiếm vùng giữa bốn tỉnh bị thất bại hoàn toàn. Bước vào mùa khô, chúng đành phải rút bớt giang thuyền từ Cần Thơ về Cát Lái Miền Đông, điều sư đoàn 9 lên Kiên Tường, một số tiểu đoàn biệt động về quân đoàn 3, chỉ để lại vùng Hậu Giang sư đoàn 21 đã bị suy yếu cùng một số tiểu đoàn biệt động và lực lượng bảo an. Chúng tập trung quân hoạt động vùng Tiền Giang thuộc quân khu 8 của ta chủ yếu là lần chiếm Đồng Tháp Mười và vùng giáp biên giới với Campuchia, đánh chặn hành lang vận tải của ta cho đồng bằng sông Cửu Long và đồi phò với sư đoàn 5 của ta. Tập trung quân về đây, chúng cũng có ý định giữ vững vùng Tây Nam Sài Gòn, vùng tiếp giáp rất quan trọng của Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long, làm cho Sài Gòn không bị cô lập, cho nguy quyền có một cơ sở vững cả về xã hội, chính trị, quân sự, kinh tế. Như

(1) Thượng tá Lê Bá Ước.

vậy là thể hiện rõ ý đồ của Mỹ Thiệu gán chặt vùng 3 và vùng 4 Chiến Thuật (Nam bộ cũ) trong một thể chiến lược tồn vong của cả Miền Nam Việt Nam của chúng. Cũng cố mạnh mọi mặt vùng 3, 4 chiến thuật để từ đó tiến tới có thể tấn công đánh quy đồi phương, khi cần thì về cơ cụm phòng ngự ở đó mà tồn tại. Nhưng tính toán thì như vậy mà thực hiện thì nửa vời, thiếu dùng khi, bằng một chiến lược tham lam và mù quáng: "Bắt cứ hoàn cảnh nào cũng phải giữ cho được tất cả không để mất một xá, áp nào vào tay "Việt cộng". Thông thường là như vậy, những kẻ thiếu kinh nghiệm thực tế, thiếu dùng cảm táo bạo, hay nghĩ một đằng mà làm một nẻo, vừa làm vừa run đi đến mù mẫm ngay trong suy nghĩ của mình.

Bắt đầu từ mùa khô 73-74, toàn bộ ý định chiến lược của Bộ chỉ huy B2 có thể tóm tắt gọn là: Áp chặt Sài Gòn, kẹp cô kẻ địch, bắt chúng phải bị động phòng ngự thủ độ — trung tâm đầu nào — để ta chủ động trừng trị chúng vì phạm hiệp định có hiệu quả. Mở rộng phía sau và các vùng đông dân, mở hành lang thông suốt dự trữ vật chất kỹ thuật. Tạo thế tạo lực, thay đổi tương quan lực lượng mọi mặt có lợi cho ta. Ta bố trí các sư đoàn 9 và 7, các lực lượng đặc công, biệt động (tôi sẽ nói ở dưới) quanh và sát Sài Gòn ngay trong nội đô cùng với lực lượng địa phương, du kích, lực lượng quần chúng nhân dân, đấu tranh và trừng trị địch là để vây hãm Sài Gòn không cho địch tự do cửa quay. Ta bố trí sư đoàn 5 cùng đặc công ở Kiên Tường là để thu hút địch về phía này không cho chúng tập trung đánh phá vùng Hậu Giang đông dân nhiều của. Ta mở hành lang Bu Bông, Tuy Đức, nối thông với đường 559, hành lang phía tây Tây Ninh nối thông Miền Đông và đồng bằng sông Cửu Long và các đường khác nữa để vận tải tích trữ hậu cần cho các chiến trường ở thời điểm chiến lược quan trọng này.

Ta mở rộng các vùng phía sau để các căn cứ và vùng giải phóng ta liên hoàn hỗ trợ lẫn nhau, thành thế vững chắc, trong lúc đó ở phía trước, ta tích cực phát triển lực lượng du kích, bộ đội địa phương và quần chúng có tổ chức.

Rút kinh nghiệm về cách đánh của ta vào Sài Gòn và cách đòi phò của địch hồi Tết Mậu Thân, chúng tôi nghiên cứu sẵn sàng một kế hoạch tổng tấn công và nổi dậy nếu nó xảy ra. Bởi vì như trên tôi đã nói, Mỹ nguy ngoan cố phá hiệp định Paris, không chịu ngừng bắn và hành quân đánh ta với quy mô ngày càng lớn thì tất nhiên chiến tranh vẫn tiếp tục và phát triển, và chỉ có thể chấm dứt bằng một bên thắng. Trong thương lượng bằng con đường ngoại giao, căn cứ vào sức lực của nhau, hai bên cần có sự nhân nhượng hiểu biết. Nhưng trong chiến tranh, do dự không sẵn sàng là chết. Địch cũng đã dự kiến tiêu diệt ta hoàn toàn vào năm 1976 và 1977. Ta phải chuẩn bị sẵn cho một cuộc tổng tấn công và nổi dậy giành toàn thắng về ta. Năm 1968, ta đã căn cứ vào tình hình và địa hình, các mục tiêu chủ chốt trong nội đô địch mà vạch ra 5 mũi tấn công và bố trí lực lượng mọi mặt của ta theo 5 mũi ấy. Ta đã dùng cách hợp đồng tấn công quán sự và nổi dậy của quần chúng trong ngoài cùng đánh, với bên trong là lực lượng quần chúng cách mạng cộng với biệt động và đặc công, tiếp theo đó là lực lượng mũi nhọn và địa phương, rồi ngoài cùng là lực lượng chủ lực. Một cuộc tập dượt thực tế và quy mô Tết Mậu Thân đã thu được thắng lợi lớn. Nhưng chưa dứt điểm vì tình thế và tương quan chưa cho phép thôi. Ngay nay các mục tiêu địch không thay đổi nhiều, cái thay đổi cơ bản là tình thế và tương quan lực lượng đôi bên. Dự đoán tình hình, dự kiến về chiến lược bao giờ cũng phải sớm, có sớm thì mới kịp thời triển khai trước một số việc cụ thể của kế hoạch chiến lược có thể, mà những sự việc triển khai đó đòi hỏi thời gian, không thể đợi đến lúc quá rõ, sinh ra hấp tấp, không kịp chuẩn bị thậm chí để lỡ mất thời cơ. Năm 1972 vì thiếu dự kiến không chuẩn bị trước nên khi ta thắng ở Quảng Trị, địch hầu như bỏ ngõ Huế mà ta không tận dụng được thời cơ thuận lợi ấy. Tất nhiên ngoài thiếu dự kiến, thiếu chuẩn bị trước còn có thiếu nhạy bén linh hoạt và táo bạo lợi dụng thời cơ lúc ấy. Người chỉ đạo chỉ huy về chiến lược đòi hỏi phải suy rộng nghĩ sâu, phải lo xa, biết dự đoán tình hình trước và dự kiến bước đi sớm; bằng công việc của mình mà

giao điều kiện chắc thắng cho dưới; bằng năng động tình của mình mà thúc đẩy và dẫn dắt tình hình theo chiều hướng giành thắng lợi về ta; bằng quả cảm, kịp thời hành động khi có thời cơ xuất hiện.

Ngay từ tháng 9-1973, Bộ tham mưu Miền đã cùng lực lượng tình báo chiến lược của B2 hỗ trợ từ trước ngay trong các cơ quan đầu não của Ngụy cũng như của Mỹ, kiểm tra lại các mục tiêu địch mà ta phải xử trí và luôn luôn nắm tình hình hàng ngày, nắm các kế hoạch và mệnh lệnh của địch. Cần nói rõ là trong chiến tranh, chiến trường B2 bao gồm các vùng rừng núi, đồng bằng và đô thị rộng rãi trong đó có Thủ đô Sài Gòn của địch là một chiến trường hoàn chỉnh, cũng là một chiến trường bao gồm lực lượng địch đông nhất có nhiều mục tiêu chiến lược và chiến dịch quan trọng, mọi diễn biến ở đây đều ảnh hưởng đến toàn bộ nên cấp trên cho phép Bộ chỉ huy Miền (B2) được tổ chức và chỉ đạo bộ phận tình báo chiến lược quan trọng thiết thân nhất cho mình đồng thời phục vụ cho trên. Bộ phận tình báo này đã giúp chúng tôi nắm được nhiều kế hoạch; âm mưu của Mỹ ngụy, đã lấy được của địch một số nguyên bản có giá trị nên chúng tôi đã kịp thời phán đoán tình hình và đề phỏ có kết quả. Các tình báo viên của ta — trừ một số bị hư hỏng không tránh khỏi — với bản chất cách mạng trung kiên, có nhiều đồng chí đã hy sinh anh dũng và nhiều đồng chí lập được công trạng, nhiều người đã trở thành anh hùng lực lượng vũ trang. Căn cứ vào kế hoạch dự kiến tổ chức và bố trí lực lượng của bộ tham mưu Miền đã được duyệt, tôi đã trực tiếp giao nhiệm vụ cho đồng chí Ba Trấn, rút đoàn 367 — đoàn đặc công và biệt động của ta đặc biệt phụ trách ở chiến trường Phnôm Pênh Kampuchia để giúp bạn từ trước mà nay không cần giữ nhiều — để kiện toàn cho Sài Gòn. Ta đã tổ chức bố trí hoàn chỉnh theo mục tiêu và theo hướng, các đoàn biệt động và đặc công ta từ nội đô ra vùng ven. Ở B2 lúc đó chặn chính tổ chức thành một Bộ chỉ huy binh chủng đặc công gọi là đoàn 27 do đồng chí Đặng Ngọc Sĩ, tư Phong làm tư lệnh, trực thuộc Bộ chỉ huy Miền — Sĩ là một cán bộ có sức khỏe lực lượng

trực tiếp, sẵn sàng đầu tranh bảo vệ chân lý mà không sợ nguy hại cho riêng mình, một đức tính đáng quý, nhất là lúc xã hội có những hiện tượng không lành mạnh. Bản thân Sĩ là một cán bộ đặc công trưởng thành trong chiến đấu, bình tĩnh, kiên quyết, nói ít làm nhiều, đã làm là quyết làm cho được. Đến ngày 30-11-1973, tôi kiểm tra đoàn 27 thu đoàn đã có trên 6000 cán bộ và chiến sĩ đã được rèn luyện và chiến đấu. Trừ cơ quan và các cơ sở ra, đoàn gồm các lực lượng trực tiếp chiến đấu đã được bố trí ở các địa bàn Vùng ven, Bắc Sài Gòn có đoàn đặc công 115 và 119; đông Sài Gòn có đoàn 116 ở Long Thành, Đoàn 10 ở Rừng sít; tây Sài Gòn có đoàn 117, phụ trách Biên Hòa có đoàn 113. Đang thành lập thêm đoàn phía nam Sài Gòn. Đoàn 27 còn trực tiếp nắm trung đoàn đặc công tập trung đã từng lập nhiều chiến công, đó là trung đoàn 429. Về biệt động nội thành thì tổ chức thành Đoàn 316 do đồng chí Nguyễn Thanh Tùng (tức Mười Cờ) chỉ huy, tổ chức thành nhiều Z, mỗi Z phụ trách một số mục tiêu quan trọng. Đặc công và biệt động được bố trí theo hướng và mục tiêu nhất định, có nhiệm vụ liên tục củng cố tổ chức, huấn luyện kỹ năng chiến đấu và điều tra nắm chắc các mục tiêu được phân công tiêu diệt, hoàn chỉnh phương án tác chiến và rèn luyện cán bộ chiến sĩ trên thực tế địa hình và mục tiêu của mình phụ trách. Anh em còn phải thâm nhập quần chúng, hiểu rõ nhân dân vùng mình hoạt động, gây dựng cơ sở chính trị làm chỗ dựa cho mình. Ngày 15-12-1973 đồng chí Đạo, chính ủy BTL binh chủng đặc công của Bộ Tổng tư lệnh vào kiểm tra tình hình đặc công B2 đã phát biểu: “Đặc công B2 được phát triển và trưởng thành đã tham gia chiến đấu và chiến dịch có kết quả tốt và hiện nay đã được xác định nhiệm vụ và xây dựng bố trí theo thể chiến lược mới. Là vì một mặt nhờ sự chỉ đạo của Bộ Tư Lệnh Miền rõ, có ý đồ chiến lược sớm, có phương châm phương thức cụ thể. Và mặt khác anh em đã có truyền thống và kinh nghiệm chiến đấu từ lâu”, Đồng chí cũng đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu cho việc tổ chức và huấn luyện cho đặc công B2.

Trong mùa khô 1973 — 1974 này còn một vấn đề không

kém phần gay cấn cho chúng tôi, đó là vấn đề giữ vững vùng giải phóng Lộc Ninh, căn cứ của Miền. Lâu nay địch thường xuyên uy hiếp đánh phá vùng này bằng không quân, quyết không để cho vùng căn cứ của ta được ổn định, bắt chập cái giá nhiều phi cơ bị lực lượng phòng không của ta hạ tại chỗ. Quân đoàn 3 Ngụy đã có kế hoạch dùng lực lượng mạnh đánh chiếm Lộc Ninh, chỉ còn chờ thời cơ và lệnh của chỉ huy tối cao của chúng và của quan thầy Mỹ. Biết thế, ta cũng phải sẵn sàng kế hoạch ngăn chặn, đánh bại chúng để giữ vững vùng căn cứ của ta. Vấn đề đặt ra là ta dùng lực lượng nào, bao nhiêu và đánh cách nào: phòng ngự, phản công, tấn công, đánh nhỏ hay đánh lớn? Lúc nào thu địch có thể đánh? Ta bố trí sẵn lực lượng chờ giáng cho chúng một đòn sấm sét chăng? Thề thốt, đợi trong bao lâu? Ta có lực lượng có hạn của ta trong thế bị động không? Một loạt vấn đề cần phải suy nghĩ thật kỹ để có quyết tâm đúng trong tình hình mà chiến trường đang sôi động.

Quân ủy Trung ương đã diện cho chúng tôi nêu rõ Lộc Ninh có tầm quan trọng không những về quân sự mà còn có ý nghĩa lớn về chính trị trong tình hình hiện nay. Vì vậy địch luôn có âm mưu đánh chiếm. Bằng bất cứ giá nào ta phải giữ cho được, không được để mất, cần điều ngay một sư đoàn chủ lực về, có kế hoạch sẵn sàng phản công, tiêu diệt quân lấn chiếm.

Chấp hành lệnh của Quân ủy Trung ương chúng tôi lập tức triệu tập cán bộ Tham mưu, chính trị, Hậu cần nghiên cứu kế hoạch giữ Lộc Ninh. Cuộc thảo luận khá sôi nổi. Mọi người đều nhận thức được tầm quan trọng phải giữ vững căn cứ này như Quân ủy Trung ương đã chỉ rõ, nó còn là đánh dự là uy tín của Quân giải phóng chúng ta.

Chúng tôi đã nhận định tình hình tổng quát của B2, của toàn Miền, kiểm điểm lực lượng của địch và phân đoán cách đánh của chúng. Địch có thể dùng lực lượng nào? quy mô cuộc tấn công, các điểm xuất phát và mọi khả năng khác của chúng? Chúng tôi biết rằng muốn đánh chiếm Lộc Ninh địch sẽ dùng chủ yếu là lực lượng quân đoàn 3 trong đó nòng cốt là sư đoàn 5

nguy được tăng cường một bộ phận của sư đoàn 25, sư đoàn 18, một số biệt động quân, liên đoàn 81 dù, lực lượng tổng dự bị của chúng lúc đó. Chắc chắn chúng sẽ dùng Lai Khê, căn cứ của sư đoàn 5 Ngụy làm điểm xuất phát và hướng chính là đường 13, qua Bình Long, một thị xã đã bị tàn phá nặng nề. Nhưng các sư đoàn 5, 25, 18 còn phải lo phòng thủ Sài Gòn, lo hoán chỉnh các tuyến phòng ngự mà hiện nay đang bị rách nát. Đặc biệt là sư đoàn 5 Ngụy phụ trách phòng thủ phía Bắc Sài Gòn là hướng rất quan trọng, đối diện với lực lượng lớn, với vùng giải phóng của ta, càng khó mà tự do hành động. Chúng cũng thừa biết rằng đánh chiếm Lộc Ninh không phải là chuyện dễ dàng cho chúng, và không thể chỉ dùng 1, 2 sư đoàn mà đủ. Kinh nghiệm những dụng độ từ nhiều năm nay ở chiến trường Miền Đông Nam Bộ này, ngay khi còn quân Mỹ ở đây, nào sư đoàn bộ binh số 1 "anh cả đỏ" sư đoàn 25 "tia chớp nhiệt đới" sư đoàn hiện đại nhất là sư đoàn kỵ binh bay số 1... mà quân ngụy đã từng đi theo điều dóm, vậy mà cũng không tránh khỏi bị ném mìn thất bại. Thêm lực lượng ở các vùng chiến thuật 1, 2, 4 về ư? Rất khó và không nhiều, vì để thực hiện cái kiểu chiến lược "không để mất một ấp xã nào", vì còn phải lần chiếm và làm chủ hoàn toàn Miền Nam Việt Nam như tham vọng của chúng thì còn lấy đâu ra quân mà tập trung vào một điểm. Như vậy muốn đánh Lộc Ninh, chúng phải có kế hoạch chu đáo, tính toán rất kỹ, dùng nhiều lực lượng và chỉ huy phải giỏi — một điều mà bản thân chúng còn hoài nghi. Thế thì về phần ta nên như thế nào? Chúng tôi đã đi đến quyết tâm là bằng kế hoạch hoàn toàn chủ động buộc địch phải lo phòng giữ Sài Gòn, trối chận bước tay chúng lại, không cho chúng tự do rút lực lượng đi xa Sài Gòn lên tấn công Lộc Ninh. Như vậy ta sẽ không rút bất cứ sư đoàn nào về giữ Lộc Ninh mà ngược lại ép sát Sài Gòn, sẵn sàng thọc vào tim chúng nếu chúng phiêu lưu đi đánh người. Còn ở Lộc Ninh chúng tôi tổ chức một mặt trận bao gồm du kích địa phương, du kích cơ quan, kết hợp với các lực lượng phòng không, cơ giới của Miền đang dừng tại đây và một trung đoàn chủ lực vừa mới kiện toàn, trung đoàn 201, để làm nòng cốt.

Lực lượng này sẽ là "Thiên la địa võng" tiêu hao, ngăn chặn chúng khắp nơi nào chúng đến, ngay từ rìa căn cứ. Trong lúc đó các sư đoàn chủ lực của ta, nếu cần, sẽ ứng dụng tập trung về nơi tập kết đã định sẵn và giáng đòn sấm sét tiêu diệt tập đoàn quân nguy nào mà ta chọn. Đó là kinh nghiệm quý báu của chiến dịch phản công lại chiến dịch Junction City của Mỹ ở Bắc Tây Ninh năm 1967 — Westmorland đã bị dồn đau trong chiến dịch này và tiếp theo đòn Mậu Thân choáng váng, đánh phải ôm hận tiêu tan quân nghiệp của mình mà đã có thời được mệnh danh là "vị tướng tài giỏi nhất nước Mỹ". Như vậy là chúng tôi đã chấp hành lệnh của Trung ương một cách sáng tạo, hoàn toàn phù hợp với tình hình B2 lúc đó. Chúng tôi đã ép địch, buộc chúng phải phòng ngự Sài Gòn và đã giáng cho địch một đòn chí tử, chấm dứt cuối cùng mọi âm mưu củng cố hoàn chỉnh vững chắc tuyến phòng ngự Sài Gòn và âm mưu tập trung lực lượng đánh chiếm Lộc Ninh.

Đó là vào tháng 5-74, khi mà quân đoàn 3 nguy lâm lẹ đánh chiếm An Nhơn Tây để nối liền qua Bến Cát theo đường 7 ngang từ Thái Mỹ - Gò Nổi (Trảng Bàng) — tỉnh lộ 15 An Nhơn Tây qua Rach Bắp - Bến Cát. Dự kiến kế hoạch của chúng là lấp đốn Rach Bắp làm thành một đầu cầu kiên cố trên bờ phía đông sông Sài Gòn nối với một đốn sẽ dòng trên tỉnh lộ 15 An Nhơn Tây làm đầu cầu bên bờ Tây sông Sài Gòn nối ra đường 7, Gò Nổi, Trảng Bàng. Như vậy chúng sẽ tạo được một tuyến phòng ngự liên tiếp phía Bắc Sài Gòn một cách vững chắc. Hoàn chỉnh kế hoạch này, lực lượng quân đoàn 3 sẽ tương đối rảnh, có điều kiện tập trung đánh chiếm Lộc Ninh hay một nơi nào khác. Để thực hiện kế hoạch, trong tháng 3, 4, chúng đã tăng cường một số tiểu đoàn biệt động quân, các chi đoàn thiết giáp cho sư đoàn 25 từ Đồng Dù đánh lên Trung lập theo đường số 2 Củ Chi, Trảng Bàng và Gò Nổi trên đường số 7, đóng đồn bót lần lần ra vùng giải phóng của ta, di dời với phát quang địa hình. Chúng dùng lực lượng đồn trú ở Jinet và Rach Bắp đánh lên phía Bắc về hướng Bưng Công để phối hợp hỗ trợ cho

nhau. Nắm được kế hoạch của địch, ta kiên quyết đánh trả chống lại lần chiếm và phá âm mưu hoàn chỉnh tuyến phòng ngự theo đường 7 ngang đông tây sông Sài Gòn.

Ở Tây sông, trung đoàn chủ lực độc lập 16 trực thuộc bộ chỉ huy Miền cùng với tiểu đoàn quyết thắng của quân khu Sài Gòn, lực lượng địa phương và du kích Củ Chi đánh trả quyết liệt sư đoàn 25 Ngụy, giữ vững vùng giải phóng An Nhơn Tây đông sông. Vào giữa tháng 5 sư đoàn 9 của ta đang dừng ở Long Nguyễn Bến Cát, đã trưng tri đích đáng lực lượng địch ở Jinet, tiêu diệt đồn này, làm cho đồn Rach Bắp bị cô lập hoảng hốt rút chạy. Ta giải phòng đoạn đường số 7, đông sông, từ Rach Bắp đến Kiến Diên và uy hiếp trực tiếp Bến Cát. Trong lúc đó, sư đoàn 7 phối hợp với sư đoàn 9, đã đánh thiệt hại nặng căn cứ Phước Hòa trên đường 16 đi Tân Uyên, diệt một số sinh lực và thiết giáp địch, bức rút một số đồn bót lần chiếm trái phép. Như vậy là địch không thực hiện được kế hoạch của chúng, không lần chiếm nối An Nhơn Tây để thông ra sát sông Sài Gòn về phía Tây. Còn bên đông sông, ta lại mở ra một đoạn dài 10km đẩy lùi địch xa sông thêm và nối liền căn cứ Long Nguyễn của ta từ bắc lộ 7 với căn cứ An Thành, tức 3 xã phía nam đường 7 của Huyện Bến Cát, khu tam giác sát nội thành. Cửa ngõ phía bắc Sài Gòn không khép kín được mà lại bị mở rộng ra, tuyến phòng ngự không liên hoàn, lại tiếp tục bị chọc thủng. Địch đã lúng lộn phản ứng lại sự kiện này. Chúng đã tập trung về đây phần lớn lực lượng toàn quân đoàn 3, tất cả lữ 3 thiết giáp, số lớn phi cơ và pháo binh chi viện, thực hiện liên tục kế hoạch tấn công phản kích hàng tháng trời nhưng đều bị đánh bại. Địch tập trung được như vậy một phần cũng do sự hoạt động kém của sư đoàn 7 của ta ở hướng Phước Hòa Tân Uyên, không đủ sức thu hút phân tán địch, để đỡ nhẹ cho sư đoàn 9. Nhưng vùng ta đã giải phóng ở đây vẫn được giữ vững. Thờ là từ tháng 5 đến tháng 6, chỉ một sư đoàn 9 của ta đã đối đầu có hiệu lực với lực lượng gần như toàn bộ quân đoàn 3 địch một cách vô cùng quyết liệt và anh dũng, mưu trí, đã đứng vững ở đây, giữ vững vùng giải phóng, gây thiệt hại nặng nề

cho địch, không cho phép địch xây dựng tuyến phòng thủ vững chắc Sài Gòn, tạo cho ta một lợi thế chiến lược lớn. Khu vực này đến mùa Xuân 1975, chỉ 9 tháng sau đó, được mở rộng thêm về phía sau, đã trở thành tuyến xuất phát tấn công của một mũi quan trọng của ta trong chiến dịch Hồ Chí Minh. Sư đoàn 9 của ta có bị tiêu hao vì phải tác chiến dai dẳng gần hai tháng với lực lượng địch đông hơn gấp 3 lần, nhưng giá trị chiến dịch chiến lược đạt được của những trận đánh này cùng như ý nghĩa chính trị của nó tác động vào tinh thần quân nguy và tâm lý nhân dân Sài Gòn là rất lớn. Frank Snepp, một chuyên gia của CIA thường trú ở Việt Nam, giữ trách nhiệm nghiên cứu, phân tích về chiến lược và thảo các bản "đánh giá tại trận" của ngành CIA nhằm phục vụ việc vạch ra đường lối của sứ quán Mỹ ở Sài Gòn và của cả Oa-sinh-tơn, đã viết về chiến cuộc mùa hè năm 1974 có liên quan đến trận đánh này như sau: "Tuy quân Bắc Việt Nam mới đánh thám dò vào hướng Bắc và Đông Bắc của Sài Gòn và vừa rồi cũng bị trừng trị lại, nhưng sư đoàn 5 và 18 quân Nam Việt Nam cũng bị thương vong nặng, nhất là ở vùng "Tam giác sắt" và hiện nay thì kiệt sức và không thể chiến đấu được nữa" (1). Lúc đó có một số ý kiến chỉ trích chiến trận này, cho rằng không cần thiết chịu sự tiêu hao như vậy, rằng chọn hướng này mà đánh là sai. Thực sự đó là vì không hiểu hết ý nghĩa phá thế phòng thủ co cụm Sài Gòn của địch trong một giai đoạn chiến lược cuối cùng, ý nghĩa bài địch bị động phòng ngự, cột chặt tay chân địch, để ta tự do hành động trên chiến trường chủ chốt ở thời kỳ quyết định này. Trong chiến tranh, làm được như vậy là cả một cuộc đấu tranh kiên cường, đòi hỏi nghị lực mưu trí và dũng cảm. Nhất là lúc mà tương quan lực lượng đôi bên chưa phải đã chênh lệch nhiều; tuy ta phải mạnh mới làm được. Còn khi sức mạnh ta đã áp đảo đối phương trong một tình hình đã rõ như ban ngày thì nói làm gì. Và đây là một sự bất mạch quan trọng để hiểu địch

(1) Trích sách "khoảng cách thời gian vừa phải" (Decent Interval) của Frank Snepp do nhà xuất bản Random House-New York-Toronto xuất bản 11-1977.

hơn nữa về nhiều mặt thực tế tại chiến trường có tầm chiến lược này, sức lực và khả năng địch đến đâu, hành động chúng thế nào.

Sự đánh giá về trận đánh khác nhau biểu lộ sự đánh giá về thời kỳ chiến lược, cũng như về tác dụng từng khu vực chiến trường khác nhau mà thôi. Những người tư lệnh chiến trường buộc phải hiểu một cách cụ thể thực tế thế và lực của ta và địch, phải biết tìm mọi cách đẩy địch vào thế bấp bênh và đánh cho ta thế có lợi, phải sớm đánh giá từng thời kỳ chiến lược một cách đúng đắn và biết phải làm gì để sớm chuẩn bị cho trận quyết chiến thành công của chiến trường mình, nhất là chiến trường này có vai trò kết thúc cuộc chiến tranh. Về chiến lược không giống như chiến thuật, chờ đến giờ chờ để mở đợt phá khẩu.

Tháng 6-1974 Bộ chỉ huy Miền đã kiểm điểm tình hình mọi mặt của B2 qua một mùa khô thử thách, thử thách về sức mạnh của đôi bên ta, địch thực tế trên chiến trường, thử thách về ý chí và hiệu quả hành động thực hiện kế hoạch mà cả hai bên đều đã vạch ra sớm từ mùa mưa 1973 và đều cùng nỗ lực giành thắng lợi về mình. Từng cơn mưa đầu mùa đổ xuống như trút nước, báo hiệu một mùa mưa tẩm tã như bình thường mọi năm ở B2. Cái nóng bức của trưa hè một mội đã nhường chỗ cho không khí mát mẻ dễ chịu. Rừng xanh đó đây đã điểm vàng bởi những chùm gửi chín rộ. Chiến sĩ Miền Đông còn lạ gì với những trái gửi ngon lành chua chua ngọt ngọt này. Trong lúc thiếu thốn mọi bề, thịt cá hiếm hoi, nó là thực phẩm quý của bộ đội chủ lực đây. Ngon sao những nồi canh rau rừng nấu với những trái gửi chín mọng thành một loại canh chua ngọt mát đã mát lòng. Trong những cuộc hành quân vào trưa hè nóng bức, mang vác nặng nhọc, anh hãy uống một ly nhỏ nước gửi trong lúc dừng chân 10 phút, anh sẽ có sức đi tiếp tới đích một cách khoan khoái lạ lùng. Vào cuộc họp kiểm điểm tình hình này, mọi người cùng được nếm nước gửi khoan khoái, nhưng cái khoan khoái nhất là kết quả rực rỡ của hoạt động mùa khô của ta trên toàn chiến trường, trong lúc kẻ địch đang bước vào ngưỡng cửa của một thời kỳ thất bại cơ bản. Địch đã hoàn

toàn phá sản kế hoạch diên rổ của chúng là lần chiếm lại các vùng từ trước 29-3-72, một kế hoạch tham vọng quá đáng, không coi đời phương ra gì, lại biểu lộ rõ nét nhất sự chà đạp lên hiệp định Paris. Chúng đã thất bại trong kế hoạch bình định các vùng đông dân, vùng chúng kiểm soát không những không ổn định, mà còn bị co hẹp lại. Chúng không cướp được của dân sô lúa dự định và cũng không mấy may phong tỏa được kinh tế của đời phương. Trừ căn cứ Đồng Tháp Mười của Quân khu 8 chúng đã lần chiếm và đóng được 9 đồn bót lớn nhỏ, tất cả các căn cứ lớn khác của đời phương, chúng không đánh được mà cũng không phá được thế ổn định. 60 lăm căn cứ của "Việt cộng" ở Miền đông và bao quanh Sài Gòn vẫn còn nguyên vẹn tuy chúng có gây khó khăn từng lúc. Ngược lại các tuyến phòng ngự thủ đô của chúng đã không được hàn gắn lại mà còn bị chọc thủng thêm cả về phía Bắc (đường 7 Rạch Bắp Bến Cát) cả về phía đông (đường 2 Bà Rịa) khiến cho thế phòng ngự càng sơ hở bấp bênh. Chúng không hề giành được chủ động trên chiến trường, mặc dù là chiến trường mà Thiệu đã đánh giá với các Tư lệnh Vùng của y là thế "mặt còn của cả Miền Nam" tức là vùng 3 và vùng 4 chiến thuật của chúng. Không những vậy chúng còn sa vào thế bị động phòng ngự, lực lượng bị co kéo khắp nơi. Muốn lần chiếm bình định vùng Bình Thuận, Ninh Thuận đông dân ven biển thì bị thu hút và thiệt hại trên núi rừng Quảng Đức. Muốn mở rộng kiểm soát và cướp lúa vùng giàu có Hậu Giang thì bị đời phương điều lên và kèm chân ở Kiên Tường biên giới với Kampuchia. Quân đoàn 3 sơ bị hớ sườn phía tây, phải điều lực lượng đến 6 chiến đoàn đặc nhiệm đánh phá vùng Quáo Ba, Đức Huệ nên đánh phải dể mặt trở lại đường 2 Bà Rịa làm tuyến phòng thủ giữa của Sài Gòn ở đây bị bẻ, mà hai vùng căn cứ bắc nam đường 2 của đời phương được nối liền. Đã không tập trung được lực lượng đánh chiếm căn cứ Lộc Ninh nổi tiếng của đời phương mà còn bị lung tung vất vả phòng giữ trung tâm đầu não (!). Tất cả các quân đoàn của địch, từ lúc ấy chỉ có thể có khả năng tập trung lực lượng ở một hướng nào đó nếu các hướng khác

không bị đánh. Lực lượng dự bị chiến lược của chúng quá ít, lúc đó chỉ có lữ 81 biệt kích dù. Các sư đoàn dù và thủy quân lục chiến bị chôn chân ở Trị Thiên xem như không có gì dể Bộ Tổng tham mưu (địch), dùng hơn là dể cho Nguyễn Văn Thiệu chuyển quyền tác động đến tình hình của một vùng chiến thuật nào đó khi cần thiết, còn thì quyền hành của cả Bộ tổng tham mưu chỉ dể mà nhìn sự thất bại cứ lần lượt kéo đến một cách thảm hại. Đây là kết quả của một chủ trương chiến lược ngu xuẩn không đánh giá đúng được mạnh yếu của đời bên, tham lam muốn giữ từng xã, ấp, từng đồn bót, không dể cho "Việt cộng" một tác dất nào, rải quân mỏng ra khắp chỗ, đến nỗi không còn lực lượng dự bị cơ động.

Tình trạng này của địch, kéo dài cho đến ngày kết thúc chiến tranh, làm cho lực lượng địch đông gấp 3, 4 lần lực lượng ta, mà đánh bị tiêu diệt từng bộ phận, đi đến bị tiêu diệt hoàn toàn.

Từ tháng 5, địch cũng đã thấy phần nào thiếu lực lượng dự bị chiến lược, nên chúng đã quyết định rút sư đoàn dù ở quân đoàn 1 về làm tổng trừ bị, nhưng khi thực hiện, chúng cũng chỉ có thể lần lượt rút từng lữ đoàn về Sài Gòn một cách chậm chạp kéo dài. Ngay trong mùa khô này, không phải chưa xuất hiện những sự kiện dể cho địch đánh giá được khả năng của chúng đến đâu và đường lối chiến lược của chúng sai lầm đến mức nào. Suốt cả mùa khô, đặc biệt là vào những tháng cuối, lực lượng vùng 4 chiến thuật của chúng, vùng đồng bằng Cửu Long bị thu hút đại bộ phận lên Mỹ Tho và biên giới Kiên Tường — Kampuchia, thì ở Hậu Giang, sư đoàn 21 phải phân tán từng tiểu đoàn vẫn không giữ được tinh thần bốn bảo an và dân vệ. Nhiều đồn bót phải rút chạy, nhiều xã, ấp bị mất. Tư lệnh vùng 4 hoặc phải chủ động rút bỏ một số đồn bót nhỏ cỡ tiểu đội và trung đội dể tăng cường cho các đồn bót quan trọng hơn cỡ đại đội trở lên và dể đơn quân bù số tiêu hao thiệt hại. Đây, chỉ khi nào không làm sao được, có nguy cơ cấp bách bị diệt chúng mới chịu bỏ từng đồn bót, từng xã ấp, và bắt đầu "công việc ấy" từ mùa khô 1974 này ở Đồng bằng Sông Cửu Long... đến phải bỏ cả vùng Tây Nguyên

vào mùa khô 1975 là như vậy đó.

Chiều hướng sự thất bại của Mỹ ngụy, và thắng lợi của chúng ta trong cuộc chiến tranh đã xuất hiện từ mùa khô 1973 — 1974 cho đến lúc thất bại hoàn toàn là bắt nguồn từ một chiến lược chung sai lầm từ đầu của Mỹ, ngụy, tức là chiến lược phòng ngự trên toàn bộ đất nước, dãn mỏng quân ra giữ không để cho “Việt cộng” một tác đất nào theo đường lối “bồn không” của Thiệu.

Còn về cái quân đội rường cột của chế độ bán nước thì thế nào? Mặc dù Mỹ đã ra sức tăng cường xây dựng và trang bị hòng để thay thế được cho quân Mỹ, chất lượng chiến đấu và số lượng của quân đội ngụy vẫn tiếp tục giảm sút. Nếu sau hiệp định Paris chúng ở at bất lĩnh, tăng nhanh được quân số cả cho chủ lực và bảo an thì bắt đầu từ tháng 6, 7 trở đi quân số ngày càng tụt. Chúng đã thừa nhận từ tháng 1 đến tháng 5 năm 1974 số quân bị mất trong chiến đấu và đào ra ngũ lên đến trên 10 vạn, đó đồng mỗi tháng mất trên 2 vạn. Trong lúc đó số thanh niên chúng bắt được để bổ sung chỉ trên một vạn mỗi tháng. Quân đoàn 4 của chúng là nơi thiếu hụt quân số cao nhất, mỗi tiểu đoàn chỉ còn khoảng 200 quân, có đơn vị chỉ còn 150-180 tên mà không thể nào bổ sung nổi. Tỷ lệ hư hỏng về trang bị lên cao. Trong số trên 1.800 phi cơ các loại, chúng chỉ sử dụng được khoảng 1.000. Số trên 100 máy bay f5 chúng sử dụng được dưới 1/2. Chúng đã buộc phải để ra những biện pháp gắt gao như kiểm tra quân số, chống nạn lính ma, lính kiếng. Chính biến cơ quan tổng tham mưu, giảm 20% quân số, giải tán các đơn vị không cần thiết, các đơn vị tạp dịch khác. Đồn quân từ dân vệ lên bảo an, từ bảo an lên chủ lực. Tăng cường hành quân vây ráp bất lĩnh trắng trợn, xông vào chùa chiến bắt cả sư sãi đi lính. Mặc dù vậy tình thế của chúng vẫn không sáng lên tí nào mà tiếp tục xuống dốc.

Còn về ta thì hết mùa khô ta đã giành lại tất cả các vùng giải phóng như trước 28-1-1973 kể cả vùng Nam Bắc Lộ 4 ở Mỹ Tho là nơi mà địch đã lần chiếm ở at sau hiệp định. Không những thế ta còn giải phóng rộng thêm trên 20 xã với khoảng 30 vạn

dân, chủ yếu là ở đồng bằng sông Cửu Long. Đó là kết quả những đòn trừng trị của ta, ta đánh tiêu diệt một đồn mới lần chiếm trái phép thì quân địch hoảng hốt rút chạy 4, 5 đồn khác. Ta diệt một tiểu đoàn dịch căn quét lần chiếm vì phạm hiệp định thì địch bỏ chạy trong phạm vi 3-4 ấp gần đó. Rõ ràng quân ngụy hung hăng khi ta lùi bước, nhưng khi ta kiên quyết đánh trả thì chúng mất hết tinh thần chạy thoát chết. Cả ở ba vùng lực lượng quân chúng có tổ chức và lực lượng du kích, bộ đội địa phương của ta được phát triển. Vùng tranh chấp đã lấn vào vùng địch kiểm soát ở tất cả các quân khu thuộc B2. Lực lượng chủ lực các Quân khu cũng như của Bộ tư lệnh Miền được tăng cường, được rèn luyện và được bố trí hợp lý tạo thành một thế trận tấn công lợi hại, đặc biệt là ở Miền Đông Nam Bộ và quanh Sài Gòn. Trong lúc ta vẫn giữ vững các khu căn cứ, các lùm du kích ở Miền Đông và quanh Sài Gòn thì vùng căn cứ phía sau của ta lại được mở rộng và củng cố vững vàng hơn bao giờ hết. Đó là một vùng giải phóng liên hoàn từ tỉnh Quảng Đức đến Phước Long, Bình Long, Tây Ninh dọc theo biên giới với Kampuchia. Căn cứ Lộc Ninh ta được nối liền về phía trước với vùng giải phóng Long Nguyên, Bền Cát rộng rãi, do ta trừng trị diệt đồn Nha Bích trên bờ sông Bé và đồn Tổng Lê Chân của Ngụy trên bờ sông Sài Gòn hi mất rút chạy trong đêm. Hai căn cứ biệt kích này của ngụy nằm sâu biệt lập trong vùng giải phóng của ta. Chúng cố duy trì lá để làm bàn đạp có giá trị tung gián điệp sâu vào vùng ta, thu thập tin tức tình báo, tung biệt kích đánh phá hành lang kho tàng, cơ quan ta, nếu có sơ hở. Nó còn là đầu cầu chiến thuật cho cuộc hành quân lớn đánh chiếm căn cứ của ta sau này. Sau hiệp định, vấn đề khó khăn cho địch là tiếp tế, thay quân cho 2 vị trí này, vì xung quanh đều là vùng giải phóng của ta. Trên bản Hội nghị của Ban liên hợp quân sự 4 bên, rồi sau đó của Ban liên hợp quân sự 2 bên, ta dựa vào điều 3 (b) nghị định thư về ngừng bắn ở Miền Nam Việt Nam, liên tiếp đòi Mỹ — Ngụy phải bàn để quy định các hành lang vận tải quân sự, cho bên này có thể đi qua vùng do bên kia kiểm soát khi cần thiết. Nhưng Mỹ — Ngụy đều ngoan

cờ, mìn, ngòi. Có lần vì nhân đạo, mặc dù chưa có quy định, ta đã cho phép trục thăng nguy đèn tải thương ở đồn Tổng Lê Chân. Nhưng ta kiên quyết không cho xe quân sự, tàu thuyền quân sự, máy bay vận tải quân sự của địch tiếp tế lương thực, đạn dược cũng như thay quân, đi qua vùng ta khi chưa có thỏa thuận theo như hiệp định đã quy định. Vào tháng 4-75, quân địch ở Nha Bích đã liều mạng hành quân mở đường về Chơn Thành nhận tiếp tế, đi qua vùng giải phóng của ta, liền bị sư đoàn 7 của ta trùng trị và diệt gọn cả bọn hành quân, lẫn bọn trong đồn. Địch biết lỗi đã im thin thít, cần răng chịu đựng trong sự kiện này. Rút kinh nghiệm, quân địch ở Tổng Lê Chân đã thừa một đêm tối trời bỏ đồn lên lới theo đường rừng, lén lút rút chạy an toàn về vùng chúng. Sau đó địch dõ trở vu oan giá họa tuyên truyền rằng ta diệt đồn Tổng Lê Chân, vi phạm hiệp định Paris. Sự việc không đi đến đâu vì không có một bằng chứng nào cả. Nhưng vùng giải phóng phía sau của ta đã mở rộng hoàn chỉnh, căn cứ Lộc Ninh nổi đèn khu "Tam giác sắt" chỉ cách Sài Gòn trên 30 km. Cũng trong mùa khô này các đường hành lang vận tải của ta từ phía sau ra phía trước từ đường Trường Sơn về căn cứ Miền Đông, rồi từ đó đi các quân khu đều thông suốt. Những nơi xa và khó khăn nhất như ven biển Miền Trung thuộc quân khu 6 và rừng U Minh thuộc quân khu 9, tân binh bổ sung và hàng hóa vật tư hậu cần đã được đưa đến, có bổ sung, có dự trữ.

Như vậy là qua hết mùa khô 1973 — 1974 tình thế trên chiến trường B2 giữa ta và địch đã rõ nét. Thế và lực của ta lớn mạnh. Thế và lực của địch đang suy sụp tương đối nhanh. Địch bị hãm vào một thế bị động không thể nào xoay ngược lại được vì sức ngày càng xuống mà biện pháp thủ cũ kỹ và lúng túng trong một đường lối chính trị và chiến lược hết sức ngoan cố và đầy ảo vọng, tiếp tục phá hoại hiệp định Paris, tìm cách tiêu diệt hoàn toàn đối phương. Ta bước vào mùa mưa năm 1974 là như vậy đó.

Không phải chỉ có chúng ta mới đánh giá được tình hình đã chuyển biến từ cuối mùa khô 1974 như nói ở trên mà phía Mỹ cũng đã có người cảm thấy tuy chưa thật rõ rệt, có lẽ như

vậy. Weldon A. Brown đã viết trong phần kết quyển "Chiến lược trục thăng cuối cùng" như sau :

"David Shipler, Phóng viên tờ "Thời báo Nữ Uớc", một nhà quan sát có kinh nghiệm ở Nam Việt Nam trong những tháng cuối cùng trước khi Nam Việt Nam sụp đổ đã tuyên bố rằng Thiệu đã bị ảo tưởng về sức mạnh của Mỹ làm cho mù quáng — Shipler nhận xét rằng trong mùa hè năm 1974, Hà Nội đã bắt đầu tăng cường áp lực trên toàn lãnh thổ Nam Việt Nam. Shipler viết rằng trong lúc nguy kịch này, một nhà ngoại giao Mỹ đã dự đoán rằng nếu Oa-sinh-tơn cứ tiếp tục trang bị vũ khí cho Sài Gòn mà không thúc ép Sài Gòn hòa giải về chính trị với những người Cộng sản, thì nhất định Oa-sinh-tơn và Sài Gòn sẽ thất bại trong cuộc chiến tranh này".

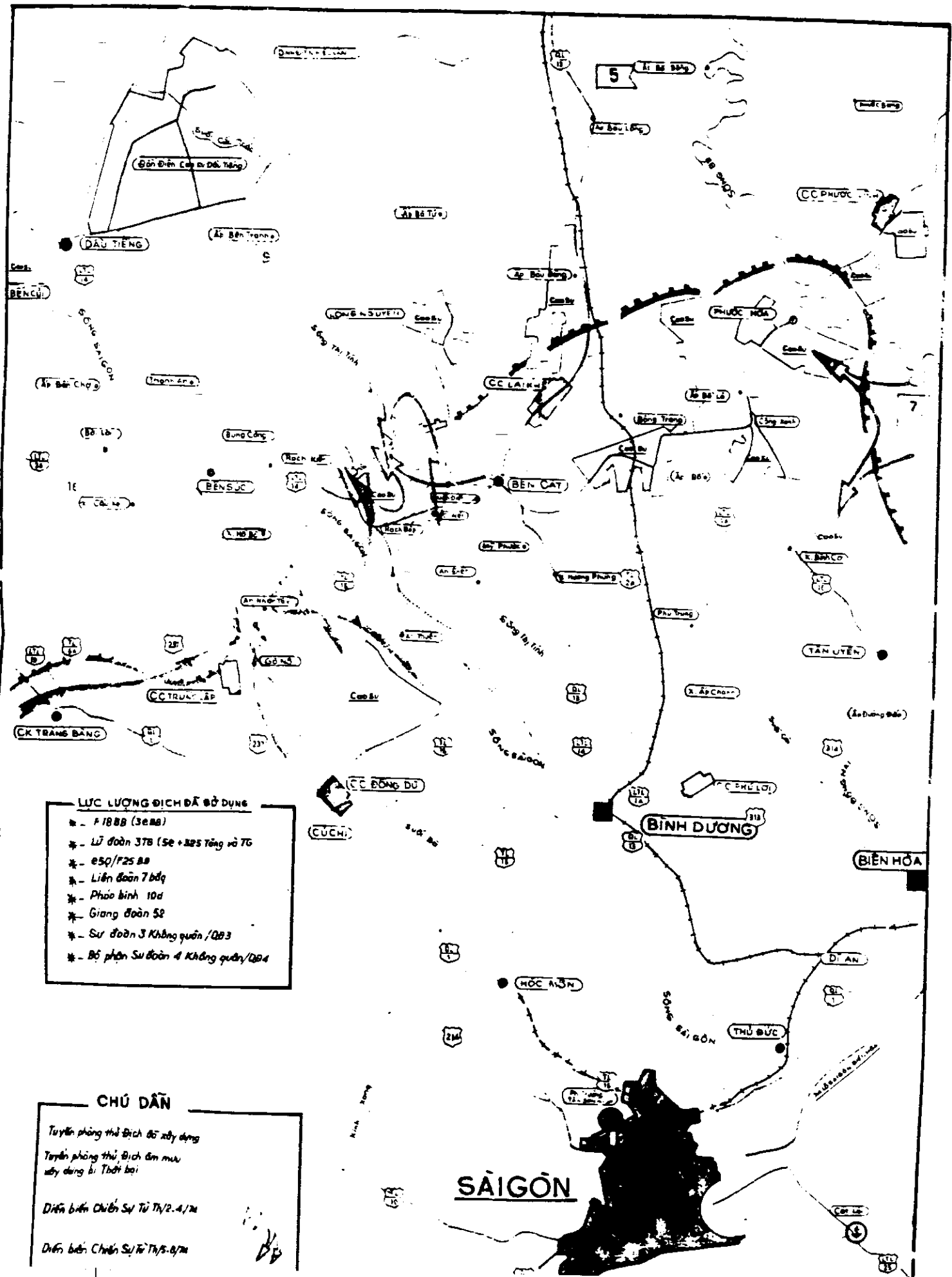
Đáng tiếc thay nhà ngoại giao Mỹ nào đó, đã thấy được nguyên do và thời kỳ bắt đầu của sự thất bại hoàn toàn không thể tránh khỏi của Mỹ, Ngụy.

CHƯƠNG BỐN MỘT MÙA MƯA CHƯA TỪNG CÓ

Thời tiết ở B2 nói chung chia thành 2 mùa, mưa nắng gần như đều nhau, mỗi mùa 6 tháng. Ở rừng núi, mưa sớm và nhiều, ở đồng bằng mưa muộn và ít hơn. Đặc biệt về mùa mưa, nước từ các nguồn sông trên cao đổ về với khối lượng lớn và tốc độ chảy xiết, đọng lại tràn đầy các lưu vực sông ngòi vốn bằng phẳng và thấp, đặc biệt là lưu vực sông Cửu Long, trước khi chậm chạp rút ra biển đông. Đồng Tháp Mười, cái túi sâu của đồng bằng, vào mùa khô có thể đi bộ dọc ngang khắp chôn, nhưng mùa mưa, nước về ngập mênh mông như biển, có nơi sâu đến 4-5 thước. Phương tiện đi lại chủ yếu là bằng xuồng ghe. Ở Miền Đông nam Bộ vùng rừng núi tuy đất cao, nhưng nước mưa cũng ngập đầy các trảng, ngập cả đường đi, đất đỏ, sinh lầy. Điều kiện thời tiết dài dai như vậy đã ảnh hưởng khá lớn đến hoạt động của các binh đoàn tập trung, các binh chủng kỹ thuật. Vì thế, đến mùa mưa, các đơn vị lớn của cả ta và địch đều buộc phải giảm cường độ hoạt động và lợi dụng thời gian đó để chuẩn bị cho mùa khô tới, tung lực lượng sung sức ra tấn công nhau. Trong bao nhiêu năm chiến tranh, việc ấy đã trở thành qui luật. Nhưng mùa mưa năm 1974 là một mùa mưa khác thường ở B2, chúng ta quyết phá qui luật đó, quyết nỗ lực khẩn trương hành động để tạo ra một thời cơ mới, biến mùa mưa âm u thành

CHIẾN CUỘC ĐƯỜNG 7 NGANG (BẾN CÁT - BUNG CUNG)

Ngày 5 và Năm 1974



LỰC LƯỢNG ĐỊCH ĐÃ BỎ DÙNG

- * - F 18 BB (3 máy)
- * - Lữ đoàn 378 (Sơ + 325 Tổng và TG)
- * - esq / r25 BB
- * - Liên đoàn 7 bđq
- * - Pháo binh 10d
- * - Giảng đoàn 58
- * - Sư đoàn 3 Không quân / QĐ 3
- * - Bộ phận Sư đoàn 4 Không quân / QĐ 4

CHÚ DẪN

Tuyến phòng thủ địch đã xây dựng

Tuyến phòng thủ địch ẩn nấp
chờ đợi bị đánh bại

Diễn biến Chiến sự từ 2/4/74

Diễn biến Chiến sự từ 5/5/74

SÀI GÒN

một binh minh cho một thời kỳ rạn rờ. Trong hội nghị tháng 6, Thường vụ Trung ương Cục, kiểm điểm tình hình mùa khô 1974 và bản phương hướng sắp tới, đồng chí Phạm Hùng, bí thư, đã kết luận gọn :

“ Qua mùa khô này, nhân tố mới đã xuất hiện rõ : ta đang thắng lợi và phát triển đi lên, địch đang suy sụp đi xuống. Ta không được dừng lại, phải tiếp giành thắng lợi lớn hơn, đẩy địch suy sụp nhanh hơn. Mùa mưa này ta có rất nhiều thuận lợi và nhiều khả năng thắng lớn hơn bất kỳ mùa mưa nào trước đây, hơn cả mùa khô vừa rồi. Bắt chấp thời tiết khô khan, phải đẩy mạnh hoạt động mọi mặt, tạo thế mới và lực mới, vật chất và tinh thần cho các quân khu, các tỉnh, cho địa phương cho chủ lực để bước vào mùa khô 1974 — 75 với khí thế mạnh, sung sức. Năm 1975, nhất là mùa khô 1975 ta có khả năng giành thắng lớn, làm chuyển biến tình hình tạo ra bước ngoặt, một bước ngoặt có tính chất quyết định”.

Sự tiên tri của Trung ương Cục như vậy không có gì là thần bí cả. Đó là xuất phát từ thực tế của tình hình ta địch trên chiến trường, là sự phản ánh của kết quả hoạt động của hàng triệu đồng chí và đồng bào ở từng thôn ấp, hàng vạn chiến sĩ du kích, địa phương và chủ lực, giành giật với địch từng người dân, từng tấc đất, hàng ngày hàng giờ trên khắp chiến trường. Đó là rút ra từ sự hiểu biết sâu sắc về ta, về địch. Đó là kết quả của sự nắm vững mục đích cách mạng của ta, nắm vững phương pháp cách mạng, hiểu rõ ta phải làm gì và đi đến đâu, trong lúc cũng phải hiểu sâu âm mưu và hành động, ý muốn và khả năng của địch.

Lúc ấy có câu hỏi nêu lên làm cho ta phải suy nghĩ nhiều :

— Vì sao trước tình hình thua thiệt như vậy mà ngụy quyền Thiệu vẫn một mực ngoan cố giữ đường lối chính trị phản động, phủ nhận thực trạng ở Miền Nam có hai vùng, hai chính quyền, hai quân đội, ba lực lượng chính trị. Chúng không chấp nhận có lực lượng thứ ba, không chịu liên hiệp với “Việt cộng”, quyết phá bỏ hiệp định Paris, tiếp tục chiến tranh ?

— Vì sao chúng vẫn khư khư một chiến lược quân sự ngu xuẩn, giữ tạt cả, lấn chiếm mọi nơi, cố diệt lực lượng vũ trang giải phóng, thanh toán chính phủ Cách mạng Lâm thời cộng hòa Miền Nam Việt Nam ?

Từ lâu chúng ta đã biết rằng Ngụy quyền Thiệu chẳng qua chỉ là tay sai, là công cụ của đế quốc Mỹ — Mọi suy nghĩ của chúng là theo sự hướng dẫn và mọi hành động là theo gậy chỉ huy của quan thầy. Như vậy phải tìm cái gốc là từ âm mưu và chủ trương của Mỹ.

Trong hồi ký của Westmoreland : “ Một quân nhân tướng trình ” Y đã thú nhận : “ Ông (P.Harkines) và các quan chức khác của Mỹ đến Việt Nam để thực hiện chính sách quốc gia đã được định ra ở Oa-sinh-ton...” Còn những lời tuyên bố của các nhà lãnh đạo quân sự và dân sự Nam Việt Nam kể lại trong Bản báo cáo soạn thảo cho Ban quân sự, văn phòng Bộ trưởng quốc phòng Mỹ — nhan đề : “ Sự sụp đổ của Nam Việt Nam ” rằng : “ Theo Trần Văn-Đôn, Đại tướng Viên đã thừa nhận vai trò lệ thuộc của người Nam Việt Nam. Một tướng khác đồng ý rằng các nhà lãnh đạo Nam Việt Nam đã bị dấn vào việc thi hành các kế hoạch của người Mỹ...” không còn gì rõ hơn những lời thốt ra từ miệng của những nhân vật Mỹ, Ngụy có chức quyền cao ấy, sau khi đã thất bại hoàn toàn.

Cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ của nhân dân ta đã mang tính chất rất phức tạp cả về nội dung lẫn hình thức ngay từ đầu và qua các quá trình diễn biến của nó cho đến ngày nay. Nó không chỉ là một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc chống xâm lược, cũng không chỉ là một cuộc chiến tranh có tính chất giai cấp giữa cách mạng và phản cách mạng trong nước, mà còn phức tạp hơn, là một cuộc chiến tranh thể hiện sự đấu tranh giữa hai thế lực tiền bộ và phản động trên toàn thế giới hội tụ vào chiến trường điểm : Việt Nam ! Ngay từ khi Pháp phải ký hiệp định Genève, Mỹ đã chống lại và quyết tâm can thiệp vào Đông Dương, hất cẳng Pháp để tự đảm nhận vai trò sen đầm quốc tế. Âm mưu của Mỹ là chiếm Miền Nam Việt Nam

làm tuyên đấu chống phe xã hội chủ nghĩa, ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội lan rộng, để làm chủ toàn bộ thế giới còn lại (ngoài các nước xã hội chủ nghĩa) Mỹ cho rằng Việt Nam là một nước nhỏ nhưng ở vào vị trí chiến lược quan trọng của thế giới. Mỹ giàu đồ la và vũ khí hiện đại, có khả năng và cần phải thắng phe xã hội chủ nghĩa tại đây mà tránh được đụng độ lớn với Liên Xô, Trung Quốc (Trung Quốc lúc ấy còn là một nước trong phe xã hội chủ nghĩa). Những nhà lãnh đạo nhà nước Mỹ tưởng nước cờ chiến lược ấy là cao, dương dương tự đắc, không nghiên cứu sâu về đất nước và con người Việt Nam, coi thường kinh nghiệm của ông bạn Pháp của họ, bắt chập tiếng nói chính nghĩa của nhân dân Mỹ phản đối chiến tranh cũng như nhân dân tiên bộ trên toàn thế giới. Rồi cục càng bị sa lầy thì lại càng phải leo thang chiến tranh, càng leo thang thì càng hao người tốn của và như một con bạc khát nước, cay cú, cứ lao vô chịu hết thất bại này đến thất bại khác. Leo thang đến nấc cao cùng rồi thì tất phải xuống thang, nhưng leo thang hay xuống thang cũng đều là những biện pháp để thực hiện chiến lược toàn cầu của Đế quốc Mỹ, thực hiện âm mưu làm bá chủ hoàn cầu, chống phe xã hội chủ nghĩa. Khi chiến lược "giáng trả đấm" dựa vào độc quyền vũ khí hạt nhân bị phá sản, mà trên thế giới ba dòng thác cách mạng đang tấn công thắng lợi, Mỹ phải chuyển qua chiến lược "phản ứng linh hoạt" với ba loại chiến tranh đặc biệt, cục bộ và tổng lực để chủ động đánh phần thắng bất cứ trong trường hợp nào — đặc biệt là để chống lại các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Khi bạo bởi này tung ra chiến trường Việt Nam vào năm 1961 thì chiến tranh đặc biệt bị đánh bại vào cuối năm 1964 đầu năm 1965, chiến tranh cục bộ bị phá sản vào năm 1968, nhưng so sánh lực lượng trên thế giới và điều kiện lúc ấy không cho phép Mỹ mở ra chiến tranh tổng lực dùng vũ khí hạt nhân, nên chiến lược phản ứng linh hoạt liên bị tắc tị. Hoang mang lúng túng, Johnson vội vàng đề ra chiến lược "phi Mỹ hóa" hòng rút chân ra khỏi vùng lầy Việt Nam. Nhưng những nhà lãnh đạo và chiến lược gia đế quốc Mỹ không cam tâm chịu nhục thất bại, còn tin rằng nước



Nhà hội nghị ở Rừng Le trong khu căn cứ 9-73

Mỹ vẫn có thiên chức cầm đầu thế giới, và rất sợ mất Việt Nam thì sẽ mất hàng loạt các nước khác theo thuyết con bài Domino. Do đó Nixon lên và đề ra cái chiến lược mới gọi là "liên minh tự phòng thủ khu vực" thực chất là âm mưu huy động lôi kéo lực lượng cả thế giới chống lại phe xã hội chủ nghĩa mà không phải trợ trối một mình Mỹ. Ở Việt Nam chúng chưa lại thành Việt Nam hóa chứ không phải phi Mỹ hóa chiến tranh. Người ta có lý một phần mà nói rằng Johnson muốn ra khỏi Việt Nam với "phi Mỹ hóa" còn Nixon muốn ở lại Việt Nam với "Việt Nam hóa chiến tranh". Thực ra Nixon chưa bị do vẩn mắt tinh thần như Johnson nên còn cõ nắm vững mục tiêu không thay đổi của đế quốc Mỹ. Trước và sau hiệp định Paris, Mỹ vẫn tiến hành chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh với nội dung là bằng mọi cách làm cho nguy quân nguy quyền mạnh, mạnh cả về quân sự, kinh tế và chính trị để đánh bại lực lượng vũ trang giải phóng, tiêu diệt chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa Miền Nam Việt Nam, giữ Miền Nam Việt Nam thành một quốc gia phụ thuộc Mỹ, chia cắt lâu dài nước Việt Nam chúng ta. Mục đích ấy từ trước đến nay không thay đổi mà chỉ thay đổi biện pháp là dùng xương máu người Việt Nam để thay cho xương máu người Mỹ. Hiệp định Paris mà Mỹ buộc phải ký với nội dung và lời văn đều không lợi cho Mỹ — Nguy, nhưng chúng vẫn ký và tin tưởng là có thể lật ngược được tình hình bằng những thủ đoạn gian ngoan, lật lọng, bằng sức mạnh kinh tế của Mỹ, bằng lối ngoại giao lắt léo thâm độc trên thế giới. Chúng coi hiệp định Paris chỉ là biện pháp, là chiến thuật trong một giai đoạn chiến lược nhất định thôi. Ký để thi hành những gì có lợi cho Mỹ nguy và xuyên tạc phá bỏ những gì không có lợi. Mục đích vẫn là phục vụ cho chiến thắng của chúng. Sức mạnh của vũ khí và đô la mới là thứ pháp lý thực sự của đế quốc Mỹ trên thế giới ngày nay. Chính từ miệng chúng nó đã nói lên sự thật rõ ràng về mưu đồ thâm độc của chúng. Trần Văn Đôn, Trung tướng Ngụy Sài Gòn trong quyển : "Cuộc chiến tranh không chấm dứt ở Việt Nam" do nhà xuất bản Persidio Press phát hành năm 1978 tại California (Mỹ) và Luân Đôn (Anh)

đã kể : “ Ông ta (tức Charles Whitehouse, Phó Đại sứ Mỹ cùng đi trong đoàn của Kissinger qua Sài Gòn vào trung tuần tháng 10-1972 để giải thích về hiệp định Paris và thuyết phục Thiệu ký vào Hiệp định) nói với tôi : “ Hiệp định này có mặt tốt, hiệp định phải được ký kết. Nó chỉ là một mảnh giấy và sẽ không thay đổi được cái gì cả, rồi ngài sẽ thấy ”.

Đầu tháng 1 năm 1973, Trần Văn Đỗ và Bùi Diễm cầm đầu phái đoàn đặc biệt của Thiệu qua Oa-sinh-ton để tìm hiểu ý đồ của Mỹ, đã tường trình về cho Thiệu rằng, A.Lêch-dit Giôn-xơn, thủ trưởng ngoại giao Mỹ đã nói riêng với tôi (tức Diễm) : “ Tôi với anh là bạn lâu năm, tôi nói với anh lời nói của một người bạn. Thực tế Hoa Kỳ chưa bao giờ thay đổi mục tiêu ở Việt Nam ” còn trong một bức điện tôi mật gửi cho Thiệu cũng thời kỳ đó, Nixon đã viết : “ ... Nền tự do và độc lập của Việt Nam cộng hòa vẫn là mục đích tối cao của đường lối đối ngoại của Hoa Kỳ... ”.

Như vậy đã rõ. Mưu sâu của Nixon — Kissinger là bằng cách ký hiệp định Paris, Mỹ rút được quân đội về nước, lấy lại được tù binh Mỹ, làm dịu dư luận Mỹ và thế giới, ổn định phần nào nước Mỹ đã bị chia rẽ, yếu kém, mất lòng tin và để củng cố lực lượng quân sự Mỹ đã bị mất thế sẵn sàng thực hiện chiến lược toàn cầu của Mỹ, đồng thời có được một thời kỳ hòa hoãn ở Việt Nam một vài năm để thi hành các thủ đoạn thâm độc :

1 — Tăng cường trang bị vũ khí và trang bị kỹ thuật hiện đại để xây dựng quân đội Ngụy thành một lực lượng mạnh và có hiệu lực đủ sức tiêu diệt lực lượng vũ trang giải phóng. Tăng viện trợ, đầu tư phát triển kinh tế cho Ngụy Thiệu, làm cho chính quyền Thiệu mà Mỹ công nhận là chính quyền hợp pháp duy nhất ở Miền Nam Việt Nam thành một chính quyền mạnh cả về quân sự, chính trị, kinh tế ở Đông Nam Á.

2 — Viện trợ tài thiết Miền Bắc Việt Nam, dùng mối vật chất kỹ thuật để như Miền Bắc, xâm nhập lưng đèo và qua đó hạn chế Miền Bắc chỉ viện cho Mặt trận giải phóng Miền Nam, dùng Miền Bắc kèm chế hoạt động ở Miền Nam và mưu

tính có thể chuyển biến hòa bình ngay cả chế độ Miền Bắc.

3 — Dùng chính sách hòa hoãn trên thế giới theo kiểu Mỹ để gây áp lực và hạn chế sự chỉ viện của phe xã hội chủ nghĩa cho cả Miền Bắc và Miền Nam bằng bóp chẹt cuộc chiến đấu của ta. Thực tế là sau thỏa thuận Thượng Hải : giữ Thiệu, giữ Miền Nam Việt Nam trong quỹ đạo của Mỹ, Trung Quốc đã hạn chế sự chỉ viện cho Việt Nam đặc biệt là các loại vũ khí lớn và phương tiện vận tải. Trong quyển hồi ký “ Những năm ở Nhà trắng ”, Chương “ chuyến đi Trung Quốc của Nixon ”, Kissinger đã thuật lại về những huân làm việc của Chu Ân Lai và Nixon : “ Cách trình bày của Chu về Việt Nam là một kỳ công về sự nhập nhằng quanh co ; Ông phản đối ý kiến của Nixon vì buồn phiền hơn là tức giận. Ông nêu “ mỗi cảm tình ” đối với người Bắc Việt Nam, nhưng không nói gì về lợi ích chung nào. Ông rút cái nghĩa vụ ủng hộ Hà Nội không phải từ tình đoàn kết về lý tưởng, càng không phải từ những quyền lợi dân tộc phù hợp, nhưng từ những món nợ lịch sử đối với Việt Nam do quá khứ của Đề chế Trung Quốc để lại ”...

“ Lập luận chính của Ông về việc cần sớm chấm dứt cuộc chiến tranh là ở chỗ nó làm Mỹ sa lầy và làm cho chúng ta tiêu phí nhiều năng lực mà đáng lẽ phải để vào những phần quan trọng hơn của thế giới. Chu chỉ trích lập trường thương lượng của chúng ta theo một cách rất chiều lệ. Ông đòi hỏi chúng ta phải rút quân khỏi Việt Nam. Ông không hề hỗ trợ cho chương trình chính trị của Hà Nội — và của những người chỉ trích chúng ta — về chính phủ liên hiệp và về việc lật đổ Thiệu ”.

Rồi Kissinger kết luận :

“ Công tác ngoại giao của chúng ta sắp sửa hoàn thành việc có lập Hà Nội ”.

Mỹ thật sự tin tưởng là thủ đoạn chia rẽ các nước trong phe xã hội chủ nghĩa và chính sách hòa hoãn Mỹ trên thế giới sẽ có hiệu quả.

4 — Thêm vào các thủ đoạn trên còn phải phổ trương sức

manh nữa là để một lực lượng quân sự Mỹ mạnh ở Đông Nam Á làm lực lượng răn đe, hù dọa những người yêu hòa bình và hỗ trợ cho bọn Ngụy.

Bằng những thủ đoạn ấy, dần dần chế độ Thiệu sẽ mạnh, chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa Miền Nam Việt Nam ngày càng suy yếu, Thiệu có khả năng thanh toán đối thủ dễ dãi chiếm Miền Nam, biến Miền Nam Việt Nam thành một nước phụ thuộc đế quốc Mỹ ở vị trí chiến lược trên bờ tây Thái Bình Dương này.

Với mưu đồ như vậy, Mỹ tiếp tục tiến hành chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh ở Miền Nam Việt Nam trong điều kiện có hiệp định Paris. Từ Tổng thống đến các nhân vật trọng yếu trong chính quyền Mỹ lúc ấy đều nhận mạnh, để khuyến khích Thiệu là Hoa kỳ luôn bên cạnh Thiệu, sẽ viện trợ mọi mặt cho Thiệu và sẵn sàng lại can thiệp vào Miền Nam Việt Nam nếu cần. Thậm chí Kissinger còn hứa với Thiệu trong chuyến qua Sài Gòn tháng 10 năm 1972, là sẽ dùng lực lượng quân sự đánh chiếm Miền Bắc Việt Nam qua vi tuyến 17 khi có yêu cầu, khi Thiệu bị tấn công. Thiệu quá hí hứng góp bàn nên đổ bộ vào bờ biển gần hơn là đánh từ vi tuyến 17 lên. Thiệu và bè lũ tuy có lo lắng về số phận tôi đòi, bị chủ Mỹ sai khiến và không coi ra gì, thế cô, lực yếu, nhưng vẫn tin tưởng bám vào quan thầy, cho rằng nếu chúng có bề gì thì ít quan thầy không nuốt lời hứa, sẽ che chở, vực dậy. Chuẩn tướng ngụy Lê Trung Trực, trước đây là phụ tá cho tướng ngụy Cao Hảo Hơn được Thiệu giao chức vụ chủ tịch Ủy ban liên bộ điều hợp việc ngừng bắn đã thú nhận: "... Mỹ luôn rêu rao rằng sức mạnh của Mỹ là vô địch... Thiệu tin tưởng tuyệt đối vào sức mạnh quân sự của Mỹ, và cho rằng Mỹ đã dính liú vào Việt Nam rồi ít sẽ dính liú đến cùng".

Vì tin như vậy nên bè lũ Thiệu mù quáng trước thực tế tình hình, tiếp tục chiến tranh để đạt cho được mong muốn chủ quan của chúng và ý định của chủ. Âm mưu Mỹ và hành động Thiệu là như vậy, không cho ta có chút gì ảo tưởng là tờ thấy

chúng sẽ thi hành nghiêm chỉnh hiệp định. Không những Mỹ chỉ muốn chiếm Miền Nam mà còn ngồng cuồng hơn là mong xâm nhập và nắm Miền Bắc, chia rẽ và lung đoạn phe xã hội chủ nghĩa. Ảo tưởng này có sự đảm bảo rất đáng khích lệ của người bạn đồng minh mới là Trung Quốc và đã được thử thách qua thời gian và các sự kiện. Nếu những nhà lãnh đạo Trung Quốc trong những năm 60 không liên tiếp đưa ra những tín hiệu bằng nhiều cách cho Mỹ hiểu rằng anh có thể tự do hành động ở Việt Nam miễn là không đụng chạm đến Trung Quốc: "Mi không đụng đến ta thì ta không đụng đến mi", thì năm 1965, Mỹ không dám ngang nhiên đưa quân vào Miền Nam và tiếp sau đó gây chiến tranh phá hoại và phong tỏa Miền Bắc. Nếu năm 1972, ở Thượng Hải họ không hứa với Mỹ là giữ Thiệu và giữ Miền Nam Việt Nam cho Mỹ như Lu-i-gi Xom-ma-ru-ga đã viết trong báo Ý "Người đưa tin" ngày 3-4-1979"... Trung Quốc đã chấp nhận đề nghị của Mỹ giữ chế độ Thiệu ở Miền Nam Việt Nam. Hậu quả sẽ là: Việt Nam vĩnh viễn bị chia cắt như Triều Tiên. Đánh đổi lại, Nixon hứa để Trung Quốc gia nhập liên hợp quốc và dành cho Trung Quốc một ghế trong Hội Đồng bảo an, đồng thời Mỹ hứa sẽ từ bỏ chính sách ủng hộ Đài Loan...", thì Mỹ cũng không thể mạnh dạn rút quân khỏi Việt Nam thay đổi chiến lược mà vẫn tin là có thể vĩnh viễn ở lại Miền Nam Việt Nam.

Tóm lại chuyện này nghĩa là Mỹ vào Việt Nam hay ra khỏi Việt Nam đều có sự đảm bảo, mả mai thay, của ông bạn không lỗ phượng bác, núi liền núi sông liền sông, của chúng ta.

Từ khi ký hiệp định Paris đến nay đã qua một năm rưỡi. Sự việc diễn biến thực tế ở Việt Nam không theo sự sắp đặt công phu của Mỹ, không giống như kế hoạch mà Nixon — Kissinger đã vạch. Sở dĩ như vậy vì còn một vẻ vô cùng quan trọng của kế hoạch mà Nixon — Kissinger không tính ra hay không thể hiểu nổi. Đó là trí thông minh và dũng cảm trong suy nghĩ và hành động của đối phương tác động vào. Nếu như từ năm 1973, chúng ta tin rằng bằng cách này hay cách khác, hiệp định Paris sẽ được thi hành giống như đã tin hai năm sẽ tổng tuyển cử như hội hiệp định Genève, nếu như ta đánh giá sai sức ta và sức địch,

mà có những tá hữu khuynh và sai lầm trong suy nghĩ và hành động thì tình hình không như bây giờ được. Tất nhiên, không thể tránh khỏi những bước chập choạng ban đầu. Nhưng thời gian chập choạng ba, bốn tháng đầu ấy của một giai đoạn chiến lược mới trong một cuộc chiến tranh lâu dài là ngắn ngủi. Nó chưa đủ cho địch lướt lên giành phần thắng. Ngược lại, ta đã cảnh giác, sự chỉ đạo của Đảng ta đã sắc sảo và kịp thời, nhân dân và lực lượng vũ trang ta đã dày dạn trong chiến đấu và đấu tranh cách mạng, nền tình thế ngày nay đã dẫn đến chỗ là ta vươn lên cao mà địch thì thất thế không gương lại được. Thủ đoạn gian xảo ác độc của địch chưa kịp và không thể thi thố. Lực lượng quân sự nguy không mạnh lên được mà đang mất tinh thần và rệu rã. Muốn tăng phòng vệ dân sự đông đảo, xây dựng bảo an mạnh và cơ động để địa phương đủ sức chiếm và giữ mọi nơi, thì nay hai lực lượng này giảm về số lượng, dáo rã ngũ nhiều, rút dón bót, hỏ cơ sở mà chạy. Muốn tập trung quân chính qui thành lực lượng hoàn toàn cơ động, trang bị vũ khí hiện đại, tính năng cao để có thể rút bót quân số, dành ngân sách cho phát triển kinh tế mà quân sự vẫn mạnh, nhưng nay thì buộc phải gấp rút tăng quân số, tăng đơn vị vẫn không đủ để bố trí giữ các địa phương mà lực lượng cơ động cũng không có. Muốn vùng chung được mở rộng và ổn định để kêu gọi ngoại quốc đầu tư xây dựng kinh tế nhưng nay thì bị bóp hẹp, không ổn định, không ma nào dám đầu tư vào. Ngân sách thiếu hụt trầm trọng, viện trợ Mỹ phải dón vào chi tiêu quân sự. Muốn xây dựng một đảng cầm quyền mạnh, "Đảng dân chủ", nhưng lại buộc người ta phải vào "Đảng ông Thiệu", gồm toàn bọn cơ hội, bọn đầu cơ buôn bán chính trị đua nhau vào để mong địa vị, leo cao, tha hồ ăn cắp và hối lộ, ức hiếp nhân dân thì làm sao có được một đảng cầm quyền mạnh? Như thế là Nguy quyền Thiệu không mạnh lên về mọi mặt như mưu toan của Mỹ, mà đang yếu toàn diện, quân sự, chính trị, kinh tế... mọi mặt đang thất thế và xuống dốc.

Khi mà đế quốc Mỹ đã thất bại, phải rút lui về quân sự, và chuyển qua dùng mọi mưu ma chước quỷ to đắp lên một "bu-

nhìn-có-cờ", để thay thế, để nắm chắc Miền Nam, mà bù nhìn đó đã không đứng vững, bắt đầu qui, thì lúc này rất cần một lực đẩy -- dù để đẩy nó lao nhanh xuống vực thẳm tức là làm cho cả tổ thấy không có cách nào cứu vãn -- đó chính là thời cơ!

Đánh giá chính xác tình hình này và nhận thức đúng thời điểm là vô cùng quan trọng về chỉ đạo chiến lược ở một chiến trường trọng điểm có tính đại diện cho cả Miền Nam.

Lê-nin đã nói: "Cách mạng là khoa học đồng thời là một nghệ thuật, nó đòi hỏi sự nhạy cảm đối với tình hình và sự ứng phó kịp thời và chủ động đối với những biến đổi của tình hình. Cách mạng luôn luôn là sáng tạo". Trung ương Cục và Quân ủy Miền đã đánh giá và nhận thức tình hình đã biến đổi ấy để chỉ đạo mọi kế hoạch và hoạt động mùa mưa, đồng thời dự kiến kế hoạch 1975 đặc biệt là mùa khô 1974 — 1975 và báo cáo ra Trung ương.

Trong cuộc hội nghị tháng 7-1974 của Trung ương Cục, đồng chí Bí thư đã nhấn mạnh: "Ta đặt vấn đề đánh thắng lợi quyết định trong năm 1975 — 1976, nhất là phải nỗ lực trong mùa khô 1974 — 1975 là nằm trong dự kiến của Nghị quyết 21 Trung ương và Nghị quyết 12 Trung ương cục, quyết tâm giành thắng lợi quyết định trong vài ba năm tới (74-75-76). Ta phải hoàn thành nhiệm vụ mùa mưa và tích cực chuẩn bị để hoàn thành nhiệm vụ năm 1975. Cần có nỗ lực lớn của toàn Đảng. Ta đặt như vậy là có cơ sở thực tiễn trong tình hình vừa qua, tốc độ diễn biến vừa qua, đặc biệt là trong 4 tháng vừa qua của năm 1974. Sẽ có chỉ thị để các khu, các tỉnh, kiểm điểm công tác thực hiện nghị quyết 12, cố gắng mùa mưa và chuẩn bị thật tốt cho mùa khô 1975 với tinh thần hết sức kiên quyết. Sẽ báo cáo đầy đủ ra Trung ương và đề nghị Trung ương có chỉ đạo kết hợp về đấu tranh ngoại giao, về hiệp đồng trên chiến trường toàn Miền Nam".

Nội dung mọi mặt hoạt động mùa mưa 1974, theo chỉ đạo của Trung ương Cục và Quân ủy Miền bao gồm:

— Tiếp tục phá kế hoạch binh dinh của địch bằng phản

công và tấn công, mở rộng vùng kiểm soát của ta, phát triển phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng đứng lên làm chủ các vùng, trọng tâm là đồng bằng sông Cửu Long và vùng ven đô thị. Mở hội nghị tổng kết công tác chống phá bình định toàn B2 vào tháng 9-1974.

— Tăng cường lực lượng của ta cả về quân sự và chính trị tạo thế và tạo lực đủ sức làm tròn nhiệm vụ năm 1975. Ta phải mạnh ở từng xã, từng huyện, từng tỉnh để có thể tự lực mở mang mở vùng. Lấy cái mốc, riêng về năm dân là năm 1960, dân vùng giải phóng và tranh chấp của ta là gần 5 triệu mà ta đã thành công rực rỡ trong cuộc đồng khởi. Năm 1968, số dân ta nắm là gần 4 triệu thì ta đã giành thắng lợi trong cuộc tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân. Vậy chỉ tiêu về số dân cho đến hết mùa mưa này ta phải đạt cho được ít nhất là mức của năm 1968 để bước vào mùa khô 1975.

— Tập trung sức đẩy công tác đô thị lên nhanh. Ngày nay mâu thuẫn giữa tập đoàn thống trị tư sản mại bản quan liêu quân phiệt với các tầng lớp nhân dân đang dâng lên gay gắt nhất là ở đô thị. Ta có điều kiện làm cho quá đăm đô thị mạnh.

— Nắm vững các lực lượng vũ trang, chăm lo xây dựng, huấn luyện và chiến đấu. Đã tới lúc cả ba thứ quân phải phát triển nhanh, mạnh để hoàn thành nhiệm vụ trọng đại của mình là lực lượng quyết định trực tiếp.

— Xây dựng tốt vùng giải phóng và căn cứ địa, đảm bảo tốt các hành lang vận tải. Mặc dù mùa mưa có trở ngại và địch cố ngăn chặn, phải bằng mọi biện pháp tăng cường vật chất, hậu cần cho các lực lượng, các hướng, các quân khu để sẵn sàng cho một mùa khô đánh thắng lợi lớn.

— Về công tác lãnh đạo của Đảng phải làm sao phát động được tư tưởng của cán bộ, chiến sĩ và quần chúng. Làm cho toàn Đảng toàn quân và toàn dân thấy rõ được âm mưu thâm độc của Mỹ, Ngụy, thấy rõ thắng lợi mới của ta, nhân tố mới của tình hình mà phân khởi nỗ lực vươn lên. Trước mưu thâm của địch phải thấy không có con đường nào khác là dùng bạo lực

cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, phải tấn công mạnh đánh quyền song về ta. Mỗi người phải phát huy hết khả năng và trách nhiệm của mình để đạt thắng lợi lớn. Chống hữu khuynh mơ hồ về địch.

— Các cấp, các ngành phải chấn chỉnh biên chế tổ chức lề lối làm việc sao cho thích hợp với tình hình mới, gọn nhẹ, sát thực tế, sát cơ sở, có hiệu lực cao nhất.

Một trong những công tác hết sức khẩn trương trong mùa mưa là công tác chuẩn bị lực lượng quân sự cho mùa khô. Trong lúc các lực lượng đều phải tham gia đánh địch ở cả 3 vùng, thực hiện chỉ tiêu các mặt của trên để ra cho mùa mưa, thì cả 3 thứ quân và các cơ quan quân sự đều phải lo chấn chỉnh tổ chức, phát triển đơn vị, huấn luyện nâng cao hiệu lực tác chiến theo nhiệm vụ và hoàn chỉnh thế bố trí trên toàn chiến trường. Kế hoạch xây dựng lực lượng này của Bộ tư lệnh Miền đã được Trung ương cục thông qua vào cuối tháng 6 và ngay sau đó phổ biến cho các quân khu, các cấp đến cơ sở. Dự kiến của kế hoạch là động viên các địa phương, tùy khả năng cho phép, mở rộng không hạn chế lực lượng du kích xã, ấp và bộ đội địa phương huyện, có thể huyện có tiểu đoàn và xã có đại đội để tự mình mở mang mở vùng giải phóng mà không cần có sự chi viện của lực lượng tỉnh. Đây là căn cứ vào kinh nghiệm thực tế của huyện Mỹ Xuyên thuộc tỉnh Sóc Trăng và một số nơi thuộc tỉnh Kiên Phong. Những nơi này, trong mùa khô vừa qua, chỉ với lực lượng bản thân, đã đánh trả địch lần chiếm có kết quả và qua đó mở rộng vùng giải phóng bao gồm nhiều ấp, xã, liên hoàn nhau. Ở những nơi đó, khi thế quần chúng nhân dân nổi dậy sôi nổi tham gia cùng du kích và bộ đội địa phương tấn công địch, tiêu diệt, bức rút và bức hàng nhiều đồn bót do bọn dân vệ và bảo an đóng trong xã.

Các tỉnh đều phải mở rộng việc vận động thanh niên tổng quân và kết hợp với số tân binh của trên phân phối, bổ sung và tổ chức thành các tiểu đoàn mạnh của tỉnh. Tùy điều kiện, tỉnh có từ một đến bốn tiểu đoàn. Riêng những tỉnh có khả năng và do yêu cầu của nhiệm vụ có thể tổ chức một trung đoàn

nhẹ cùng với một vài tiểu đoàn lẻ. Trong thời gian này, trừ Quân khu 6 và Saigon, các Quân khu 7, 8, 9 mỗi quân khu đều có một sở trung đoàn độc lập trực thuộc. Để chuẩn bị cho Bộ tư lệnh quân khu nắm chắc được toàn bộ lực lượng quân sự và chính trị, chỉ huy cuộc tấn công và nổi dậy trong toàn Quân khu, để gọn đầu mối và để có một quả đấm chủ lực mạnh, tháng 8-74, Bộ tư lệnh Miền quyết định thành lập một sư đoàn nhẹ cho mỗi quân khu bằng cách ghép các Trung đoàn lẻ lại, tăng cường binh chủng và tổ chức cơ quan chỉ huy sư đoàn do một đồng chí Phó tư lệnh quân khu kiêm sư đoàn trưởng. Quân khu 9 tổ chức ra sư đoàn 4 gồm các trung đoàn 10, 20 và 30 do đồng chí Nguyễn Đình Chức làm Sư trưởng. Quân khu 8 có sư đoàn 8 do đồng chí sư trưởng Sáu Phú (1) chỉ huy và gồm các Trung đoàn 18, 24 và 320. Quân khu 7 chỉ có 2 trung đoàn lẻ là Trung đoàn 33 và trung đoàn 4 tổ chức thành sư đoàn 6 thiếu do đồng chí Đảng Ngọc Sĩ (Hai Phong) chỉ huy. Về Quân khu 6 do điều kiện khó khăn của ta về mọi mặt, xa sự chỉ viện và chỉ huy của trên, thiếu nhân lực, kém về vật chất, vận tải khó khăn, để thích hợp với nhiệm vụ và phương châm phương thức hoạt động ở đây, nên từ trước ta chỉ tổ chức từng tiểu đoàn bộ binh lẻ, các đơn vị đặc công cùng với du kích và các đội võ trang công tác. Trước tình hình mới và nhiệm vụ sẽ giao cho Quân khu sắp tới, từ tháng 5, 6-1974, Bộ Tư lệnh Miền đã ra lệnh ghép các tiểu đoàn bộ binh 186, 840, 15 và các đại đội pháo, thông tin... thành lập ra trung đoàn tập trung 812, gấp rút huấn luyện và lấy các tỉnh Bình Tuy, Bình Thuận làm chiến trường hoạt động chủ yếu. Do chưa rõ ý định của Miền, nên quân khu chưa thông suốt việc thành lập trung đoàn này. Bộ tư lệnh Miền một mặt giải thích, một mặt ra lệnh xây dựng ngay trung đoàn để kịp với nhiệm vụ, khỏi lỡ thời cơ. Chính trung đoàn này, năm 1975 đã cùng với lực lượng địa phương tại chỗ kết hợp với lực lượng ban, giải phóng phần lớn tỉnh Bình Tuy, Lâm Đồng, toàn bộ tỉnh Tuyên Đức và một phần tỉnh Ninh Thuận, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong quân khu. Khu Saigon, ngoài các

1) Tức thượng tá Huỳnh Văn Nhuen.

lực lượng của Miền hỗ trợ và hoạt động ở nội ngoại thành do điều kiện đặc biệt cũng chỉ tổ chức các tiểu đoàn lẻ như tiểu đoàn quyết thắng 1, 2, 3, 4... cùng với các bộ đội địa phương huyện, du kích, an ninh vô trang, thanh niên vô trang. (Sau này mới thành lập trung đoàn Gia Định). Bộ Tư lệnh Miền đến lúc ấy trực tiếp nắm các sư đoàn 5, 7, 9, các trung đoàn lẻ: 201, 205, 16, 271 và Đoàn 27 đặc công, đoàn 316 biệt động thành, một số binh chủng rất hạn chế. Toàn B2 có 5 tiểu đoàn pháo xe kéo các loại dùng cho cả chiến dịch và chiến đấu trong đó có 2 tiểu đoàn là pháo 105, 155 lấy của địch, đạn rất thiếu, 3 tiểu đoàn xe tăng và xe thiết giáp không đủ xe và cũng gồm cả xe M41, và M113 lấy của địch, công binh, thông tin thì càng yếu hơn nữa, vốn vốn chỉ có một tiểu đoàn công binh vượt sông, không đủ khi tải, một tiểu đoàn công trình, hai tiểu đoàn công binh chiến đấu, ba tiểu đoàn cầu đường, hai tiểu đoàn vô tuyến, một tiểu đoàn hữu tuyến điện... Từ lâu chúng tôi vẫn thường than phiền với các đồng chí ở Bộ Tổng tham mưu cũng như với các Bộ tư lệnh binh chủng của Bộ Tổng tư lệnh rằng lực lượng của chúng tôi quá trong lúc phải đảm nhận một chiến trường rộng, trọng điểm như B2, và tất nhiên đã nhiều phen đòi thêm lực lượng, thêm phương tiện khi tải; vũ khí đạn dược. Người chỉ huy nào có dự bị để hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất. Có lẽ vì thế mà một số anh em công tác ở Bộ tổng Tham mưu phê phán rằng B2 có tư tưởng địa phương, cục bộ, đòi cho mình nhiều lực lượng hơn B1, B3, B4. Chúng tôi đã nghe nhiều. Không phải trực tiếp mà là nghe kể lại những nhận xét thiên lệch đó đến nỗi mỗi lần bàn về lực lượng quân sự chúng tôi thường cười nói với nhau: "Hãy nghe nhà triết học Hy Lạp Pythagore nói: "Ban chịu bắt công, ban hãy tự an ủi, khốn nạn thật chính là gây ra bắt công". Và chúng tôi còn thêm: người tướng giỏi không nhất thiết lúc nào cũng phải có lực lượng dồi dào mới thắng.

Tuy thế, lúc xét cần thiết, chúng tôi vẫn đề nghị với trên, vẫn đòi tăng thêm lực lượng. Chúng tôi đã quyết tâm thành lập quân đoàn cho B2, bằng cách ghép các sư đoàn 9 và 7 lại cùng

một số binh chủng sẵn có và đề nghị với Bộ tổng tư lệnh cho thêm chúng tôi một sư đoàn mới và các đơn vị xe tăng và pháo, có mặt ở chiến trường đầu mùa khô để kiện toàn thành một quân đoàn mạnh ở chiến trường quan trọng này. Được Bộ chấp thuận, trong cuộc hội nghị quân sự tháng 7-1974, Bộ tư lệnh Miền đã chính thức công bố thành lập Quân đoàn, sau này thành quân đoàn 4, do đồng chí Hoàng Cầm làm tư lệnh và đồng chí Hoàng Thế Thiện làm chính ủy. Ngoài ra các trung đoàn lẻ 271, 205 cũng được lập thành sư đoàn 3 thiếu để tiện việc chỉ huy và do đồng chí Đỗ Quang Hưng làm sư trưởng. Sư đoàn 3 cũng như sư đoàn 5, trung đoàn 16, 201, đoàn đặc công 27 và đoàn biệt động 316 đều trực thuộc Bộ tư lệnh Miền để sử dụng ở các hướng cần thiết.

Việc thành lập Quân đoàn ở B2 và các sư đoàn cho các quân khu là một sự chuẩn bị tích cực về lực lượng chủ lực của chiến trường để đáp ứng đòi hỏi của tình hình và chủ trương hoạt động sắp tới của Trung ương Cục và Quân ủy Miền. Nó đã được nhân dân và các ngành các cấp nhiệt liệt hoan nghênh, chăm sóc và giúp đỡ xây dựng. Nó đã có vũ quân và dân B2 phần khởi vươn lên giành thắng lợi lớn. Nó cũng chứng tỏ một thời kỳ phát triển lực lượng lớn chưa bao giờ có của toàn chiến trường B2 không phải chỉ chủ lực mà cả bộ đội địa phương tỉnh, huyện, du kích xã ấp. Cũng không phải chỉ có lực lượng vũ trang được phát triển nhanh trong thời kỳ này mà cả lực lượng Đảng ở cơ sở và lực lượng chính trị quân chủng cũng lớn mạnh vượt bậc, ngay ở những vùng mà từ lâu nay ta còn rất yếu. Ví dụ như huyện Chợ Mới thuộc tỉnh Long Xuyên, là một huyện vùng yếu, một rẻo đất hẹp nằm giữa hai sông lớn: Sông Tiền, và sông Hậu, nơi đó trước ngày 28-1-73, trong toàn huyện, ta chỉ có hai chi bộ Đảng, và quân chủng có tổ chức còn rất ít, tuy rằng nhân dân ở đây tốt, có truyền thống cách mạng từ lâu. Vậy mà đến hết mùa khô 1974, ta có được 8 chi bộ nằm trong 11 xã trong tổng số 13 xã. Ta đã xây dựng được hàng trăm du kích mật và đặc biệt là có 79 cơ sở nằm trong 15 toàn và liên toán phòng vệ dân sự của địch. Cán bộ của ta có thể

đi lại hoạt động và huy động quần chúng đấu tranh khắp các nơi trong huyện. Hay huyện Chợ Gạo thuộc tỉnh Mỹ Tho nằm ngay phía đông đường quốc lộ số 4 kẹp giữa sông Tiền Giang kinh Chợ Gạo và hệ sông Vàm Cỏ. Địa thế gây trở ngại nhiều cho cán bộ ta hoạt động ở đây. Huyện có 20 xã. Đã có chi bộ và cơ sở quần chúng trong 18 xã. Tình chung lúc ấy lực lượng quân sự và chính trị của ta có 4.466 người trong lúc địch có 3.318 bảo an, dân vệ, phòng vệ dân sự. Ta đã đặt ưu thế riêng trong một huyện mà đây là một huyện yếu của ta. Không những thế, một số tế xã và gia đình binh sĩ nguy đã quyên góp hàng vạn đồng vào quỹ kháng chiến của huyện... Theo số liệu tổng hợp vào cuối tháng 8 năm 1974, trong toàn B2 có 3 triệu 400.000 dân ở vùng giải phóng và vùng tranh chấp trong các tổ chức cách mạng từ thấp đến cao, so với mức năm 1968 thì không thấp hơn nhiều, trong mùa mưa, ta có thể nỗ lực phát triển lên được. Sự đi được như vậy vì Trung ương Cục luôn theo dõi và chỉ đạo các khu, tỉnh qua việc trực tiếp với các địa phương và qua các chỉ thị từ số 01 đến 08 mà nội dung chủ yếu của từng chỉ thị vẫn là gập rút tạo thế, tạo lực, thay đổi so sánh lực lượng ta địch. Các chỉ tiêu về phát triển thực lực quân sự chính trị tại địa phương, về hoạt động chống địch mở rộng vùng giải phóng mà Trung ương Cục và Quân ủy Miền đề ra cho các khu, tỉnh trong mùa khô vừa qua đều đạt và vượt. Trung Ương Cục cũng tin chắc rằng chỉ tiêu đã đặt ra cho mùa mưa trong toàn B2 cũng sẽ vượt xa hơn nữa. Tất cả cán bộ dự hội nghị quân sự tháng 7 đều đã hạ quyết tâm vượt mọi chỉ tiêu cấp trên đã đề ra. Các đồng chí đã nêu ra một tình hình rất mới là quần chúng nhân dân khắp nơi đều có nhận thức về sự suy sụp của địch và thế thắng của ta không khác gì trong nghị quyết của Đảng, chứng tỏ quần chúng đã tiến kịp với sự chỉ đạo của Đảng hay nói một cách khác Đảng và quần chúng đã hòa cùng một nhịp. Những thời kỳ nào như vậy, trong chiến tranh cũng như trong hòa bình, thu cách mạng sẽ có một sức mạnh có thể làm nên tất cả, giải quyết được nhiều khó khăn tưởng chừng không vượt nổi.

Trong hội nghị quân sự tháng 7 này, chúng tôi đã phổ biến và quán triệt nghị quyết tháng 4-1974 của Quân ủy trung ương, nghị quyết này đã được Bộ chính trị thông qua nhằm căn cứ vào tình hình diễn biến mới nhất vừa qua, bổ sung cho nghị quyết 21 của Trung ương. Nghị quyết đã đánh giá về âm mưu Mỹ rất rõ là: "... Âm mưu cơ bản của đế quốc Mỹ vẫn là thực hiện "Học thuyết Nixon" áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở Miền Nam, biến Miền Nam thành một quốc gia riêng biệt thân Mỹ, nhưng chuyển từ chỗ dùng lực lượng quân sự của Mỹ trực tiếp tham chiến là chính, đến chỗ sử dụng nguy quân nguy quyền có sự viện trợ đặc lực của Mỹ về cơ vận quân sự, kinh tế và tài chính".

"Để thực hiện ý đồ nói trên, Mỹ đã có chủ trương nhát quân từ đầu vừa ký hiệp định lập lại hòa bình, vừa giúp đỡ nguy quyền Sài Gòn tiếp tục chiến tranh".

Nghị quyết nhận xét: "Nơi nào ta kiên quyết phản công và tấn công thì chúng lung tung bị động, gặp khó khăn. Chúng đã bị đẩy lùi ở khu 9, bị chặn lại ở Khu 8, tuy có lấn được một số ít ở khu 5, nhưng cũng đã chững lại. "Ta đã tiêu diệt một bộ phận sinh lực khá lớn của địch, giữ vững các lùm giải phóng ở đồng bằng sông Cửu Long, xung quanh Sài Gòn, giữ vững vùng giải phóng và căn cứ địa rộng lớn, duy trì được thế uy hiếp địch về mặt chiến lược".

Nghị quyết đã chỉ đạo cụ thể cho các chiến trường: "Hết sức tranh thủ thời gian tăng cường lực lượng, tăng cường vật chất tập trung chỉ đạo bảo đảm cho đồng bằng nhất là đồng bằng sông Cửu Long giành được một chuyển biến rõ rệt có lợi cho ta.

"Khu 5 cần đánh giá đúng tình hình, giải quyết tốt tư tưởng cán bộ, phương thức hoạt động, phối hợp chặt chẽ với chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, phối hợp chặt chẽ giữa Tây Nguyên và đồng bằng, đưa phong trào hồi phục lại căn bản như hồi năm 1972 và mở rộng thêm, bảo vệ, hoàn chỉnh

từng bước vùng giải phóng căn cứ địa Tây Nguyên và Miền Tây các tỉnh đồng bằng.

"Miền đông giữ vững các lùm giải phóng xung quanh Sài Gòn, củng cố thành những bàn đạp vững chắc bao vây uy hiếp Sài Gòn ngày càng chặt hơn, củng cố mở rộng hành lang nối liền vùng ven Sài Gòn với vùng giải phóng căn cứ địa rộng lớn.

"Tri Thiên cũng cố thể đứng vững chắc ở giáp ranh, luồn sâu xuống đồng bằng, xây dựng cơ sở chính trị, cơ sở du kích, làm lỏng kẽm, tiến lên phối hợp ba mũi giáp công: chính trị, quân sự, binh vận, đưa phong trào lên, tạo lại thế 3 vùng, phá thế phản tuyến của địch, thường xuyên uy hiếp địch để giữ chân hai sư đoàn dù và thủy quân lục chiến, tạo thuận lợi cho các chiến trường khác ở Miền Nam. Đồng thời phải giữ vững và ra sức xây dựng vùng giải phóng vững mạnh".

Hội nghị còn được phổ biến căn cứ sự đánh giá và nhận định tình hình của Trung ương Cục, về kế hoạch mùa mưa và dự kiến hoạt động giành thắng lợi mùa khô 1974 — 1975 của Trung ương Cục và Quân ủy Miền. Là những cán bộ lăn lộn ở chiến trường, thường xuyên tiếp xúc với cơ sở với hiểm nguy qua các thời kỳ diễn biến, anh em hoàn toàn nhất trí với nhận thức tình hình của Trung ương Cục và sự nhất trí đó đã chuyển thành sức mạnh tập thể chấp hành nghị quyết Đảng, sức mạnh chuyển tới từng đảng viên, từng quân chủng.

Ngay sau cuộc hội nghị quân sự, đồng chí Phạm Hùng với danh nghĩa là bí thư Trung ương Cục, bí thư Quân ủy Miền và là chính ủy Bộ tư Lệnh Miền đã cùng chúng tôi làm việc cụ thể với từng đoàn cán bộ của từng quân khu. Đặc biệt là với đoàn cán bộ của Thành đội Sài Gòn, bàn rõ về việc xây dựng và bố trí các loại lực lượng quân sự và chính trị, bí mật và công khai cũng như các hình thức hoạt động, nhất là hình thức hoạt động vũ trang ở vùng ven và trong nội thành. Đồng chí đã trực tiếp giải quyết những vướng mắc trong nhận thức của cán bộ thành về việc bố trí các đoàn đặc công sâu vào vùng ven và việc hoạt động quân sự ở các vùng ấy. Nhiều cán bộ đã quan niệm sai

là ở vùng ven biển nay tổ chức Đảng và tổ chức quần chúng còn yếu, không nên bỏ trí đặc công và bộ đội địa phương vào vì sơ lộ, sơ hồi, sơ dịch sẽ cần quét đánh phá làm cho không ổn định, dễ xây dựng cơ sở. Nhất là sơ neu đặc công hay bộ đội địa phương lại đánh địch ở đây nữa thì sẽ hết cơ sở. Không lẽ có lực lượng vũ trang ở đây mà địch đến lại không cho đánh? Vì thế mà nêu rằng: "Đánh thế nào để không hết cơ sở" làm anh em rất lung tung. Một số nơi đã rút lực lượng vũ trang ra khỏi hay đã thủ tiêu chiến đấu. Đồng chí nhấn mạnh: "Đường lối của Đảng ta là tấn công địch trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, đồng bằng và đô thị. Tấn công cả bằng lực lượng vũ trang và cả bằng lực lượng chính trị. Muốn vậy phải tổ chức và bố trí lực lượng quân sự kết hợp lực lượng quần chúng. Chỉ khác nhau giữa các vùng là cách tổ chức lực lượng ra sao, bố trí loại lực lượng gì. Ta phải đánh địch bằng ba mũi giáp công. Vậy cần nghiên cứu phương thức đánh ba mũi thế nào? Ở đâu? để giành thắng lợi từ nhỏ đến lớn. Dứt khoát ta không phải trường kỳ mai phục, càng không thủ tiêu chiến đấu. Trong chiến tranh không thể mong có sự yên ổn để tổ chức lực lượng, mà lực lượng được tổ chức trong hoàn cảnh ổn định giả tạo đó sẽ không có chất lượng. Trong giai đoạn chiến lược hiện nay ta phải vây ép chặt Sài Gòn hơn nữa, phải sẵn sàng phối hợp giữa các vùng để giành thắng lợi mùa khô tới, không được chậm trễ. Khi cán bộ thông suốt tư tưởng, quan niệm dùng văn để, dùng cầm đầu tranh, kết hợp chặt giữa cấp ủy địa phương với chỉ huy quân sự của cấp trên xuống và tại chỗ, thì sẽ có phương thức dùng. Phải mạnh dạn, dám nghĩ và dám làm..."

Một khâu dám nghĩ và dám làm rất quan trọng không thể nào quên là công tác văn tài, bố trí, tích trữ lương thực đạn dược cho B2 trong mùa mưa, của những chiến sĩ thực sự là "đi trước về sau", như truyền thống của Nam bộ kháng chiến, những chiến sĩ vất vả, gian lao nhưng thâm lặng, vui cái chiến thắng của anh em mà hầu như quên mất cái chiến thắng của mình -- Đó là chiến sĩ Hậu cần! Trong suốt mùa mưa tầm tã, lấy lợi, hàng vạn chiến sĩ hậu cần cùng hàng chục vạn lượt nhân dân

đã làm việc cả ngày lẫn đêm trên mọi tuyến đường từ phía sau ra phía trước, trên đồng lầy, biển cả và sông nước Đồng Tháp Mười, rừng U Minh, khắp đồng bằng sông Cửu Long đến núi rừng khu 7, khu 6, đến vùng ven và vào đến tận nội đô Sài Gòn. Có lẽ ngành hậu cần B2 đã nói lên rõ nhất mọi thứ kết hợp một cách tài tình trong chiến tranh chống Mỹ của ta: Kết hợp làm cả hậu cần quân đội và hậu phương quốc gia, kết hợp việc tiếp thu cung cấp của trên với việc mua sắm sản xuất tại chỗ, kết hợp hậu cần chuyên môn và hậu cần nhân dân, kết hợp lực lượng quân đội và lực lượng quần chúng, chiến sĩ và dân công, chính qui và du kích, quy mô lớn và nhỏ, công khai và bí mật, bí mật mang vác lên lúi qua các vùng địch ban đêm, bí mật dùng xe cơ giới, tàu thuyền công khai chạy trên các đường và sông, vào cả các đô thị, kết hợp hiện đại và thô sơ (xe bò, xe đạp thồ, xuống chèo, mang vác...) kết hợp công tác và chiến đấu diệt địch tự bảo vệ mình. Ngay trong câu tạo thành phần chỉ huy của Cục Hậu cần Miền đã phải có sự kết hợp rất cần thiết để đảm bảo công tác có hiệu quả cao. Đồng chí Tư Khanh (1), chính ủy Cục, trước đây là một công nhân xưởng Ba son, Sài Gòn, quê tỉnh Gia Định, đã sớm tham gia phong trào cách mạng và vào Đảng cộng sản Đông dương từ những năm 1930. Trong chiến tranh chống Pháp, đồng chí là chỉ huy phó Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Gia Định. Trong chiến tranh chống Mỹ, trước khi sang ngành hậu cần đồng chí đã là Tư lệnh pháo binh của Miền. Vì vậy đồng chí hiểu biết về quân sự, rành cả địa phương và người dân Sài Gòn cũng như Miền Đông Nam Bộ. Tinh trung thực và chân thành, đồng chí thương yêu, và lo lắng tận tình cho cán bộ và chiến sĩ, biết phải nuôi dưỡng và đảm bảo thế nào cho bộ đội đánh thắng. Đồng chí Cục Trưởng Bùi Phùng, quê ngoại thành Hà Nội, đã từng làm tham mưu ở Tổng cục hậu cần, có nghiệp vụ công tác thành thạo. Đồng chí Tư Vô (2)

(1) Tức thiếu tướng Đào Sơn Tây

(2) Đồng chí Võ Phát

Cục phó, trước kia, thời chống Pháp, là bí thư Tỉnh ủy Long Châu Tiền, đã hoạt động cách mạng nhiều năm vùng đồng bằng sông Cửu Long cũng như ở đất nước Kampuchia, là người có nhiều công lao tạo nguồn vật chất tại chỗ cho ngành. Cán bộ bên dưới cũng có sự hỗ trợ tương trợ để kết hợp được tài năng và đạo đức, quen việc và thao chiến trường, biết tìm của và rõ lòng người. Để ra công việc to lớn phải đi đôi với tổ chức và chọn người tương xứng mới đảm bảo thành công. Không thể kể hết được mọi thứ kết hợp từ đó tạo ra một sức mạnh tổng hợp làm cho ngành hậu cần B2 đã đảm bảo được mọi cuộc chiến đấu và chiến dịch bất cứ mở ra ở đâu và lúc nào, suốt từ đầu đến cuối chiến tranh. Ngay trong thời kỳ khó khăn thiếu thốn nhất về lương thực đạn dược của B2, đặc biệt là ở chiến khu A, bắc Biên Hòa, năm 1966, Miến vẫn cầm và giữ ở đó đoàn hậu cần 81 do đồng chí Mười Thiện (1) phụ trách. Nhờ vậy mà sự dẻo dai của khí cần tác chiến khu vực này, vẫn có gạo và đạn để đánh mà không cần phải mang theo nặng nề chậm chạp. Nhân một chuyến đi công tác mùa thu năm 1966, tôi ghé thăm đoàn 81, đồng chí Mười Thiện và anh em vẫn bảo đảm với tôi kiên quyết "bám trụ" bất kể tình hình thế nào. Anh chị em công tác ở đây, ngoài bom đạn và chất độc hóa học tàn công, còn có bệnh sốt rét vàng da cũng là một kẻ thù đáng sợ. Vì vậy mà "hồi chín năm" (2) anh em đã có câu: "Mà đá, Sông bẻ, anh hùng tận" (Sông Mã đá cháy ra sông Bẻ nơi nổi tiếng là nước độc đã làm chết bao nhiêu chiến sĩ ta vì bệnh sốt rét trong những năm chống Pháp).

Thần tốc ở đây phải hiểu là lo trước ếm sẵn, ở đâu cần ở đó có, lúc nào cần là có ngay. Muốn vậy phải có một suy nghĩ chiến lược dự kiến sớm chính xác kịp thời, một tổ chức gọn triển khai trước, có phương pháp, có hiệu năng gồm những con người đông cảm mưu trí. Không có thứ thần tốc để "Nước tới chân mới nhảy" công việc xảy ra rồi mới chạy nhón chạy nhào, mà

chạy thế nào kịp? Mỹ nguy có mấy bay vận tải nặng nhẹ, trực thăng nhiều mà chạy chết còn không kịp, huống hồ gì tải người, tải hàng đáp ứng với yêu cầu khi thời cơ cấp bách? Hậu cần B2 có thuật "Lớt ỏ sẵn". Lớt ỏ hàng trăm, hàng ngàn tấn lương thực, vũ khí đạn dược từ trước ở các lùm du kích, các địa bàn mà họ đòi chủ lực, địa phương sẽ dồn đó hoạt động khi cần, lớt ỏ thuốc nổ, súng đạn ở vùng ven đô thị, sát các sân bay, bến cảng, kho tàng của địch, trong nội thành, gần các mục tiêu quan trọng như ở ngay trung tâm Sài Gòn cho lực lượng đặc công, biệt động ta xử dụng theo kế hoạch của trên qui định. Không có lực lượng có tổ chức khéo léo tinh vi, không có cán bộ phù hợp, có năng lực phụ trách, không có quân chủng cách mạng thì không thể nào làm nổi những công việc như vậy. Để chuẩn bị cho mùa khô 1974 — 1975, trong mùa mưa, hậu cần đã chuyển đến cho các quân khu kể cả Sài Gòn trên 3000 tấn vũ khí đạn dược, đã cấp phát đủ cho các đơn vị các cơ sở đạn và lương thực cần thiết cho chiến đấu và dự trữ thường xuyên, đã tích trữ tại các khu vực sẽ diễn ra chiến đấu mùa khô chủ yếu ở Miền Đông Nam Bộ gần 30.000 tấn vật chất trong đó có gần 8000 tấn đạn dược và 1.500 tấn xăng dầu. Cái đáng nói của hậu cần B2 còn là việc có tạo ra vật chất tại chỗ cái gì có thể tạo được, và chỉ yêu cầu trên cung cấp những gì không tạo ra được tại chỗ. Nếu tính trong suốt năm 1973 và cả mùa mưa năm 1974, thì số lương vật chất hậu cần B2 tự tạo ra được đạt tỷ lệ 73% số nhu cầu của chiến trường. Như vậy chỉ còn 27% là xin Trung ương cung cấp. Thực hiện đúng mệnh lệnh của Bộ tư lệnh Miến, hậu cần đã đảm bảo lương dự trữ thường xuyên từ bốn đến sáu tháng lương thực, thuốc và dụng cụ quân y; ba đến sáu tháng xăng dầu, và bắt buộc phải có một năm vũ khí đạn dược. Làm được như vậy ở một chiến trường xa xôi, trong đêm, vô cùng ác liệt là một chiến công có ý nghĩa biết dường nào. Tôi đã gặp họ, những chiến sĩ hậu cần tần tảo trên khắp các ngã đường chiến dịch, họ hồn nhiên vui vẻ như bắt chập năng nhọc hiểm nguy, làm mà không nói. Đầu năm 1975, tôi qua bến Tà Lài, trên sông Đồng Nai, tại Chiến khu A, bắc Biên Hòa, hỏi chuyện một chiến

(1) Đồng chí đại tá Võ Văn Lân, hiện là Cục trưởng Cục Hậu cần Quân khu 7.

(2) Anh em gọi "Hồi chín năm" là chỉ thời kỳ chống Pháp.

si lái xe chật dầy dạn, người vạm vỡ, lạnh lén. Đồng chí đang cúi xuống rửa vào bánh xe đã mòn, vội đứng thẳng: " Bao cao thủ trưởng, em người Hà Bắc, vào chiến trường từ năm 1973 tên là Phạm Văn Miêng", và đồng chí lái canô dầy phà sang sông, đã đứng tuổi, người gầy nhưng chắc: " Em ở Cà Mau, tổng quân năm đồng khôn, tên là Út Đen. Lên trên này mới học thêm, ở nhà chỉ biết lái duôi tôm đưa vợ đi chợ" — " À đồng chí đã có vợ. Vậy đã có con chưa ?" — " Đã có một trai được ba tuổi thì bọn dân vệ đi cắn bần chết. Sau đó em tổng quân luôn, quyết trả nợ nước thù nhà." Tôi ngậm ngùi lòng quân đau. Tôi hỏi tiếp: " Còn đồng chí Miêng thế nào ?" — " Em chưa có gia đình, thành công rồi, em tình nguyện ở luôn trong này đây a" — " À ra thế, vậy đã có chủ ý đến cô nào chưa ?" — " Thừa chưa a — bây giờ thì suốt ngày đêm phải đánh cho xe đã "... Nhớ năm 1968, khi qua sông Sài Gòn ban đêm, ở một bên bờ trong rừng tre xơ xác bom đạn nhưng còn đủ để nguy trang cho ta từng đoàn... ở đây tôi đã gặp các cô gái trẻ măng đang vác từng hòm đạn nặng từ thuyền lên chặt vào các hầm trên bờ. Tôi đã quen mặt hai cô, cô Thâm và cô Liên, các cô là những chiến sĩ thi đua đã từng về họp mừng công ở căn cứ Miền, tại Cục hậu cần. Phần lớn các cô này đều ở vùng ven Sài Gòn; tổng quân vào công tác ở hậu cần khu Sài Gòn — Gia Định. Các cô nhận ra thủ trưởng mừng quá, xúm quanh hỏi chuyện riu rít — Bao giờ thì giải phóng Sài Gòn, làng Tân Thới Nhất, Bà Điểm đây chủ ? Có khác chêm vào — Cả làng Tân Hiệp Học Môn nữa, mấy chi nghĩ đến xa của mấy thôi há — Liệu chúng cháu có được về quê sau Tết không chủ ? — Không biết giờ đây các cô Thâm, cô Liên ấy, các cậu Miêng, cậu Út, ai còn ai mất ! — Biết bao người trong đó có chiến sĩ hậu cần, đã ngã xuống trên mảnh đất này. Đồng chí chủ nhiệm hậu cần đầu tiên của B2, đồng chí Nguyễn Văn Dung, một công nhân Sài Gòn, đầu tóc hoa râm qua hai mùa kháng chiến, cũng đã hy sinh trong lúc đang đi công tác. Không làm gì có phần chia hậu phương, tiền tuyến trong cuộc chiến tranh này. Hậu cần luôn phải xung phong lên tuyến trước, hàng hải đi trước để chuẩn bị và thu dọn chiến trường nên vui vẻ về sau !

Trong tháng 8 và tháng 9 năm 1974, Bộ Tham mưu Miền theo phương hướng của Trung ương cục vạch ra, và dưới sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Miền, làm kế hoạch hoạt động mùa khô 1974 — 75 trong dự kiến giành thắng lợi quyết định trong vài năm tới. Đầu tháng 10, Trung ương cục đã thảo luận và thông qua kế hoạch này. Trong cuộc họp, từng đồng chí trong Trung ương cục đã phân tích rõ ràng, cụ thể tình hình chiến trường và cả tình hình chung và đã nhất trí quyết tâm giành thắng lợi quyết định, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong hai năm 1975 — 1976. Năm 1975 là năm bản lề và năm 1976 kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh. Cũng không phải đã dễ dàng mà đi đến nhất trí như vậy. Bao nhiêu là dân do suy nghĩ, bao nhiêu phân tích lại đi lại vẫn để. Mọi người đều nêu rõ về sự suy sụp của cả nguy quân và nguy quyền ở các vùng. Ở đó thì cũng đã xuất hiện phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng chống Nguyễn quyền Thiệu tham nhũng, bắt lức, và tình hình đó tác động lại tinh thần quân lính địch, không ít. Mọi người đều phân tích thế và lực ta lên mạnh, phát triển đều trên các chiến trường. Du kích xã ấp của ta cũng đã diệt, gỡ được đồn bót địch. Nhưng vẫn lo lắng về một số mặt còn yếu: Lực lượng du kích và địa phương tuy gần đây có phát triển nhanh, nhưng số lượng còn thấp so với yêu cầu, chủ lực ta chưa có đòn tiêu diệt lớn, phong trào quần chúng có lên mạnh nhưng chưa đủ mạnh cho một cuộc nổi dậy lật đổ nguy quyền. Bà dòn chiến lược của ta — chủ lực, nông thôn, đô thị vẫn chưa đều. Đòn đó thì còn yếu... Tuy Mỹ thua buộc phải rút quân khỏi Việt Nam, tình hình nước Mỹ đang rồi ren về chính trị, kém sút về kinh tế, tài chính, nhưng cần thiết phải có những biện pháp khôn khéo để hạn chế sự can thiệp của Mỹ đảm bảo ta thắng lợi nhanh và gọn. Tất cả những lo lắng đó rất đúng. Đó là sự thật và ai này đều thấy ta phải nỗ lực lớn, nỗ lực liên tục mới đảm bảo thành công trong thời gian như vậy.

Điều làm cho mọi người nhất trí cao là xác định xem ta đang ở giai đoạn nào trong cuộc cách mạng của cuộc chiến tranh,

và đều đồng ý như phát biểu của anh Mười Cúc (1): “Chê độ Thiệu đang suy yếu nghiêm trọng, một mặt do mâu thuẫn bản thân của nó đến lúc phát triển, một mặt do ta tấn công ngày càng mạnh. Ta cần tấn công mạnh và liên tục hơn nữa, không cho chúng dừng lại lấy sức. Ngày nay ta có điều kiện đẩy lùi địch từng bước, giành thắng lợi từng phần đi đến giành thắng lợi hoàn toàn. Chê độ Ngụy không thể chịu nổi qua mùa khô 1975 — 1976”. Và anh Bảy Cường đã kết luận! “Địch đang khủng hoảng toàn diện — cả nguy quyền Trung ương, chứ không phải chỉ một mặt nào, một vùng nào. Ngụy sẽ suy sụp với tốc độ ngày càng nhanh như một chiếc xe lao xuống dốc, không loại trừ đi đến khả năng đột biến. Khuyết nhược điểm ta vẫn còn, nhưng có khả năng và đang trên đà khắc phục. Ta đang giành thắng lợi lớn ngay trong mùa mưa này. Ta có điều kiện chuẩn bị tốt cho mùa khô tới. Ta nhận định rằng ta có thể hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ vào năm 1976. Năm 1976 là một thời cơ hết sức quan trọng. Nhưng năm 1975 phải thực sự là năm bán lẻ, nỗ lực giành thắng lợi thì mới tạo điều kiện cho năm 1976 quyết định. Nói năm 1975 nhưng thực chất quyết định là mùa khô 1974 — 1975. Cần phải nắm vững tinh thần kế hoạch mùa khô mà Trung ương Cục và Quân ủy đã bàn, phải quán triệt ý nghĩa và nội dung mùa khô cho xuống tới dưới, phải quan niệm mùa khô này như một kế hoạch chiến dịch chặt chẽ từ quân khu 6 đến quân khu 9, từ chủ lực đến địa phương, từ nông thôn đến rừng núi, đô thị, phải phối hợp rất nhịp nhàng. Lần này hơn hẳn các lần trước, ta có kế hoạch phối hợp và bàn bạc chuẩn bị kỹ từ trên xuống dưới, cả trong quân sự và các cấp Đảng bộ. Ta quyết định giành thắng lợi lớn. Do vậy việc lãnh đạo chỉ đạo của Trung ương Cục và Quân ủy phải chặt chẽ trong mùa khô này, các khu và tỉnh cũng vậy. Phải chặt chẽ giữa cấp ủy và cấp quân sự tương đương trong việc chỉ đạo và chỉ huy.

Ta vừa thực hiện thật tốt kế hoạch mùa khô, đồng thời

1) Đồng chí Nguyễn-Văn-Linh, phó bí thư Trung ương Cục.

chuẩn bị hướng phát triển mạnh nếu tình hình diễn biến tốt cho ta, ta phải rón lên đạt thắng lợi cao nhất, kịp thời ngay trong năm 1975 này”.

Cũng trong cuộc họp này của Trung ương Cục, chúng tôi đã thảo luận đến trường hợp tình hình diễn biến nhanh, nguy quân, nguy quyền có thể suy sụp sớm hơn ta dự kiến, đặc biệt là nếu có xảy ra đột biến về quân sự chánh trị ngay ở Sài Gòn. Trong trường hợp đó có thể chiến trường B2 phải tự mình tiến hành tấn công cuối cùng vào sào huyệt đầu não của địch, kết thúc chiến tranh, mà không được để lỡ thời cơ. Tôi đã trình bày với Trung ương Cục rằng chúng tôi sẽ cố gắng đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương và du kích, cũng như các địa phương tăng cường phát triển lực lượng quân chủng cách mạng cho thời cơ ấy. Nhưng về chủ lực thì B2 còn rất yếu, thiếu cả về bộ binh và binh chủng kỹ thuật cho một nhiệm vụ nặng nề như vậy. Tôi đề nghị xin Trung ương cho ngay B2 từ ba đến bốn sư đoàn nữa thì tự mình chúng tôi đảm bảo trận chiến đầu cuối cùng ấy thành công. Xét về khả năng diễn biến có thể của tình hình, về đường lối chiến lược, cách tổ chức bố trí và sử dụng lực lượng của ta, về vị trí và vai trò của chiến trường B2, việc tăng thêm vào giai đoạn này ba, bốn sư đoàn cho chúng ta là hoàn toàn hợp lý. Tôi đã trình bày phác họa các hướng tấn công vào Sài Gòn, nói lên sự cần thiết phải có số lực lượng chủ lực như vậy. Sau khi thảo luận, các đồng chí Trung ương Cục đều nhất trí và quyết định xin trung ương ngay. Nhưng để các sư đoàn ấy đến kịp chiến trường, sẽ yêu cầu Trung ương điều theo lời cuốn chiếu, nghĩa là điều những sư đoàn ở Tây Nguyên vào B2, rồi điều lực lượng Trị Thiên vào thay ở Tây Nguyên, và cứ như thế cho đủ số bố trí ở các chiến trường, làm như vậy chúng ta sẽ rút ngắn được thời gian hành quân của các đơn vị.

Trung ương Cục và Quân ủy Miền đã báo cáo kế hoạch ra Trung ương và Quân ủy Trung ương và đã đề nghị Bộ chính trị triệu tập một cuộc họp với đại diện tất cả các chiến trường

để ban kế hoạch thống nhất toàn Miền Nam trong giai đoạn quan trọng này.

Kế hoạch mùa khô 1974 — 75 của B2 mà Trung ương Cục đã thông qua thực sự là một kế hoạch chuẩn bị tiến lên Tổng tấn công và nổi dậy của B2, kế hoạch tạo điều kiện đi lên đánh thắng lợi kết thúc cuộc chiến tranh ở chiến trường trong miền này. Vì vậy nó phải dựa trên cơ sở dự kiến trước một kế hoạch Tổng tấn công và nổi dậy của toàn B2. Thật ra thì kế hoạch dự kiến này chúng tôi đã ôm ấp rất lâu, bắt đầu từ khi chuẩn bị và tiến hành Tổng công kích và Tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân cho đến ngày nay. Hàng chục năm chiến đấu trên chiến trường này, đánh Pháp rồi đánh Mỹ, cán bộ quân sự chúng tôi đã hầu như thuộc lòng mọi địa hình địa vật, từng làng mạc, sông rạch. Chúng tôi cũng đã nắm rất rõ kế địch của mình, cách tổ chức và khả năng tiến hành phòng ngự, phản ứng của chúng trong từng thời kỳ. Nhưng quan trọng hơn là chúng tôi nắm chắc đường lối lãnh đạo của Đảng ta trong cuộc chiến tranh này: Chúng ta đánh địch bằng lực lượng quân sự và lực lượng chính trị. Quân sự và chính trị song song tất yếu dẫn đến Tổng công kích và Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi hoàn toàn. Nhất trí và tin tưởng vào đường lối lãnh đạo đó, chúng tôi luôn tâm niệm là đến một thời cơ nào đó, dứt khoát phải tiến hành Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa. Vì vậy mà sau khi có Nghị quyết 9 của Trung ương năm 1963, một nghị quyết vạch rất rõ đường lối đó, chúng tôi ở chiến trường có thành phố Sài Gòn — Gia Định, thủ đô của Ngụy quyền, luôn suy nghĩ cách thức tiến hành Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa như thế nào? Từ năm 1964, B2 đã vạch ra 5 hướng tấn công vào Sài Gòn, rồi tổ chức khu Sài Gòn thành năm phân khu 1, 2, 3, 4, 5 để tổ chức bố trí lực lượng và chỉ đạo cuộc Tổng công kích — Tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân — Từ lúc ấy đã xác định các mục tiêu ở nội ngoại thành, tổ chức các loại lực lượng thích hợp để tiến hành đồng loạt, trong đánh bung ra kết hợp với ngoài đánh vào. Tết Mậu Thân đã là một kinh nghiệm thực tế vô cùng quý báu. Nhưng mỗi ngày, cuộc chiến tranh tiếp diễn với nhiều hình thức và qui mô khác



(Ảnh tác giả)

Rừng Miền Đông trong chiến tranh chống Mỹ

nhau cũng là mỗi ngày làm phong phú thêm sự suy nghĩ, làm già dặn thêm những kinh nghiệm cho đến ngày nay, chúng tôi lại đứng trước ngưỡng cửa của lần thứ hai, Tổng tấn công và nổi dậy ở Saigon cũng như ở toàn B2. Chín mươi qua ngẫm nghĩ nhiều năm, chúng tôi không khó khăn lắm phác họa ra một kế hoạch dứt điểm Saigon và toàn B2 để làm nền cho kế hoạch mùa khô 1975 này.

Đó không phải là một kế hoạch Tổng phản công quân địch từ một tuyến nào đó như trong một chiến tranh qui ước thông thường. Không phải dùng lực lượng quân sự thuần túy, những quân đoàn chủ lực hùng mạnh, tiêu diệt và đuổi địch từ Tây Nguyên, hay Quảng Trị vào Thừa Thiên, Quảng Nam, Đà Nẵng vào Saigon và truy kích đến tận Cà Mau, Côn Sơn, Phú Quốc... Thực ra muốn làm thế cũng không làm được, mà có làm được đi nữa thì cũng có nguy cơ địch có dẫn quân rồi cùm lại ở một vùng nào đó, dựa vào không, hải quân ưu thế của Mỹ để rồi phản công trở lại. "Phương án Gavin" đã từng dự kiến có cùm chiến lược về đồng bằng sông Cửu Long như vậy đó. Gavin là một tướng lĩnh có hạng của Mỹ, qua Saigon năm 1972 là năm mà Mỹ Ngụy bị, đập tới bờ, bị thua nặng từ Quảng Trị đến Miền Đông Nam Bộ. Trong bối cảnh ấy, y đã nghĩ ra một phương án chiến lược có dẫn, rút dần nếu bị thất bại mà khu vực cuối cùng phải bám giữ là Mỹ Tho — Vĩnh Long — Cần Thơ. Y tính toán : Đồng bằng sông Cửu Long là kho nhân lực, là cuộc sống tính từng giờ cho Saigon, là nhịp đập của "trái tim thù địch". Đồng bằng sông Cửu Long là nơi cung cấp lực lượng chi viện cho Saigon. Từ đó phát triển tăng cường lực lượng phóng thủ, tạo sự phản kích lại đối phương trong điều kiện xấu nhất". Hẳn y đã nhớ lại bài học quân nguy từ Mỹ Tho về cứu Ngô Đình Diệm ở Saigon năm nào. Y còn nghĩ rằng đồng bằng sông Cửu Long còn đưa lưng ra biển, ra đảo Côn Sơn, Thổ Chu, Phú Quốc... là thế mạnh, tiện lợi cho Mỹ lại từ đại dương tiến vào. Cái nhìn của những tên thực dân thật không khác nhau. Năm 1946, trong một chỉ thị, gởi cho cao ủy Pháp ở Đông Dương D'Argenlieu, Bộ trưởng Pháp quốc hải ngoại Moutet đã nhận

manh: "... Nam kỳ là cái trục thực sự của toàn bộ chính sách của chúng ta ở Đông Dương. Chúng ta phải thành công và thành công nhanh ở Nam kỳ vì rằng tương lai của sự có mặt của nước Pháp hầu như hoàn toàn phụ thuộc vào thắng lợi hay thất bại của chúng ta ở đây". D'Argenlieu cũng có quan điểm: "... Nam kỳ là chìa khóa của toàn bộ liên bang Đông Dương trong khối liên hiệp Pháp. Nếu quyền lực Pháp cũng có được ở đây thì liên bang Đông Dương trong khối liên hiệp Pháp sẽ trở thành hiện thực..." "... Không bao giờ được quên tầm quan trọng của bộ phận Nam kỳ. Bộ phận này là hòn đá tảng trong lâu đài liên bang Đông Dương và là nền tảng của ảnh hưởng của chúng ta" (1). Vào thời kỳ đó Nguyễn Văn Thiệu đã kịch liệt chống lại phương án này, cho đó là một ngư xương, một sự đầu hàng "Việt cộng". Nhưng đó là lúc mà Thiệu trông vẫn đứng vững, dựa vào cái cọc chống đỡ mạnh mẽ của Mỹ. Còn lúc mà cơ hồ không còn manh giáp thì phương án Gavin là tối ưu rồi còn gì? Bảo chí phương tây đã từng bình luận: "Với số dân xấp xỉ mười triệu ở đồng bằng Nam bộ, Nguyễn Văn Thiệu chẳng thể là một vị Tổng thống đương hoàng của một quốc gia trong Đông Nam Á có diện tích ngọt ngào ba mươi sáu nghìn cây số vuông hay sao?"

Nhưng về phần chúng ta, chúng ta đã suy nghĩ tại cả những việc ấy trước hơn Gavin, cả những phương án Gavin chưa nghĩ đến, để chọn một chiến lược thích hợp nhất cho cuộc chiến tranh này.

Ngay từ đầu, Đảng ta đã chủ trương một kế hoạch chiến lược Tổng công kích - Tổng khởi nghiệp thân kỷ của một cuộc chiến tranh nhân dân cách mạng phát triển đến cao độ. Chúng ta tấn công địch bằng lực lượng quân sự tổ chức theo rất nhiều kiểu cách thích hợp, kết hợp với nổi dậy của quần chúng từ nhỏ chỉ lớn ở khắp các vùng, vùng rừng núi, vùng nông thôn đồng bằng và vùng đô thị. Trước một kế địch hoàn toàn chiếm ưu thế trên không, dưới biển, ở sông ngòi, ưu thế về vũ khí và phương tiện hiện đại, cơ động nhanh chóng bằng trực thăng bất cứ ở địa hình nào, hỏa lực hủy diệt đối đạo, thì lực lượng

của ta chủ yếu quyết định là lực lượng cầm ngay tại chỗ, ở đâu cũng có lực lượng cách mạng, quân địch đến đâu, ở đâu, cũng đều bị đánh, bị đánh bằng lực lượng quân sự và lực lượng chính trị của quần chúng, bằng lực lượng lớn cũng như lực lượng nhỏ, tình nhuệ, bằng lực lượng thấy được và lực lượng không thấy được. Ngay chủ lực của ta cũng là chủ lực hoàn toàn cơ động tác chiến, nhưng cơ động trong từng khu vực nhất định, kết hợp chặt chẽ với địa phương, không có thứ chủ lực cơ động toàn chiến trường, tách rời địa phương. Ưu việt của ta là địa phương có tính chất rất quyết định, nhưng tất cả địa phương được lãnh đạo thống nhất rất chặt chẽ từ trung ương. Tết Mậu Thân 1968 đã chứng tỏ điều đó sao? Trong cùng một ngày đêm, dưới một hiệu lệnh phát ra từ Trung ương, hàng trăm thành phố, hàng nghìn làng mạc, mục tiêu, của địch cũng bị tấn công dữ dội đến nỗi quan địch không còn biết đâu mà lẩn, không có vào đâu, không rút đi đâu được, choáng váng ngay tại chỗ, choáng váng cả ở nước Mỹ. Thần tốc của ta là như vậy, thần tốc bao trùm một không gian rộng, một thời gian ngắn, thần tốc trong hành động chiến đấu, trong chiến dịch và quan trọng hơn là trong một giai đoạn chiến lược, trong cách kết thúc một cuộc chiến tranh. Đừng suy nghĩ đơn giản theo kiểu thần tốc tấn công từ xa bằng những binh đoàn chủ lực cơ động thân kỷ mà rồi không thể nào hiểu nổi thực tế.

Nắm vững quan điểm chiến lược này, trong suốt mùa mưa 1974, Trung ương cục và Quân ủy Miền hết sức theo dõi đơn độc các địa phương phát triển nhanh thực lực quân sự chính trị của bản thân, tạo thế tạo lực, để từng nơi từ mở mang vùng giải phóng. Và rồi tháng 10-1974, Trung ương cục đã chỉ đạo nhân mạnh "xả giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh, trong toàn chiến trường B2". Khẩu hiệu hành động bắt hủ đồ xuất phát từ quan điểm chiến lược kết hợp tấn công và nổi dậy và từ thực tế đã diễn ra trên chiến trường từ trước, đưa ra đúng vào lúc ấy, đã tạo thành một sức mạnh ghê gớm. B2 làm kế hoạch mùa khô 1974 - 75 là dựa trên dự kiến, từ B2 phải tiến hành Tổng tấn công và nổi dậy ở Saigon,

(1) Theo tư liệu của Phan viện lịch sử Cục Khoa học Quân sự - BQP.

từ từng quân khu, từng tỉnh phải giải quyết chiến trường của mình, mà không dời lực lượng của trên, nhưng có hợp đồng trong một kế hoạch chung chặt chẽ về mục tiêu về thời gian, và dưới sự lãnh đạo chỉ huy thống nhất của Trung ương. Kế hoạch Tổng tấn công và nổi dậy dự kiến ở toàn B2, được xác lập trên những yêu tố quan trọng sau đây :

Trước nhất phải đảm bảo không đánh đuổi địch từng tuyến, không để cho địch có cụm chiến lược ở bất cứ vùng nào, ngay ở Sài Gòn, hay ở đồng bằng sông Cửu Long, kể cả ở các đảo ngoài biển đông, ngoài Vịnh Thái Lan như Gavin đã tính toán. Có cụm ở Sài Gòn thì chúng tôi đã lo ngăn chặn dần từ trước không để địch xây dựng được những tuyến phòng thủ vững chắc và lần lượt phá dần thế có thể có cụm được quanh Sài Gòn. Có cụm ở đồng bằng sông Cửu Long hay ở hải đảo thì biện pháp có hiệu quả nhất là phải tấn công và nổi dậy kịp thời và mạnh mẽ của lực lượng quân sự, chính trị tại chỗ, và chia cắt chiến lược vùng đồng bằng ra nhiều mảnh, tiêu diệt địch từng khu vực một mà không cho chúng dồn về một nơi nào để cô thủ.

Yếu tố thứ 2 là phải chia cắt, bao vây, cô lập quân địch cả về mặt chiến dịch và chiến đấu để tiêu diệt chúng không cho chúng tập trung lại, dựa vào nhau, chi viện cho nhau ; đầu đuôi không cứu nhau được. Quân địch ở B2 tương đối đồng bộ bao gồm lực lượng của hơn hai vùng chiến thuật cộng với lực lượng của biệt khu thủ đô của chúng và lực lượng tổng trừ bị. Phải đảm bảo quân địch nào ở đâu, cũng đều bị đánh cùng một lúc, đồng hóa ít, mạnh thành yếu. Muốn làm được như vậy ta phải nắm vững phương pháp hai chân ba mũi, đánh bất ngờ, kịp thời và liên tục, dồn dập khắp mọi nơi cùng trong một thời gian nhất định.

Thứ 3 là phải triệt hạ chỗ mạnh của địch, khoét sâu chỗ yếu của chúng. Trong suốt quá trình cuộc chiến tranh, Mỹ ngụy dựa chủ yếu vào lực lượng không quân mạnh, không chế bầu trời, chỉ viện hỏa lực mạnh từ trên không, cơ động bằng máy bay vận tải và trực thăng. Sau đó đến hải quân, các giang đoàn,

cơ giới và pháo binh. Không có không quân chi viện mạnh thì quân ngụy sẽ mất tinh thần chiến đấu nhanh, dễ đi đến tan rã và đầu hàng. Ở B2 có ba sân bay lớn là chỗ dựa cuối cùng, là sức mạnh của chúng, đó là sân hay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất và Lộ Tế ở Cần Thơ. Ngoài ra chúng phải dựa vào các tàu sân bay của hạm đội 7 Mỹ ngoài khơi. Phải có kế hoạch và có lực lượng đặc biệt bố trí sẵn từ trước, không chễ cho được ở mức tối đa ba sân bay này di dời với lực lượng phòng không bảo vệ bầu trời của ta.

Yếu tố thứ 4 nằm trong trận tấn công vào đầu não của địch, giải phóng Sài Gòn, nơi được phòng thủ cứng nhất, mạnh nhất. Là một trung tâm chính trị, văn hóa, thương mại có nhiều đường bộ nối thông với khắp mọi miền đất nước. Quan trọng nhất là đường số 1 và đường xe lửa nối với Miền Trung, đường số 4 nối với đồng bằng vừa lúa và kho người và cũng là vùng 4 chiến thật mà lực lượng quân sự còn tương đối mạnh. Lại có đường 15 và sông Lòng Tàu nối với Đại dương qua cảng Vũng Tàu, là hướng quân Mỹ vào cứu nguy hay hướng rút chạy của Ngụy về mẫu quốc. Là đầu não chỉ huy chiến tranh nên có đủ mọi đường giây liên lạc với các vùng, các đơn vị, cả với hạm đội 7 Huế Kỳ. Muốn giải phóng Sài Gòn, trước hết phải cô lập nó với xung quanh, không có đường co, đường chạy, không dựa vào đầu nhờ chi viện, bị bao vây không có lối thoát, chỉ hỗn loạn và tan vỡ.

Yếu tố thứ 5 là đánh Sài Gòn phải mạnh, nhanh, gọn, các mục tiêu trọng yếu phải bị chiếm hầu như cùng một lúc mới bảo đảm thắng lợi thần tốc làm cho địch không còn thì giờ sắp xếp lại việc phòng thủ, củng cố lại lực lượng, dựa được vào các cấu trúc phức tạp bên trong, phá hoại, gây đổ nát cho thành phố, gây khó khăn cho bên tấn công. Lại còn vấn đề nữa là không để cho những tay phù thủy chính trị có thời gian, cấu trúc các sân khấu, và vùi các con rối để làm phép ngăn chặn sự thắng lợi của cách mạng. Muốn vậy phải kết hợp chặt chẽ cuộc tấn công như vũ bão từ bên ngoài bằng nhiều hướng với sự đánh phá và nổi dậy từ khắp bên trong. Không thể để ta phải đánh từng

đường phố, chiếm từng gian nhà, diệt từng mục tiêu. Bộ đội chủ lực mạnh từ nhiều hướng bên ngoài đánh vào, bộ đội đặc biệt và tinh nhuệ đánh các mục tiêu bên trong, quân chúng nổi dậy chiếm các đường phố, làm chủ các công sở, bảo vệ các nhà máy... Phải làm cho quân địch không còn một chút tinh thần nào, ra toàn bộ. Chúng ta đang làm một cuộc chiến tranh cách mạng ngay trong lòng đồng bào của ta : Đảng đã chỉ cho ta phải nắm vững chiến lược Tổng tấn công và nổi dậy. Có tấn công, có nổi dậy, có đánh ngoài vào, có đánh trong ra, đồng loạt. Đó là thần tốc. Để làm được như vậy, Trung ương cục, Thành ủy Sài Gòn — Gia Định đã nghiên cứu bộ trí từng chi bộ từng Đảng viên, đoàn viên, từng nông cốt lãnh đạo, từng tổ quần chúng có tổ chức, thanh niên, phụ nữ, học sinh, sinh viên khắp phố phường quan trọng, cơ sở quan trọng. Lực lượng vũ trang có thanh niên cầm súng, an ninh vũ trang, biệt động đặc công, được giao từng mục tiêu từ trong nội thành ra đến vùng ven, đã được rèn luyện và có truyền thống. Còn các binh đoàn chủ lực từ ngoài đánh vào thì thế nào ? Nó rất quyết định cho thành công, cho nên phải mạnh và phải được tính toán thật chi li, ngay trong một trận đánh hợp đồng binh chủng trong chủ lực cũng phải có sự hợp đồng tất cả các thứ lực lượng vũ trang và bán vũ trang, hợp đồng giữa lực lượng quân sự và lực lượng chính trị của quần chúng có tổ chức và chưa có tổ chức.

Kế hoạch dự kiến các binh đoàn chủ lực đánh vào từ năm hướng, đó là căn cứ vào các mục tiêu trọng yếu nhất trong nội thành cần phải chiếm lĩnh nhanh hầu như cùng một lúc. Căn cứ vào tính chất và cách phân bố các mục tiêu ấy nằm trong thành và liên hệ với ngoại thành. Căn cứ vào địa hình địa vật xung quanh các mục tiêu, xung quanh thành phố. Căn cứ vào cách bố trí phòng thủ của địch và khả năng các bàn đạp xuất phát tấn công của ta... Trong năm hướng ấy thì hướng Tây bắc và hướng Bắc là thuận lợi hơn cả. Vì địa hình ở cả hai hướng ấy tốt, khô ráo, bằng phẳng, rộng rãi, tiện lợi cho triển khai các binh khí kỹ thuật, cho cơ giới, cho lực lượng lớn của chủ lực. Trong tấn công phải vượt qua đồng bưng Cầu An Hạ, sông

Rạch Tra, Lái Thiêu, nhưng các đồng bưng này hẹp, dễ khắc phục. Tuyến xuất phát tấn công tuy phải chiến đấu ra trước cho hoàn chỉnh hơn, nhưng nó nằm ngay ven vùng căn cứ hậu phương rộng rãi của ta, thuận lợi cho cơ động và bố trí lực lượng, cho tiếp tế từ phía sau đến và liên lạc với hậu phương, với chỉ huy sở chiến dịch. Quân địch phòng thủ có chủ ý nhiều đến 2 hướng này, vì tiếp giáp với căn cứ ta và chủ lực ta thường xuyên đứng ở đây. Chúng bố trí hai sư đoàn tương đối mạnh, nhưng bị phân tán ra cả chiều rộng và chiều sâu, không thành tuyến có công sự và nổi lên bằng đơn biệt kiên cố vì đã bị ta phá thủng từ trước rồi. Các mục tiêu trọng yếu mà hai cánh quân này phải chiếm lĩnh không nằm sâu trong nội thành, đường tấn công không phức tạp.

Hướng đông thủ địa lợi, nhưng nhân không hòa. Quân chúng có Tổ chức của ta còn yếu. Tuyến tham tấn công hướng này sâu hơn các hướng khác vì phải đánh chiếm các mục tiêu lớn và cũng như san bay Biên Hòa, thị xã Biên Hòa và đặc biệt là chỉ huy sở Quân đoàn 3 Nguyễn Văn Xuân có nhiệm vụ chỉ huy các lực lượng phòng thủ chủ yếu Sài Gòn. Lại còn phải vượt qua hai con sông lớn là sông Đồng Nai và sông Sài Gòn, tuy đường sá thuận lợi nhưng nếu địch phá các cầu thì rất khó mà tiến vào đến mục tiêu đúng thời gian. Các tuyến xuất phát tấn công ở đây xa với hậu phương căn cứ, việc tải lương thực đạn dược gặp nhiều trở ngại. Hậu phương trực tiếp của cánh thủ phải chiến đấu mở ra sớm mới tạo đường tái, xây dựng dự trữ hậu cần được. Vì hiện các vùng này địch còn kiểm soát.

Hai hướng Tây và Nam là khó khăn phức tạp nhất. Địa hình ở cả hai hướng này trước khi đến và ngay cả ở tuyến xuất phát tấn công cho vào tới mục tiêu phải chiếm, đều thấp và lầy, bị nhiều sông rạch chia cắt. Đặc biệt là hướng Nam, quân đi bộ cũng không thoát ra khỏi đường lầy được, nói gì đến cơ giới, xe pháo. Nước ngọt cũng phải mang theo mới có uống. Xe pháo muốn đến triển khai ở tuyến xuất phát tấn công thì phải vừa đánh địch mở đường, vừa tổ chức cầu phà vượt hệ sông Vàm Cỏ. Tiếp tế từ hậu phương ra vừa xa, vừa trở ngại vì không có đường

sá. Nếu không phải là những cán bộ và đơn vị hoạt động nhiều năm ở đây thông thạo địa hình, địa phương và địch thì không thể nào có thể khắc phục được những khó khăn nhiều mặt để thành những hướng tấn công có giá trị. Và khi đã khắc phục được những trở ngại để tấn công thì trở thành những mối tấn công rất bất ngờ đối với địch và rất lợi hại, đảm bảo cho thành công nhịp nhàng của toàn chiến dịch.

Hướng Tây và hướng Đông còn một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng cho thắng lợi của chiến dịch là phải bao vây cô lập hoàn toàn Sài Gòn trước khi nổ súng tấn công vào trung tâm thủ đô Ngụy. Đó là cắt đứt quốc lộ số 4 nối Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long, cắt đứt đường số 1, và đường xe lửa ra Miền Trung, đường 15 và sông Long Tàu ra biển.

Để đảm bảo cho cả năm hướng tấn công đúng cùng thời gian vào Sài Gòn chiếm lĩnh các mục tiêu quan trọng như: cùng một lúc trong một kế hoạch chiến dịch hợp đồng chặt chẽ, trong khi mỗi hướng có điều kiện và các đặc điểm khác nhau xa như vậy, đòi hỏi một sự chuẩn bị công phu từ trước, phải tiến hành trước hàng nhiều tháng trời một số công việc hết sức quan trọng.

Đó là việc chuẩn bị lực lượng cho hướng Tây và Nam. Như trên đã nói, hai hướng này cần lực lượng quen thạo địa hình, quen hoạt động ở các vùng rừng lầy sông rạch... Đặc biệt là hướng Nam không thể dùng xe và pháo xe kéo mà phải là pháo mang vác. Phải là những đơn vị quen chiến đấu ở địa hình phức tạp, điều kiện khó khăn, mang vác theo mình súng đạn lương thực, và chỉ được yểm trợ bằng pháo nhẹ. Chỉ có thể dùng ở đây các đơn vị được tổ chức nhẹ, gọn, từng trung đoàn, biệt phái tán, tập trung linh hoạt, biết vượt sông bằng mọi phương tiện tại chỗ thậm chí không có phương tiện... Phải là những đơn vị quen sống với dân địa phương, biết kết hợp chặt chẽ với du kích và bộ đội địa phương, biết vận động nhân dân cùng chiến đấu và giúp bộ đội chiến đấu. Hướng Tây có thể dùng xe, pháo, thậm chí cả xe, pháo nặng nhưng phải quen thạo điều động xe pháo trên địa hình phức tạp, bí mật vượt sông ban đêm

và nguy trang khéo léo... Cả hai hướng này đòi hỏi phải chuẩn bị công phu các đường hành quân từ xa đến nơi trú quân, chuẩn bị nơi tập kết và tuyến triển khai xuất phát tấn công rất khó khăn, có khi xen kẽ với địch. Vấn đề dự trữ hậu cần cho hai hướng này cũng rất gian khổ cả trong công tác vận tải cũng như xây dựng kho tàng, trạm xá quân y và tái thương...

Căn cứ vào kế hoạch dự kiến Tổng tấn công và Nổi dậy trên chiến trường B2 như vậy mà Bộ Tham mưu vạch kế hoạch mùa khô 1974 -- 75 của B2 mở đầu từ tháng 12-1974, chia làm hai đợt :

- Đợt 1 từ đầu tháng 12-1974 đến đầu tháng 2-1975
- Đợt 2 từ đầu tháng 3 đến hết tháng 5-1975.

Nội dung chủ yếu của kế hoạch mùa khô là tiếp tục phá kế hoạch bình định của địch ở đồng bằng sông Cửu Long, mở rộng vùng giải phóng, đánh nhiều dân vệ với cách mạng, mở rộng và hoàn chỉnh vùng căn cứ hậu phương và hành lang nối liền các chiến trường, đặc biệt là căn cứ chính Miền Đông và hai cánh đông tây Sài Gòn, tiêu diệt từng tiểu đoàn, chiến đoàn quân ngụy, giải phóng quận lỵ, tiến lên có điều kiện thì giải phóng tỉnh lỵ, tiếp tục tạo thế tạo lực mạnh cho ta; thúc đẩy nhanh sự suy sụp của ngụy và sẵn sàng tạo ra và nắm vững thời cơ giành thắng lợi. Các hướng và mục tiêu tấn công tiêu diệt địch mở rộng vùng giải phóng... đều phải phù hợp với kế hoạch tổng tấn công và nổi dậy toàn B2 đã dự kiến như nói trên. Làm được như vậy, đạt được những chỉ tiêu đề ra cũng tức là tích cực chuẩn bị mọi điều kiện cho thắng lợi quyết định.

Đồng bằng sông Cửu Long chọn trong điểm số một tấn công địch là ở các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre. Hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh là vùng đất nằm giữa hai sông Tiền và sông Hậu, ở trung tâm đồng bằng Cửu Long; có đường số 4 và sông Mang Thít là hai đường chiến lược bộ thủy chạy qua. Mở rộng vùng giải phóng và nắm dân ở đây là tạo điều kiện cắt đứt lộ 4, làm chủ sông Mang Thít, khóa chặt hai bên phà Cần Thơ và

Mỹ Thuận tức là cắt toàn bộ vùng đồng bằng cửa long ra làm ba mảnh, chặt vùng 4 chiến thuật dịch ra làm nhiều đoạn cô lập nhau. Đây là đòn chiến lược đập tan ảo tưởng của Mỹ ngay từ sớm là có cùm chiến lược về đây để phản kích lại, khi bị thua nặng các nơi khác. Bến Tre là một tỉnh có địa hình tốt nằm sát với Gò Công, Cần Đức, Cần Giuộc. Thắng lợi của ta ở đây vừa hỗ trợ cho mặt trận Vĩnh Long, Trà Vinh vừa tạo được một bàn đạp tốt cho mũi tấn công vào Sài Gòn từ hướng Nam. Để bảo đảm cho hướng tấn công phía Nam Sài Gòn, Bộ tư lệnh Miền dự kiến tạo cho được hai hướng tiền quân, một là từ vùng Long Định, Mỹ Tho qua Chợ Gạo, Tân Trụ, Tân An, rồi Cần Đức, Cần Giuộc, Nhà Bè. Hai là từ Bến Tre qua Gò Công rồi Cần Đức, Cần Giuộc, Nhà Bè đánh vào Quận 7 và 8... Cả 2 đường tiền quân này đều phải qua những vùng yếu của ta, địch đóng dày đồn bốt, địa hình khó khăn, lại xa vùng căn cứ giải phóng. Vì vậy nếu không hoạt động tạo điều kiện sớm từ nhiều tháng và phải có những đơn vị quen thạo thì khó mà thực hiện được kế hoạch.

Ngoài ra khu 9 còn trong điểm 2 là phải mở rộng vùng căn cứ giải phóng U Minh lên hướng Cần Thơ để chuẩn bị việc không chễ sán hay Lộ Tẻ và đánh vào "Tây đô" chỉ huy sở Quân đoàn 4 của địch. Khu 8 lấy trong điểm 2 là mở rộng vùng giải phóng Đồng Tháp Mười sát ra lộ 4 để sẵn sàng cắt lộ 4 từ vùng đất Mỹ Tho và đánh diệt các sư đoàn 7 và 9 của Ngụy không cho chúng chi viện cho Sài Gòn. Bộ tư lệnh Miền còn giao cho Quân khu 8 chuẩn bị các trung đoàn tham gia chiến dịch giải phóng Sài Gòn từ phía nam vì chỉ lực lượng của khu 8 với sự tích cực chuẩn bị của Quân khu mới có điều kiện tiến hành mũi tấn công bất ngờ và lợi hại này. Miền cũng có dự kiến có thể điều hai trung đoàn của Quân khu 9 từ Trà Vinh lên tham gia mũi tấn công phía Nam Sài Gòn.

Chủ lực của Miền, của Quân khu 7 và 6 phải đánh mở rộng, hoàn chỉnh các vùng căn cứ, chuẩn bị cho các hướng bắc, Tây bắc, Đông và tây Sài Gòn, bao vây cô lập và ép sát Sài Gòn ngày càng chặt. Ngay từ đầu mùa khô phải giải phóng đường 14

từ Đồng Xoài lên giáp Quảng Đức là để mở rộng căn cứ của Miền về phía sau giáp Tây Nguyên và nối liền căn cứ Miền về phía đông Sài Gòn, tạo điều kiện mở đường và dự trữ vật chất kỹ thuật sẵn trước cho hướng này. Muốn giải phóng đường 14 thực hiện ý định nói trên, thì phải diệt cho được mục tiêu chủ chốt là Đồng Xoài và khu đã đạt được thì tỉnh lý Phước Long hoàn toàn bị cô lập, ta chỉ cần bao vây dịch lại đó, chúng không còn tác dụng gì nữa. Nhưng nếu có điều kiện thì ta giải phóng luôn toàn tỉnh Phước Long làm cho căn cứ hậu phương ta hoàn chỉnh mà còn đạt được một tác động về tâm lý và chính trị rất có lợi cho ta. Lực lượng quân khu 6 và 7 có nhiệm vụ giải phóng các huyện Hoài Đức và Tân Linh để tạo được một khu vực tập kết cho bộ đội và dự trữ lương thực đạn dược cho hướng tấn công phía đông Sài Gòn vào chỉ huy sở quân đoàn 3 rồi vào Sài Gòn. Sau đó hợp đồng với lực lượng của trên cắt đường số 1, đường 20, 15.

Lực lượng chủ lực của Miền còn phải mở rộng hành lang tây tỉnh Tây Ninh, giải phóng vùng Bến Cầu, Quẹo Ba thuộc quận Đức Huệ và phía bắc quận Đức Hòa là nhằm tạo bàn đạp phong tỏa Sài Gòn từ phía tây tạo khu vực và tuyến xuất phát tấn công cho hướng Tây. Phải diệt điểm núi Bà Đen là cao điểm không chễ toàn bộ phía Bắc, Tây bắc Sài Gòn, là nơi quan sát các hành động trong vùng căn cứ của ta, là trung tâm thông tin chuyển tiếp của Quân đoàn 3 địch cho tất cả các lực lượng của chúng ở các hướng này. Phải mở rộng và hoàn chỉnh căn cứ của ta về phía trước, bằng cách diệt Bình Long, Chơn Thành, Dầu Tiếng, làm chủ đường số 26 Tây Ninh là để tạo vùng tập kết lực lượng và bàn đạp xuất phát tấn công cho hướng Tây Bắc và cả hướng bắc nữa.

Kế hoạch mùa khô 1974 -- 75 của toàn B2 như vậy thực chất là tiếp tục đánh sụp địch, thay đổi so sánh lực lượng có lợi hơn nữa cho ta, tạo thời cơ giành thắng lợi quyết định, là thiết thực chuẩn bị hoặc cũng có thể nói là bắt đầu vào những công việc của Tổng tấn công và nổi dậy của chiến trường, tạo điều kiện cho trận tấn công vào sào huyệt cuối cùng của địch.

Quân và dân B2 bước vào hoạt động mùa khô là với sự nhận thức rất rõ về giai đoạn chiến lược quan trọng này, với lòng tin tưởng ở thắng lợi, với quyết tâm cao và tinh thần phấn khởi. Bộ tư lệnh Miền đã trực tiếp làm việc với từng quân khu, từng đơn vị, đã lần lượt duyệt kế hoạch của các nơi và kiểm tra sự chuẩn bị mọi mặt. Chưa bao giờ có một chiến cuộc được chuẩn bị chu đáo và công phu như vậy cả về mặt quân sự, cả về mặt chính trị, cả về lực lượng tấn công, cả về lực lượng nổi dậy, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương cục. Những công việc sôi nổi, bí mật, khẩn trương ấy tiến hành rất tích cực trong suốt mùa mưa 1974, một mùa mưa chưa từng có!

Đề động viên bước vào mùa khô mong đợi này, tháng 11-1974 Quân ủy và Bộ tư lệnh Miền đã gửi thư cho tất cả cán bộ và chiến sĩ chủ lực địa phương, du kích — thư động viên có đoạn viết:

"... Quyết tâm lớn của toàn Đảng toàn quân, toàn dân ta là trong năm 1975 giành thắng lợi thật to lớn, toàn diện, tạo bước ngoặt có ý nghĩa quyết định làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho ta, làm cơ sở vững chắc tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn".

"Đầu với cả năm 1975, thắng lợi mùa khô 1974 — 1975 có tính chất quyết định".

"... Sông trên mảnh đất thiêng liêng Thành đồng Tổ quốc, quê hương đồng khởi Nam Kỳ, tổng tấn công và nổi dậy Mậu Thân, và bao chiến công rực rỡ, các đồng chí hãy tỏ rõ chí khí anh hùng, quyết ghi mùa khô 74 — 75 vào lịch sử hàng những chiến công thất chiến lợi".

"Hãy vượt mọi gian khổ khó khăn, đập tan đầu thù xâm tới giành thắng lợi! ..." (1)

Cuối tháng 10, Trung ương Cục nhận được điện của Bộ chính trị gọi đồng chí Phạm Hùng và tôi ra Hà Nội dự cuộc họp của Bộ chính trị Trung ương Đảng cùng với đại diện các

1) H6 sơ lưu trữ Phòng Khoa học Quân sự Quân khu 7.

chiến trường toàn Miền Nam để bàn phương hướng kế hoạch sắp tới.

Ngày 13-11, Đoàn lên đường. Cũng chính những ngày này, lực lượng toàn B2 cũng nhận nhịp lên đường đến nơi tập kết bước vào chiến cuộc mùa khô theo kế hoạch. Tôi dặn dò đồng chí Lê Đức Anh, Phó tư lệnh Miền thay thế tôi trong những ngày tôi vắng mặt, rằng ngoài các điện báo cáo ra bộ như thường lệ, hãy luôn điện cho tôi mọi việc diễn biến của toàn chiến trường. Tôi sẽ rất phấn khởi nhận được những tin thắng trận nhưng tôi sẽ càng chú ý theo dõi những gì khó khăn, trở ngại trong quá trình thực hiện kế hoạch. Đồng chí Đức Anh còn nhắc tôi: "Anh ráng trình bày với Trung ương xin thêm lực lượng cho chiến trường ta, quân đoàn 4 vẫn quá quắt, quá yếu, yếu như trong tất cả các quân đoàn. Thế mà nó là chủ lực của chiến trường chủ yếu, không thể nào hiệu nổi". Tôi hứa sẽ cố hoàn thành nhiệm vụ. Người đi, kẻ ở, ai này tràn đầy tin tưởng vào chiến thắng.

Chúng tôi lại một lần nữa đi dọc theo dãy Trường Sơn hùng vĩ của đất nước, theo đường 559, đường mòn Hồ Chí Minh. Nhưng lần đi này nhanh hơn trước và ít vất vả hơn nhiều vì chúng tôi toàn đi bằng thuyền máy và xe hơi từ Lộc Ninh cho đến Hà Nội. Đường qua Miền đông Kampuchia, vượt Hạ Lào về đường 9 qua Cam Lộ, Đông Hà, ngang Khu 4 cũ rồi về Hà Nội. "Đường mòn Hồ Chí Minh" ngày nay không còn là đường mòn nữa rồi mà là một hệ thống đường xe hơi vận tải với nhiều đường dọc đường ngang, chi chít, bổ sung bằng các đường sông Mekông, sông Sê Kông... được tô điểm thêm bằng những đường giây trần thông tin sừng sững trước gió và đường ống xăng dầu men sườn, lưng đèo. Đó đây, trạm xăng dầu, xưởng cơ khí, bãi đỗ xe, đoàn bò, rạp nấp hoạt động. Từ đời này qua đời khác, các trận địa pháo và tên lửa phòng không, nguy trang khéo léo, nóng hừng lên trời ngạo nghễ uy phong. Khác xa rồi thời kỳ tháng 5 năm 1959, ngày khai sinh con đường mòn cho đến những năm đầu 1960, thời kỳ mà tôi còn phụ trách, giao cho đồng chí

Vô Bám cùng một số anh em "chỉ cật", mở mắt mở đường, đi phải lần từng bước, vẽ không để một dấu vết, thế mà các đồng chí trong Bộ chính trị và Quân ủy Trung ương luôn nhắc nhở dặn dò: "cẩn thận, bí mật, chắc ăn đây nhé".

Đồng chí Thiệu tướng Vô Bám, một đảng viên cộng sản từ những năm 1930, quê Quảng Ngãi, ở Mỹ Lai ngay nơi từng ghi tội ác trời không dung dật không tha của Mỹ. Tinh thần giác ngộ cách mạng cộng với lòng yêu quê hương đã làm cho đồng chí có một quyết tâm sắt đá vững vàng như con người vạm vỡ chắc nịch của đồng chí. Trong những ngày đầu xuyên rừng khai phá, có biết bao gian truân vất vả. Lúc ấy không phải đường mòn mà còn là con đường không được để cho mòn. Mọi cái nặng nề còn nằm gọn trên lưng, trên vai và đôi chân dẹt cao su của chiến sĩ. Ngày nay ai qua "Đường Mòn Hồ Chí Minh" mà lòng không tràn đầy tin tưởng vào tương lai sáng lạn, không thấy được sự phát triển hùng hậu của con đường sông con, lớn mạnh thần kỳ kiểu phù đồng thiên vương với cây tre Việt Nam nghìn đời bất diệt. Cây tre Việt Nam, vẫn hiên ngang đứng vững dọc suốt con đường đã chiến thắng và sẽ mãi mãi chiến thắng mọi thế lực phản động, mọi bom đạn, chất độc hóa học, khí tài diện tử hay cả gì nữa sau này.

CHƯƠNG NĂM GIAI ĐOẠN MỚI MỞ ĐẦU NHƯ THỀ DÂY

Ra đến Hà Nội, trong lúc chưa họp Bộ chính trị, tôi báo cáo tình hình B2 cho Bộ Tổng Tham mưu và nghe tình hình chung, tình hình các chiến trường khác. Tôi đã thăm dò về khả năng tăng cường thêm lực lượng và vũ khí phương tiện cho B2, điều mà tôi đang lo lắng nhiều, làm sao để chiến trường có thể đáp ứng được yêu cầu của tình hình hiện nay. Trong suốt dọc đường và ra đến đây, điều không thể dứt khỏi sự suy nghĩ của tôi là thời cơ hiện nay khá thuận lợi, chỉ cần thêm một số lực lượng thì chắc chắn B2 sẽ giành thắng lợi lớn và qua đó sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới tiến trình của cuộc chiến tranh trên toàn Miền Nam. Đồng chí Lê Ngọc Hiến lúc ấy phụ trách tác chiến của Bộ tổng Tham mưu cho biết: Vũ khí đạn dược dự trữ của ta còn rất mỏng đặc biệt là vũ khí tấn công cỡ lớn, pháo và cơ giới. Vì vậy các anh cấp trên chỉ thị phải qui định hết sức chặt chẽ việc cấp phát và sử dụng. Phải lấy của địch mà đánh địch. Về lực lượng, đồng chí chỉ có thể cho biết về số quân bổ sung sắp tới cho các chiến trường. Riêng B2 phải dành 40 % số quân được bổ sung cho vùng đồng bằng sông Cửu Long với ý định là tăng cường mạnh lực lượng của tỉnh và huyện. Đi đôi đó, phải phát triển nhanh chóng dân quân du kích để cho lực lượng tại chỗ đủ sức đánh địch mà chủ lực quân khu có khả năng tập trung và cơ động nhiều hơn.

Về kế hoạch năm 1975, đồng chí cho biết Bộ tổng tham mưu dự kiến lấy đồng bằng sông Cửu Long làm chiến trường chính, tập trung mọi nỗ lực để phá kế hoạch bình định của địch, đánh dân, đánh của về cho cách mạng, thay đổi một bước có ý nghĩa, tương quan lực lượng có lợi cho ta. Miền Đông Nam Bộ chủ yếu mở hành lang liên hoàn đến các chiến trường và vây ép Sài Gòn chặt hơn. Đòn chủ lực chỉ sử dụng ở Nam Tây Nguyên nhằm mở hành lang chiến lược đoạn Đức Lập cho thông suốt và tiêu diệt sinh lực địch. Ta sẽ đánh sức cho năm 1976, tiến hành đòn tiêu diệt chiến lược lớn, tiến lên tổng tấn công và tổng khởi nghĩa; đánh thắng lợi hoàn toàn.

Năm 1975 sẽ chia làm ba đợt:

- Đợt 1 từ tháng 12-1974 đến tháng 2-1975. Đợt này chỉ B2 hoạt động vì B2 đã có kế hoạch sẵn.
- Đợt 2 là đợt toàn Miền từ tháng 3 đến tháng 6.
- Đợt 3 từ tháng 8 trở đi là đợt hoạt động nhỏ để chuẩn bị cho năm 1976.

Nghe phổ biến kế hoạch của Bộ Tổng tham mưu như vậy, lòng tôi băn khoăn lo lắng là vì tinh thần và nội dung kế hoạch của B2 không phù hợp với kế hoạch của Bộ tổng tham mưu. Quân Ủy Miền và Trung ương cục chúng tôi nhận định rằng tình hình chiến trường đã thay đổi rất cơ bản, thế ta đang lên, ta đang giành nhiều thắng lợi, thế và lực của địch đang đi xuống. Ngụy đang suy sụp. Không cho chúng gượng lại, không để cho Mỹ có thời gian vực chúng lên. Vì vậy năm 1975, ngay từ đầu mùa khô, cả Miền Nam phải đánh mạnh và nhất định sẽ thắng to, tạo ra thời cơ mới cho bước quyết định của chiến tranh. Kế hoạch mùa khô của B2 được xây dựng trên tinh thần đó đã báo cáo ra Trung ương và đề nghị với Bộ chính trị và Quân ủy Trung ương có kế hoạch chỉ đạo phối hợp toàn miền Nam. Nay thì chỉ riêng chiến trường B2 hoạt động trong đợt 1, chắc chắn sẽ hạn chế thắng lợi và địch sẽ đòi phó dễ hơn. Kế hoạch của Bộ tổng tham mưu năm 1975, chỉ đánh nhỏ, phá bình định, mở hành lang và ép Sài Gòn, chuẩn bị cho năm 1976 mới đánh lớn. Tôi suy nghĩ thời

cơ không dừng lại đợi chúng ta, nó sẽ qua đi và tình hình lại chuyển biến theo một chiều hướng khác khi không có tác động mạnh mẽ kịp thời của ta.

Sau đó trong một buổi làm việc riêng với anh Lê Đức Thọ, anh nói với chúng tôi: "Tình hình đã rõ ràng, tương quan lực lượng rõ ràng, chiều hướng cũng rõ ràng, không lật ngược được. Cần có quyết tâm chiến lược hai năm 1975 - 1976. Thời cơ năm 1976 là rất quan trọng. Cần hết sức để phóng dịch cơ cục chiến lược lớn năm 1976."

Dư trữ vật chất của ta còn rất kém nhất là vũ khí đạn dược. Tình hình trong nước và ngoài nước cũng rất phức tạp, ta khó mà tăng lượng dư trữ chiến lược lên được nhiều. Vì vậy ta cần phải hạn chế đánh trong năm 1975 để dành sức cho năm 1976 đánh lớn đạt thắng lợi quyết định. Phải có quyết tâm chiến lược năm 1976 rõ thì mới có hướng chỉ đạo kế hoạch và hoạt động trong năm 1975. Ta không nên và không thể kéo dài mãi cuộc chiến tranh".

Vì chưa phải thảo luận nên tôi chỉ trình bày ngắn ý kiến của tôi. Tôi rất đồng ý là địch sẽ cơ cơ cục chiến lược khi bị thua nặng, nhưng để phóng việc này phải bằng nhiều biện pháp, tiến hành từ sớm mới được. Và không nên đặt vấn đề hạn chế đánh năm 1975 để dành sức cho năm 1976, mà ngược lại là phải đánh mạnh năm 1975 mới kết thúc thắng lợi chiến tranh năm 1976 được. Thời cơ đang đến cần nắm thời cơ để tạo thời cơ, ta không thể bỏ lỡ, Trung ương cục chúng tôi đã thảo luận và nhất trí như vậy, chúng tôi sẽ báo cáo kỹ với Quân ủy Trung ương và Bộ chính trị.

Tôi đã nghiên cứu các bức điện của chiến trường gửi cho chúng tôi. Qua điện báo cáo của anh Lê Đức Anh tôi mới biết rằng chấp hành điện của anh Văn Tiên Dũng và của anh Ba (1) B2 đã điều chỉnh kế hoạch của chủ lực tức là không đánh Đồng Xoài, không dùng chủ lực lớn, pháo lớn và xe tăng mà chỉ đánh

(1) Tức là đồng chí Lê Duẩn, Tổng bí thư.

nhỏ thôi. Như vậy là các quân khu 6, 7, 8, 9, và Sài Gòn — Gia Định thuộc B2 vẫn hoạt động theo kế hoạch đã vạch ra lúc tôi còn ở nhà, có điều chỉnh một ít, chỉ riêng chủ lực của Miền vì không đánh lớn, không đánh Đống Xoài nên chuyển lên đánh khu vực Bù Đăng hay Bù Na trên đường 14 qua về phía Bắc. Ngoài ra, Bộ tổng tham mưu quyết định điều sư đoàn 7 và trung đoàn đặc công 429 của B2 lên chuẩn bị đánh vào Gia Nghĩa trong đợt 2 mùa khô (tháng 3/1975) để phối hợp với hướng chính của chiến dịch do Bộ tổ chức và chỉ huy là Đức Lập (nam Tây Nguyên). Tôi càng không yên tâm. Vì toàn bộ kế hoạch đợt một mùa khô của B2 là nằm trong một ý định thống nhất toàn chiến trường không những liên quan chặt chẽ với nhau giữa các hướng đồng bằng và rừng núi, địa phương và chủ lực mà còn là chuẩn bị tích cực cho đợt 2 mùa khô và cả năm 1975. Điều chỉnh lại kế hoạch và điều động lực lượng như vậy sẽ làm cho kế hoạch của B2 khập khiễng và địch sẽ có điều kiện phản ứng mạnh, nhất là đối với vùng đồng bằng. Vì sao như vậy? Xây dựng kế hoạch chiến cuộc mùa khô 1974 — 1975 của B2, chúng tôi dựa trên sự nhận định đánh giá tình hình chung giữa ta và địch, thực hiện một bước quan trọng ý định của một giai đoạn chiến lược như phần trước đã nói rõ. Muốn giành thắng lợi ở các hướng chiến trường B2 như ta dự định, kế hoạch phải có những biện pháp kèm chân địch chặt chẽ, không cho chúng tự do cơ động lực lượng đối phó nơi chúng muốn, phải đánh lạc hướng địch, phân tán địch. B2 chúng tôi có hai sư đoàn mạnh là sư đoàn 9 và sư đoàn 7 đã từng lập nhiều chiến công đánh nguy đánh Mỹ ở Miền đông Nam Bộ. Đặc biệt là sư đoàn 9 là sư đoàn chủ lực đầu tiên của Miền Nam đã trải qua một đoạn đường dài từ Bình Giả, Bàu Bàng, Dầu Tiếng, Tết Mậu Thân, Lộc Ninh cho đến nay. Địch luôn theo dõi từng hành động của hai sư đoàn này và qua đó mà phán đoán ý đồ và kế hoạch hoạt động của ta. Trong đợt đầu mùa khô, chúng tôi chỉ sử dụng một bộ phận sư đoàn 7 và các trung đoàn chủ lực lẻ khác, bộ phận còn lại của sư đoàn đứng yên phía Tân Uyên, Phú Giáo thuộc tỉnh Thủ Đức Một. Sư đoàn 9 thì đứng ở Long Nguyên Bến Cát

chưa hoạt động nhưng có những hành động nghi binh nhằm kìm lực lượng quân đoàn 3 ở vùng trung tuyến và vùng ven Sài Gòn không cho chúng điều động đi nơi khác, nhất là phản ứng xuống vùng đồng bằng sông Cửu Long. Dựa vào sự phán đoán của địch là mùa khô này ta sẽ đánh giải phóng tỉnh Tây Ninh để lấy thị xã Tây Ninh làm thủ đô của chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa Miền Nam Việt Nam. Chúng tôi dùng biện pháp nghi binh nhằm làm cho địch tưởng dự đoán của chúng là dùng để chúng kết lực lượng lo phòng thủ ở đây. Trong lúc đó, chúng tôi sử dụng một trung đoàn của sư đoàn 7 được tăng cường một đại đội xe tăng, hai đại đội pháo lớn, bắt ngờ diệt điểm Đống Xoài, và các trung đoàn 271 và 201 cùng địa phương giải phóng đường 14 thuộc phạm vi của quân đoàn 3 địch. Chúng tôi đã cho một trung đoàn khác của sư đoàn 7 bố trí ngăn chặn trên đường bộ dọc nhất từ Phước Vĩnh lên Đống Xoài và dự kiến kế hoạch sẵn sàng diệt địch phản ứng cả bằng đường không. Điểm Đống Xoài là then chốt của toàn bộ tỉnh Phước Long cũng như của đoạn đường 14 này vì nó là yết hầu, là cửa ngõ, là con đường sông, nối toàn tỉnh với các vùng của Quân đoàn 3 Ngụy. Mặt Đống Xoài thì bộ phận còn lại của tỉnh Phước Long và đường 14 bị cô lập, khốn đốn về tiếp tế mọi mặt cho một tỉnh miền núi nghèo lương thực thực phẩm. Mục đích giải phóng đường 14 của ta là để mở đường hành lang về phía đông vận tải vũ khí đạn dược, lương thực dự trữ ở căn cứ Khu A và đồng đường 20, chuẩn bị cho cánh quân sẽ đánh vào Sài Gòn từ phía đông — Hành lang này phải qua Đống Xoài hay sát đây về phía Bắc. Không giải phóng được Đống Xoài thì hành lang vẫn bị hạn chế như từ trước, nghĩa là mục đích của kế hoạch không đạt. Ta chiếm được điểm Đống Xoài thì quân địch bị khốn quân ở Phước Long, tạo điều kiện để ta giải phóng toàn tỉnh nếu cần. Như vậy Đống Xoài chỉ là một điểm, một quận lỵ, một chi khu tương đối kiên cố, nhưng điểm đó lại là một khâu trong toàn bộ kế hoạch thống nhất của B2 vào mùa khô, một trận mồi dử bắt ngờ đối với địch và gây phản khởi cho lực lượng vũ trang của ta. Nay nếu không đánh Đống Xoài, không mở được đường

hành lang về phía đông, lại điều sư đoàn 7 đi khỏi chiến trường thì rõ ràng kế hoạch của B2 bị ảnh hưởng không nhỏ. Chính vì vậy mà tôi lo lắng nhiều. Tôi vội vàng báo cáo rõ mọi suy nghĩ với anh Phạm Hùng và anh Hai Văn (1) Anh Hai Văn đang có mặt ở Hà Nội nên đã nhập vào đoàn B2 thành ra đoàn chúng tôi gồm có 3 người. Chúng tôi đề nghị họp với Quân ủy Trung ương và Bộ tổng tham mưu để trình bày rõ ý kiến chúng tôi, xin giữ kế hoạch cũ và không điều sư đoàn 7 lên Tây Nguyên. Cuộc họp được tiến hành ngày 3 tháng 12. Tôi đã cố gắng trình bày kế hoạch mùa khô của B2 với mọi lý lẽ, cả về chiến lược, chiến dịch và chiến đấu, có lẽ không được hùng biện nhưng rõ ràng và tha thiết vì lợi ích riêng của chiến trường cũng như lợi ích chung toàn cục. Có đồng chí chất vấn: Đánh Đồng Xoài, nếu địch đưa lên một sư đoàn để phản ứng lại thì sao? Có thể buộc ta lại phải dùng toàn bộ cả hai sư đoàn 7 và 9 để diệt viện và như thế là kẹt cả chủ lực ta vào ngay đầu mùa khô. Tôi phải trình bày kỹ về trạng thái ta và địch trên toàn chiến trường, mọi phân đoán về địch khi làm kế hoạch, mọi biện pháp đảm bảo thắng lợi, đảm bảo tinh chủ động của ta, và khẳng định rằng địch, nếu cố gắng phản ứng cũng chỉ có thể đưa tới đa lên Đồng Xoài không quá 1 trung đoàn. (Sự thực về sau này khi ta đánh Đồng Xoài, địch không đưa lên được một đơn vị nào để cứu nguy, ngay khi đánh tỉnh lỵ Phước Long địch cũng chỉ đưa lên được khoảng trên 200 lính biệt kích dù của lữ 81). Sở dĩ tôi dám khẳng định như vậy và không sai với thực tế vì chúng tôi ở B2 đã nắm chắc địch và hiểu rõ địa hình, biết địch phải lên Đồng Xoài, Phước Long bằng đường nào, khả năng lực lượng và khả năng không vận của chúng, khả năng và phương pháp ngăn chặn và đánh diệt của ta. Tôi tin ở sự thành công của kế hoạch kèm giữ địch ở Sài Gòn của chúng tôi. Một người chỉ huy quân sự ở một chiến trường khi trình bày và báo cáo với cấp trên đòi hỏi phải có tinh thần trách nhiệm cao, phải chính xác, rõ ràng và dứt khoát.

(1) Tức anh Phan Văn Đáng, thượng vụ Trung ương cục.

Tôi đã yêu cầu không điều sư đoàn 7 lên Tây Nguyên vì trong giai đoạn chiến lược hiện nay, chúng tôi cho rằng cần phải điều thêm lực lượng từ các chiến trường khác về Miền Đông Nam Bộ, áp sát Sài Gòn chứ không phải điều lực lượng ngược lại, đi xa Sài Gòn. Vấn đề này hoàn toàn không phải là cục bộ địa phương mà là vì lợi ích của giai đoạn chiến lược, của năm 1975. Nếu vì cần quá cho kế hoạch của Bộ Tổng tham mưu thì tôi đồng ý điều trung đoàn đặc công 429 lên Gia Nghĩa cũng đủ. Trong hội nghị này các anh đã đồng ý không điều sư đoàn 7 mà chỉ điều trung đoàn 429. Tôi rất vui mừng và cảm ơn sự chú ý đến ý kiến cấp dưới. Còn đánh Đồng Xoài thì chưa giải quyết ngã ngũ. Nhiều anh đã đưa ra nhiều lý lẽ nhưng chưa kết luận:

— Dùng chủ lực ta phải chủ động, đừng để địch kéo ta, tiêu hao và làm kiệt lực lượng ta.

— Ta đánh cốt tiêu diệt sinh lực địch mà chưa cần giữ đất trong giai đoạn này nên không cần đánh Đồng Xoài.

— Tình hình năm 1975 chưa có gì khẩn trương. Hãy chờng chắc, không đánh Đồng Xoài làm gì.

— Quyết tâm chiến lược chung năm 1975 là đồng bằng, Gia Nghĩa, hành lang, Trị Thiên — Đà Nẵng.

— Phải có đòn tiêu diệt lớn lực lượng của địch thì mới có thay đổi tương quan có lợi cho ta, mới có chuyển biến tình hình.

Anh Phạm Hùng đã tỏ ra không đồng ý với các lý lẽ trên. Anh phát biểu:

“ — Đây không phải chỉ là vấn đề Đồng Xoài mà là cả kế hoạch của B2. Nếu thay đổi sơ ảnh hưởng đến đồng bằng, ảnh hưởng đến phương hướng chung. Ta cần nắm vững rằng trong cuộc chiến tranh này ta đánh địch bằng cả lực lượng quân sự và lực lượng chính trị, ta tấn công và nổi dậy, nổi dậy và tấn công, tiến lên Tổng tấn công và Tổng nổi dậy. Do đó phải căn cứ nhiều điều kiện, phải có nhiều phương thức làm chuyển biến tình hình, không nhất thiết chỉ có tiêu diệt sinh lực lớn của địch mới có chuyển biến. Vì như khi ta nắm được mấy triệu dân và làm chủ

trên chiến trường cờ nào cũng là một yếu tố quyết định. Lực lượng quân sự địch còn đông không phải là một dấu hiệu của sự vững mạnh. Chúng ta cần trước tiên thông nhất với nhau về nhận định và đánh giá tình hình hiện nay trên chiến trường, ta đang ở vào giai đoạn nào, rồi mới nói được là nên hoạt động ra sao... "

Sau cuộc họp này, anh Phạm Hùng, Anh Hai Văn và tôi đã trao đổi nhiều lần về đánh giá tình hình, đánh giá giai đoạn chiến lược hiện nay, về kế hoạch chung và riêng của B2, dựa trên cơ sở những thảo luận của Trung ương cục trước khi đi, để chuẩn bị cho cuộc họp của Bộ chính trị sắp tới.

Tôi suy nghĩ trong chiến tranh, thực hiện được đòn tiêu diệt sinh lực lớn quân địch trong một vài trận đánh hay một vài chiến dịch là một yêu cầu thực sự để làm chuyển biến tình hình. Điều ấy hoàn toàn đúng nếu không nói là điều kiện duy nhất trong một cuộc đời đấu giữa hai đội quân chính qui trong một chiến tranh thông thường. Nhưng trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc chống Mỹ xâm lược ngày nay, đường lối của ta không phải là cho một cuộc chiến tranh qui ước thông thường. Tin tưởng ở sức mạnh của nhân dân tự đứng lên quyết định vận mệnh của mình, đảng ta đã chủ trương một cuộc chiến tranh cách mạng kết hợp với khởi nghĩa vũ trang của quần chúng. Ta phải dùng lực lượng quân sự kết hợp với lực lượng quần chúng nhân dân. Ta đánh địch bằng cả vũ trang và bằng cả chính trị, binh vận. Ta phải tiến hành song song tấn công và nổi dậy đi đến Tổng tấn công và Tổng khởi nghĩa. Tính chất của cuộc chiến tranh của ta vừa là chống quân xâm lược từ ngoài vào vừa là nội chiến chống bọn quân phiệt, mai bán trong nước. Chính vì vậy mà lực lượng nhân dân giác ngộ cách mạng là một sức mạnh đáng kể, một đòn cán chiến lược có giá trị. Cương lĩnh cách mạng của Mặt trận dân tộc giải phóng của ta đã là một hiệu triệu, một ngọn cờ, một tập hợp quần chúng xông lên xây dựng cuộc đời mới: tự do độc lập và ấm no hạnh phúc. Đó là sức mạnh, là một yếu tố thắng lợi không phải chỉ có tác dụng chuyển biến tình hình. Về chiến lược đã vậy về chiến dịch, chiến

thuật cũng không phải như trong chiến tranh thông thường. Hàng chục năm đánh Mỹ và đánh Ngụy ta đã luôn luôn tìm tòi suy nghĩ, thực nghiệm bằng xương máu và thay đổi cho thích hợp cách đánh thế nào cho có hiệu lực nhất mà đỡ tổn xương máu, gạo đạn... hầu ta có thể đánh dài ngày nếu cần và tạo ra thắng lợi quyết định trong từng thời gian tương đối ngắn. Ta không đánh theo cách đánh của địch mà buộc địch đánh theo lối đánh của ta. Ta không thi đua với địch về vật chất kỹ thuật, đơn thuần về sức mạnh quân sự mà là về ý chí quyết tâm, về trí thông minh và lòng dũng cảm, về sự khéo léo và đức tính kiên trì, về lực mà cả về thế. Lòng yêu nước và ham muốn tự do, hạnh phúc của nhân dân ta phải thắng đã tâm nô dịch và bóc lột của Mỹ, Ngụy. Vì vậy mà nếu cứ suy nghĩ theo lối cũ, chỉ hiểu theo cách đã hiểu trước đây, bước theo đường mòn từng quen thuộc, thì không phù hợp tí nào với những hiện tượng mới, với một cuộc chiến tranh mới, nó không lặp lại nguyên xi cuộc chiến tranh trước đây. Nếu Trung ương Cục và Bộ tư lệnh Miền (B2) chúng tôi nhận định rằng ngay sau mùa khô năm 1974, trên toàn bộ chiến trường Miền Nam đã có một sự chuyển biến rõ rệt rồi, ta thắng và đi lên, địch bại và đi xuống, để rồi chủ trương phải liên tục tấn công và làm mọi công tác trong mùa mưa chưa từng có, và cũng để rồi vạch ra một kế hoạch toàn diện cho mùa khô 1974 — 75 và cả năm 1975, giành thắng lợi quyết định, thì đó hoàn toàn không quan niệm rằng chỉ khi nào có đòn tiêu diệt sinh lực địch lớn mới có chuyển biến tình hình. Sự chuyển biến tình hình ở đây rõ ràng do rất nhiều yếu tố, vũ trang và chính trị, lực lượng quân sự và lực lượng nhân dân, vật chất và tinh thần, trong nước và ngoài nước, cả phía địch và phía ta, thế và lực. Đền một cái gút nào đó thì lượng sẽ hiện thành chất. Chỉ đạo phải nhảy bèn thầy được cái gút ấy liệu ra cái chất đã hình thành, không phải cứ đợi hay chờ tạo cho được đòn tiêu diệt lớn rồi lúc đó mới có chuyển biến.

Cũng chính vì quan niệm như vậy, và căn cứ vào tình hình thực tế ở chiến trường mà chúng tôi cho rằng cái gút ấy đã đến rồi, tình hình đã chuyển biến, thời cơ đã rõ, năm 1975 phải tấn

công mạnh thì thời cơ sẽ đẻ ra thời cơ và tranh thủ nắm chắc lấy mà giành thắng lợi. Bất mạch chính xác tình hình thực tế mà chủ trương hoạt động cho phù hợp kịp thời. Đó là vấn đề khoa học và nghệ thuật của lãnh đạo và chỉ đạo chiến tranh và cách mạng. Xem năm 1976 là một thời cơ quan trọng là đúng nhưng chỉ đúng khi ta biết và phải tạo ra trong suốt quá trình năm 1975 và ngay cả trước đó nữa. Thời cơ không tự rụng mà có và vì vậy không ngồi mà đợi thời cơ. Thời cơ có điều kiện khách quan nhưng chủ yếu phải do chủ quan tạo ra.

Rồi một hôm, sau bữa ăn chiều, tôi đang đi bách bộ ngoài hành lang vừa suy nghĩ miên man thì chuông điện thoại reo. Anh Phạm Hùng rủ tôi, tối nay đến thăm anh Ba ở nhà riêng anh ấy. Tôi vui mừng, đồng ý ngay và hẹn giờ đến nhà anh để cùng đi. Từ hôm ra đến nay, công việc bận rộn, nhiều lo nghĩ, tôi chưa có dịp gặp anh Ba. Đùng mười chín giờ rưỡi, anh Hùng và tôi tới. Anh Ba đã ra cửa, tươi cười đón chúng tôi và kéo vào phòng khách. Anh có vẻ khỏe mạnh, lanh lẹ và rất vui. Không đợi chúng tôi hỏi thăm sức khỏe của anh, anh đã hỏi chúng tôi ra đây, thay đổi thời tiết, có ảnh hưởng gì đến sức khỏe. Rồi anh hỏi thăm luôn về các anh trong Trung ương cục, trong quân ủy Miền và một số các anh ở khu, tỉnh mà anh biết. Nhưng đó cũng chỉ là mở đầu câu chuyện, sau đó anh nói ngay vào những công việc đang làm bận rộn đầu óc của mọi người — Đây cũng là đặc tính của anh, khi gặp gỡ cán bộ — Anh nói, nói liên tục, nói nhiều như muốn giải thích cặn kẽ cho cán bộ hiểu rõ, hiểu sâu, nhớ kỹ. Có khi trong hội nghị, cán bộ nào đó mới đứng lên phát biểu được một câu gọi ra một ý mà anh chủ tâm thì anh nói luôn nhiều lúc tới 5 — 7 phút mới dứt, để cho cán bộ kia lại tiếp. Anh nói: “Tình hình tốt lắm, ta thắng nhiều. Ta thắng là vì ta mạnh. Mạnh từ chính trị, từ quân sự, từ nông thôn, từ thành thị, từ người dân, từ cách đánh, đánh kiểu chủ lực, kiểu du kích, kiểu đặc công, kiểu đội quân phụ nữ tóc dài, vân vân... Phải tổng hợp như vậy mới thắng được. Tổng hợp về chiến lược, về lực lượng, về phương pháp cách mạng. Mỹ đánh ta là chúng sử dụng chiến lược toàn cầu, nó đánh ta và cả phe

xã hội chủ nghĩa. Ta cũng phải sử dụng chiến lược toàn cầu. Độc Lập dân chủ và chủ nghĩa xã hội không thể tách rời nhau. Ta phải sử dụng lực lượng tổng hợp chung toàn Việt Nam và cả thế giới. Ta phải dùng phương pháp cách mạng tổng hợp, cao nhất, tàn công và nổi dậy; nổi dậy và tàn công, lực lượng chính trị và lực lượng quân sự, chủ lực, địa phương, du kích, đánh cả ở ba vùng, ba mũi giáp công. Đó là khoa học. Có đường lối đúng phải có phương pháp đúng là như vậy.

“Về quân sự trong giai đoạn này phải suy nghĩ, suy nghĩ, suy nghĩ mãi, suy nghĩ cho sáng văn đề. Năm 1975, ta thắng thế nào? Trong năm 1975 có diễn biến gì về chính trị, về quân sự? Trong đó các anh đã tiêu diệt chỉ khu được chưa? Có giữ được Rach Báp không? Miền đông hồ trí ra sao? Trong giai đoạn này khác với hai năm trước về bao vây Sài Gòn thế nào? Bỏ trí đúng thì thắng 60 — 70 % rồi. Trong giai đoạn này đánh thế nào? Tiêu diệt và làm chủ, làm chủ và tiêu diệt ra sao? Ta đánh tiêu diệt toàn bộ hay đánh cho tan rã toàn bộ?”.

Anh nói có tính chất giải thích và đặt một loạt những câu hỏi mà không cần phải trả lời, có lẽ anh cố nêu lên, khơi gợi và hướng dẫn để cán bộ phải suy nghĩ, cố tự giải đáp cho đúng. Nhưng qua đó tôi chú ý là anh quan tâm vấn đề giữ Rach Báp, phá cơ cạm phòng ngự cứng của địch ở Sài Gòn. Anh lo về việc bỏ trí lực lượng ta ngay ở Sài Gòn và vây Sài Gòn, hình thành một thế trận tấn công vững vàng. Bỏ trí đúng thì thắng 60 — 70 % rồi, phải, tôi rất thâm thía về câu nói ấy. Trí tuệ, mưu lược, dùng cảm, công phu là ngay từ việc tổ chức và bỏ trí lực lượng hình thành thế trận chiến lược vững chắc rồi mới nói đến đánh thắng giặc. Binh pháp Tôn Bình thời chiến quốc của nước Trung Hoa xưa cũng đã rất chú trọng về bỏ trí đội hình, sắp xếp lực lượng. Binh pháp ấy đã ghi: “Người làm tướng chỉ đặt lên đỉnh cao của nghệ thuật quân sự khi biết sắp xếp đội hình thế nào để phát huy được sức mạnh lớn nhất của lực lượng sẵn có trong tay mình; biết thay đổi cho phù hợp với những tình huống diễn biến khác nhau và biết lợi dụng thời cơ làm cho quân địch bị chia cắt, phân tán, mạnh trở thành yếu và nhiều hóa ra

it" (1) Người làm tướng thời này, một thời đại cách mạng và khoa học, có sự lãnh đạo của Đảng Mácxit Lêninit không những phải biết sắp xếp đội hình hợp lý nhất lực lượng có trong tay mà còn phải biết tạo ra lực lượng, tổ chức ra nhiều kiểu lực lượng với nhiều kiểu cách đánh, phải biết kết hợp mọi thứ lực lượng quân sự với cả lực lượng chính trị của quần chúng, lực lượng trong nước và lực lượng ngoài nước, không phải chỉ biết sắp xếp đội hình đánh địch ở phía trước mà cả ở phía sau địch, ngay trong lòng địch. Khoa học quân sự cách mạng ngày nay đã phát triển cao hơn nhiều.

Nhân lúc anh Hùng nói về triển vọng ta thắng lợi nhiều trong mùa khô này vừa dừng lại, tôi hỏi anh Ba: "Vừa rồi, anh diện vào không cho đánh Đồng Xoài, vì nguyên do thế nào?" Anh trả lời: "Bộ Tổng tham mưu báo cáo với tôi là các anh tung cả chủ lực ra đánh ngay từ đầu mùa khô. Đánh Đồng Xoài và tiếp theo một loạt các trận đánh lớn khác, như vậy là không phù hợp. Cần phải đánh thế nào để giữ cho giai sức, trong tình hình hiện nay phải luôn nắm trong tay một lực lượng sung sức để khi có thời cơ, anh mới có điều kiện giành thắng lợi". Tôi lại trình bày với anh về ý định của chúng tôi và về cách xư dụng lực lượng. Tôi nói: trong đợt đầu mùa khô chúng tôi vẫn nắm vững một lực lượng dự bị mạnh là sư đoàn 9 và một số trung đoàn khác. Anh Hùng nói thêm vào: "Đánh Đồng Xoài không cần lực lượng lớn đâu và chúng tôi chắc thắng, chúng tôi cũng đã cân nhắc kỹ". Anh Ba nói: "Nếu dùng như vậy thì cứ đánh chờ có vấn đề gì đâu". Tôi tưởng tại mình nghe không rõ, liền hỏi lại cho chắc: "Như vậy anh cho chúng tôi giải quyết Đồng Xoài để có hành lang thông về phía Đông như kế hoạch chúng tôi đã dự định?" Anh nói: "Nhưng phải chắc thắng và không xư dụng lực lượng lớn". Được lời như cởi tấm lòng, tôi sung sướng quá, chỉ mong về ngay để viết diện chỉ đạo chiến trường cho kịp. Ngay tối hôm ấy tôi đã thảo diện đề anh Hùng, anh Hai Văn duyệt, ký gởi cho Trung ương cục và Bộ tư lệnh Miền

(1) Tạp chí: "Air University Review" 1980, tháng 7, 8.

báo cứ thực hiện đúng như kế hoạch đã định, tức mở đầu mùa khô của chủ lực bằng trận đánh Đồng Xoài. Nhưng không kịp nữa rồi. Thực hiện chỉ thị của Trung ương, Bộ tư lệnh B2 đã điều chỉnh kế hoạch không đánh Đồng Xoài mà chỉ dùng lực lượng nhỏ đánh một số điểm nhỏ trên đường 14 vùng Bù Đăng hay Bù Na thôi. Bây giờ không trở lại kế hoạch cũ được nữa. Điện anh Lê Đức Anh ngày 6-12 báo cáo: "11h nhận diện anh Ba, chúng tôi họp quân ủy, điều chỉnh kế hoạch, sắp xếp lại đội hình chiến đấu, điều động xe tăng và pháo 130 ly trở về căn cứ, giải quyết tư tưởng cho bộ đội, v.v... Vì vậy đến ngày 12 hướng đường 14 mới nổ súng được. Trong khi đó thì toàn bộ B2 nổ súng vào đêm 6 rạng ngày 7-12. Nay nếu trở lại kế hoạch cũ thì cũng phải sắp xếp đội hình, điều động xe tăng và giải thích cho bộ đội, v.v... Được chỉ đạo của Thường vụ trung ương Cục là cứ nên thực hiện kế hoạch điều chỉnh và không lùi ngày tấn công lại. Chúng tôi thực hiện như diện ngày 5-12 đã báo cáo về Bộ, Anh Bảy (1), Anh Tư (2)" (3).

Trước đó, khi tôi đã đi khỏi chiến trường, ngày 16-11, thay mặt Bộ tư lệnh B2, anh Sáu Nam tức Lê Đức Anh đã diện báo cáo ra Bộ:

"Nhận diện ngày 24-10 của anh Dũng, xin báo cáo trước một số diện mà Bộ cần biết gấp.

"..... giành thắng lợi tối trong đợt đầu của mùa khô sẽ tạo thêm điều kiện giành thắng lợi to lớn suốt mùa khô, cả năm 1975, nếu để qua đợt 2 mới tấn công mạnh thì thắng lợi cho cả năm 1975 sẽ bị hạn chế. Vì vậy đề nghị Bộ chấp thuận kế hoạch mà chúng tôi đã dự định...

"Mọi việc sẽ có người (chỉ anh Phạm Hùng và tôi) (4) trực tiếp báo cáo kỹ với Bộ" (5).

(1) Tức Anh Phạm Hùng.

(2) Tức Trần Văn Trà.

(3) Hồ sơ lưu trữ của Ban tổng kết B2 thuộc Bộ Quốc Phòng.

(4) Tác giả ghi chú.

(5) Hồ sơ lưu trữ của Ban Tổng kết chiến tranh B2 thuộc Bộ Quốc Phòng.

Ngày 18-11 anh Sáu Nam lại diện báo cáo :

" tiếp nhận được điện 484 của anh Dũng có ý kiến của anh Văn (1) nay nhận được điện 491 của anh Ba. Chúng tôi trao đổi thấy rõ là vì chưa nắm được ý định và kế hoạch lớn của Trung ương và Trung ương Quân ủy đã rời chiến trường B2 liên quan với cả chiến trường Miền Nam. Trước mắt chúng tôi chấp hành chỉ thị của trên, điều chỉnh kế hoạch như sau :

" 1/ — Rời rời khỏi chủ lực Miền :

— Trong đợt 1, chủ lực tác chiến nhằm tiêu hao tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, thu hút, kìm căng địch để chúng không thể tập trung về đồng bằng và rừng ven, hỗ trợ địa phương giữ lửa, hung dân ra, đồng thời tiếp tục củng cố huấn luyện giữ sức để vào đợt 2 có thể hoạt động mạnh theo yêu cầu phù hợp chiến trường chung như Trung ương chỉ đạo Trong khi đó tiếp tục chuẩn bị cho đợt 2 cao điểm nhất, như chuẩn bị chiến trường, huấn luyện bộ đội đánh điểm theo phương hướng xử dụng pháo mang rốc, cao nhất là pháo 85 hân thắng, không xử dụng xe tăng, pháo 130 ly.

" Xin báo cáo một số điều chỉnh trong kế hoạch đợt 1, đợi sau khi anh Hai Nhà (2) về và anh Tư (3) ra báo cáo, Bộ chỉ đạo thêm chúng tôi sẽ bổ sung.

" Nhưng để phòng trường hợp anh Tư có thể ra chậm hơn và anh Hai Nhà về chưa kịp, đề nghị Bộ có chỉ đạo gì thêm để chúng tôi triển khai cho kịp". (4)

Có văn đề đợi anh Hai Nhà về nêu trong điện là như sau :
Anh Hai Nhà kể lại :

" — Vào tháng 11 năm 1974, sau khi ra khỏi bệnh viện 108 ở Hà Nội, tôi chuẩn bị đi an dưỡng ở bờ biển Sầm Sơn. Anh Lê Ngọc Hiến đến gặp tôi, hỏi thăm sức khỏe và nói Bộ đang cần

(1) Đồng chí Võ Nguyên Giáp.

(2) Đ/c Thiên tướng Lương Văn Nhó.

(3) Trần Văn Trà.

(4) Hồ sơ lưu trữ tại Ban Tổng kết chiến tranh B2 — Bộ Quốc Phòng.

người có trình độ và tin cậy để mang mệnh lệnh về B2 và báo cáo một số tình hình về kế hoạch năm 1975. Liệu anh có đủ sức khỏe về không ? Tôi rất vui mừng được về ngay chiến trường tham gia chiến đấu nên báo là đảm bảo đủ sức để nhận nhiệm vụ quan trọng này. Anh Hiến nhận lời và báo tôi, tôi mai đến gặp anh Lê Trọng Tân, Phó tổng tham mưu trưởng. Y hẹn tôi đến thì anh Tân gọi : " Cần anh về B2 ngay, mang chỉ thị về kế hoạch 1975 và ý định của Quân ủy Trung ương. Trong kia các anh Phạm Hùng và Trần Văn Trà sắp ra. Nhưng có điện cho các anh không ra nữa. Vì đã có anh về báo cáo quyết tâm của ngoài này. Kế hoạch năm 1975 không chủ trương đánh lớn mà giữ vũ khí dân được, giữ lực lượng, lo huấn luyện để chờ thời cơ 1976... ". Anh Tân và anh Hiến nói cụ thể các ý kiến để tôi ghi nhớ về báo cáo lại. Và báo tôi, sáng mai đến gặp anh Văn Tiền Dũng, Tổng tham mưu trưởng để nhận nhiệm vụ và chỉ thị.

Sáng ngày sau tôi đến gặp anh Dũng tại " Nhà Con rồng " tức là nơi làm việc lúc ấy của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc Phòng trong nội thành Hà Nội. Sau khi hỏi về sức khỏe của tôi, anh hỏi tôi đã nắm rõ nhiệm vụ chưa ? Tôi báo cáo rằng anh Tân và anh Hiến đã phổ biến cụ thể rồi. Tôi đã nắm được. Anh báo tôi nói lại toàn bộ xem có hiểu rõ không. Tôi lại báo cáo lại từ đầu chỉ cuối, mấy nội dung chủ yếu là :

" Tôi sẽ về ngay mang chỉ thị của Bộ về cho B2, anh Hùng và anh Trà khỏi ra nữa.

" Năm 1975 không đánh lớn chỉ lo phá bình định ở đồng bằng sông Cửu Long, Ở Miền Đông, chủ lực không đánh lớn. B2 định đánh Đồng Xoài, Phước Long, nhưng Bộ không đồng ý mà chỉ đánh nhỏ, giải quyết một số điểm nhỏ trên đường 14 thôi. Năm nay đánh nhỏ là để tích lũy lực lượng chờ thời cơ. Không xử dụng xe tăng, pháo lớn nếu không được Bộ tổng tham mưu duyệt từng trường hợp. "

Anh Dũng nói : " Anh hiểu như vậy là đúng rồi ! Phải giữ lực lượng chờ thời cơ. Năm nay chỉ đánh ở đồng bằng, phá bình định. Dân được nhất là pháo lớn ta còn kém lắm. Không nên

danh lớn rồi khi có thời cơ không có lực lượng mà đánh. Anh phải hiểu rằng cán bộ tham mưu như các anh phải có trách nhiệm để đạt ý kiến với Tư lệnh, chứ không phải chỉ có Tư lệnh chịu trách nhiệm đâu. Như vậy là anh đã quán triệt được ý kiến cấp trên rồi. Nhưng tôi sẽ viết điện y như nội dung này để anh Ba ký gởi về trước trong ấy”.

Tôi đã mang cả bức điện ấy của anh Ba (tức điện số 491 nói trong điện của anh Sáu Nam gởi ra Bộ, đoạn trên đây) về và giao lại cho anh Sáu Nam và Hai Lê (1)”.

Sự việc xảy ra là anh Phạm Hùng và tôi chưa nhận được điện báo, nên đã lên đường dùng ngày đã định và trên đường đi, may thay! lại không gặp anh Hai Nhà. Vì nếu gặp có lẽ chúng tôi phải phân vân dè dặt giữa đi tiếp với trở lại rồi. Tuy vậy ngay từ tháng 10, chúng tôi đã đề nghị được họp với Bộ chính trị và toàn bộ chiến trường Miền Nam thì bây giờ dù có gặp anh Hai Nhà, truyền đạt lại ý kiến quân ủy Trung ương như vậy và báo dừng ra, chắc chúng tôi cũng sẽ xin ra, để trực tiếp báo cáo về nhận thức đánh giá tình hình từ thực tế chiến trường của Trung ương cục và Quân ủy Miền, cũng như để đạt chủ trương hoạt động năm 1975, nhằm thực hiện kế hoạch hai năm 1975 — 1976. Việc cấp dưới báo cáo chính xác trung thực và kịp thời tình hình, việc đề đạt ý kiến một cách đúng đắn và có trách nhiệm lên cấp trên là vô cùng quan trọng, cũng như cấp trên cần có mọi biện pháp để thu thập ý kiến của dưới, lắng nghe dư luận từ mọi phía, nghiêm chỉnh và khách quan phân tích xem xét để có kết luận đúng, là đảm bảo cho mọi thành công. Đó là cách làm việc thực sự dân chủ và tập trung của Bộ chính trị Trung ương Đảng từ trước đến nay. Chúng tôi thấy có trách nhiệm phải ra và phải phản ánh đúng tình hình.

Để các anh ở nhà yên tâm chỉ đạo đợt hoạt động, chúng tôi gởi một điện về Trung ương Cục và Thường vụ Quân ủy Miền do cả anh Phạm Hùng và tôi cùng ký có đoạn:

(1) Sáu Nam là anh Lê Đức Anh, phó tư lệnh BTL Miền.
Hai Lê — là Anh Lê Văn Tường, Phó chính ủy BTL Miền.

“ Sau khi sơ bộ trao đổi ý kiến với một số anh trong Bộ chính trị và Quân ủy Trung ương, tôi về nhận định đánh giá tình hình chung về phương hướng chủ trương sắp tới rất nhất trí. Nhưng đi vào cụ thể còn nhiều vấn đề cần phải tiếp tục bàn, nhất là về kế hoạch mùa khô của ta...”

Chúng tôi sẽ đề nghị giữ nguyên kế hoạch cũ của ta về chủ lực Miền...” (1)

Và sau khi biết B2 đã hoạt động theo kế hoạch điều chỉnh, tôi điện về hướng dẫn (điện số 567/ZK):

“ ... Sau Bù Đăng, Bù Na, cố gắng diệt Đồng Xoài, nó có tác dụng cả chiến dịch, chiến lược, tuy là điểm không lớn. Có thể dùng sư đoàn 7 đánh Đồng Xoài...” (2).

Ngày 20-12-74, Anh Sáu Nam điện báo cáo:

“ ... Trên đường 14, ta giải phóng hoàn toàn đoạn từ cầu 11 gần Đồng Xoài, dền khỏi Bù Đăng giáp ranh giới chủ khu Kiên Đức... ở Bù Đăng, Vĩnh Thiện, Bù Na, ta thu được 4 pháo và 7000 đạn pháo, trên 3000 súng các loại, bắt trên 300 tù binh, sẽ tiếp tục truy tìm thêm...” (3).

Và điện ngày 27-12-74:

“ ... để khỏi lỡ thời cơ chiến dịch giành thắng lợi lớn khi có đủ điều kiện, chúng tôi đã cho sẵn sàng một đại đội xe tăng làm lực lượng dự bị. Ngày 26, tiêu diệt cụm cứ điểm Đồng Xoài không dùng xe tăng” (4).

Ngay sau đó chúng tôi nhận được điện của anh Hoàng Cầm chỉ huy trưởng mặt trận Phước Long như sau:

“ Đoàn 301 (5) gởi R (6) đồng diện Bộ Tổng tham mưu.

Tấn công chi khu Đồng Xoài lúc 7 giờ 35' ngày 26-12. Đến 8 giờ 30' ta làm chủ hoàn toàn chi khu Đồng Xoài.”

— Năm Thạch — (7).

(1) và (2) Hồ sơ lưu trữ của Ban Tổng kết chiến tranh B2 thuộc Bộ Quốc Phòng.

(3) - (4) - Hồ sơ lưu trữ của Ban tổng kết CT/B2 thuộc BQP.

(5) Tiến phương Bộ tư lệnh Miền.

(6) Mặt danh Bộ tư lệnh Miền.

(7) Tức Hoàng Cầm.

Như vậy là đường 14 thuộc phạm vi B2 phụ trách đã hoàn toàn được giải phóng. Căn cứ phía sau và hành lang của ta đã mở rộng. Mặc dù kế hoạch tấn công của ta thay đi đổi lại, lực lượng ta điều động tới lui, ta phải đánh dần từng bước, từ nhỏ đến lớn một cách chậm chạp ngoài ý muốn nhưng quân địch vẫn không có khả năng phản ứng, không điều động được một lực lượng bộ binh nào chủ viện, phải để mất cả ba chi khu: Bù Đăng, Đồng Xoài, và trước đó chi khu Bù Đốp do tiểu đoàn địa phương tỉnh đội Phước Long của ta tiêu diệt. Chúng chỉ dùng được không quân bắn phá và ném bom, không có hiệu quả gì. Quân địch còn lại ở Phước Long hoang mang giao động mạnh. Trước tình hình thuận lợi như vậy chúng tôi đã tranh thủ xin ý kiến anh Ba và các anh trong Quân ủy trung ương cho phép chúng tôi giải phóng luôn tỉnh Phước Long theo như kế hoạch cũ của chúng tôi dự kiến phát triển khi có thuận lợi. Tôi đã trình bày khả năng của bộ đội ta có thể hoàn thành nhiệm vụ này và chắc chắn địch không có khả năng tăng cường lực lượng mạnh cho Phước Long nếu bị đánh. Tôi đã trình bày giá trị có tính chất chiến dịch và chiến lược của việc giải phóng được tỉnh Phước Long. Sau khi cân nhắc, các anh đồng ý. Tôi mừng quá, nhưng để đảm bảo chắc thắng, tôi đã xin anh Ba cho phép được sử dụng 1 đại đội xe tăng và 1 đại đội pháo 130 ly. Tôi hứa sẽ chỉ đạo ở nhà đảm bảo thành công. Anh đồng ý. Tỉnh Phước Long là một tỉnh Miền núi, địa thế hiểm trở. Về phía bắc và phía đông tỉnh lỵ có nhiều núi cao, lại bao bọc bởi con sông Bè sâu và chảy xiết. Phía tây và nam, đất đai bằng phẳng hơn nhưng ngay sát cửa ngõ phía nam lại có núi Bà Rá cao nhất ở vùng đó, 735 thước so với mặt biển, và có nhiều hang hốc, đá to và cây xanh. Từ lâu địch đã thiết lập trên đỉnh núi này một trạm chuyển tiếp truyền tin vô tuyến và 1 đài quan sát với khí tài quang học điện tử có thể kiểm soát một vùng rộng. Khi cần thiết, địch có thể dùng cả trung đoàn đưa vào địa hình phức tạp và không che của núi này mà phòng ngự vững chắc cho tỉnh lỵ Phước Long. Vì địa thế hiểm trở của Bà Rá và của tỉnh Phước Long, nên thời Pháp thuộc trước kia, bọn thực dân Pháp đã dùng khu vực núi

Bà Rá này làm nơi tập trung quân chế các nhà hoạt động chính trị yêu nước. Nhiều cán bộ, đảng viên của ta đã từng bị giữ nhiều năm tại đây, sống tách biệt với xã hội, cực khổ và đẫm máu vì binh sốt rét hoành hành, trong số đó có cả phụ nữ như các chị Hai Sốc Bà Điểm, Nguyễn Thị Lưu, Nguyễn Thị Định (1), chị Hai Bé An Giang, Hai Ninh Hậu Giang và nhiều chị khác. Quá về phía tây núi Bà Rá, cách năm kilômét là thị trấn, huyện lỵ Phước Bình tương đối sầm uất. Đây là một ngã tư đường xe hơi đi Bù Đốp, tới Đồng Xoài, vào tỉnh lỵ và xuống đường 14 tại ngã ba Liễu Dì. Ở đây còn có một sân bay cấp 2 tương đối tốt, căn cứ không quân của tỉnh, vừa dùng cho tỉnh Phước Long, vừa là chỗ dựa cho không quân hoạt động cả vùng núi rừng này.

Với địa hình thiên nhiên của một tỉnh Miền núi như vậy, với cách bố phòng tổ chức của địch như vậy, muốn tấn công giải phóng tỉnh Phước Long bằng lực lượng có hạn của ta, không thể có quyết tâm nào hay hơn là trước nhất phải chiếm Đồng Xoài để có lập toàn bộ quân địch còn lại trong tỉnh. Phải triệt hạ cho được trạm truyền tin, đài quan sát tại điểm tựa Bà Rá cũng như ngã tư đường và sân bay Phước Bình. Được như vậy rồi mới có thể thọc vào tỉnh lỵ diệt quân địch bố trí phòng ngự dựa vào núi, sông, hồ, ao, hiểm trở và kiên trúc phức tạp ở đây.

Chúng tôi đã điện về Bộ Tư Lệnh B2 chỉ đạo việc phát triển thắng lợi của Đồng Xoài, nhanh chóng chiếm cho được núi Bà Rá và sân bay Phước Bình và giải phóng toàn tỉnh Phước Long. Tôi không quên điện cho biết được dùng 1 đại đội xe tăng và 1 đại đội pháo 130 ly. Điện tôi tự viết và ký tên nhờ Bộ tổng tham mưu cho chuyển. Nhưng chiều hôm đó trong lúc tôi đang ngồi trước bàn đồ, nghiên cứu cách bố trí địch trong tỉnh Phước Long, hình dung xem địch có thể phản ứng lại sự tấn công của ta thế nào thì đồng chí Lê Ngọc Hiến đến. Đồng chí đưa ra bức

(1) Tên thật là Nguyễn Thị Định, nguyên Phó tư lệnh, Bộ tư lệnh Miền mà cán bộ và chiến sĩ Quân giải phóng thường gọi là "Chị ba" một cách trìu mến. Thời kỳ đồng khởi năm 1960, đồng chí là bí thư tỉnh ủy Bèn Tre. Hiện nay là chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

điện tôi viết và nói chưa cho điện đi vì trong điện tôi đã cho được xử dụng xe tăng và pháo lớn, điều mà các anh trên đã dặn là không được sử dụng. Tôi hơi bức mình vì sợ trễ như điện hôm trước (bảo thực hiện kế hoạch mùa khô như dự định). Để tỏ sự không hài lòng, tôi nói với đồng chí Hiến rằng là tư lệnh chiến trường không lẽ tôi không có quyền điện chỉ huy các lực lượng của tôi sao? Không lẽ điện của tôi lại bị kiểm duyệt và bắt buộc phải sửa đổi ngoài ý muốn của tôi. Việc xử dụng vũ khí lớn tôi đã xin phép rồi, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm. Yêu cầu đồng chí cho điện đi và đồng chí sẽ chịu trách nhiệm nếu điện của tôi bị chậm trễ, lỡ thời cơ.

Thế là mọi việc để giải phóng tỉnh Phước Long đã được giải quyết ổn thỏa. Trên dưới đều nhất trí. Sau này trong lúc bàn bạc tổng kết chiến tranh, một số anh em không hiểu tình hình cho rằng giải phóng tỉnh Phước Long theo cách đánh bóc vỏ từ ngoài vào trong, lần lượt từ Bù Đăng, Bù Na, Đồng Xoài, Phước Bình, Bà Rịa rồi tỉnh lỵ, đánh từ nhỏ trước rồi dần đánh lớn sau. Khác với một cách đánh khác là dùng lực lượng mạnh thọc ngay vào trung tâm vào tim địch rồi từ đó đánh bung ra như một bông hoa nở. Diễn tá cũng hay. Nhưng đó là suy luận mà không phải đúng như thực tế. Từ đó mà rút ra bài học thì bài học không có giá trị. Quân sự là một khoa học. Không thể hiểu theo lối suy diễn viễn vông xa rời thực tế. Nếu nói tấn công vào một tỉnh lỵ thì có hàng trăm cách đánh cho hàng trăm tỉnh lỵ, mỗi tỉnh lỵ, có cách đánh khác nhau, không phải chỉ có 2 cách như vậy. Chọn một cách đánh nào đó hoàn toàn không do suy nghĩ chủ quan của người này người nọ, mà phải dựa vào một loạt các yếu tố cụ thể: Tỉnh lỵ đó nằm ở đâu, trong hệ thống phòng thủ của địch, có vị trí chiến dịch chiến lược thế nào? Muốn giải phóng tỉnh lỵ ấy thì phải đánh những mục tiêu chủ chốt nào? các mục tiêu ấy được phân bổ ra sao? trên thực địa? được phóng ngư bằng công sự, lực lượng thế nào? địa hình địa vật của tỉnh lỵ? Quân địch sẽ cố thủ ở đâu, tiếp viện từ đâu bằng phương tiện gì, và qui mô, khả năng lực lượng ta về mọi mặt, bàn đạp triển khai, đường tiếp cận, vân vân và vân vân — Chỉ nói gọn như vậy

thôi cũng thấy rằng muốn chọn một cách đánh phải căn cứ vào thực tế không gian và thời gian, vào ta và vào địch, không thể ngồi suy nghĩ một cách đánh có sẵn nào đó, rồi đem úp vào một tỉnh lỵ, sửa đổi cho vuông tròn khía cạnh là được. Cái giới của người chỉ huy là nắm sát thực tế, phân tích chính xác địch, ta, địa hình, các mục tiêu quan trọng, thời cơ tạo ra hay đã có sẵn mà hạ quyết tâm hoàn toàn phù hợp, sáng tạo, dựa dẫm thắng lợi. Đó là chưa nói đến vân đề diễn biến, có những yếu tố bất ngờ xảy ra từng phút, từng giây cần phải xử trí. Nhiều khi trận đánh thực tế đi đến kết thúc không giống gì với kế hoạch quyết tâm ban đầu. Có khi kế hoạch rất hay đây nhưng người chỉ huy trực tiếp đơn vị tấn công xử trí sai một tình huống diễn biến phức tạp nào đó, hay xử trí dùng một trường hợp bất lợi nào đó thì kết thúc trận đánh cũng rất khác nhau. Tổng kết phải tìm cho ra sự thật lịch sử khách quan, phân tích chính xác mới rút ra được những bài học có giá trị.

*
*
*

Như vậy là trước khi họp hội nghị Bộ chính trị, đoàn chúng tôi, đại diện cho B2, đã tranh thủ báo cáo thảo luận và được các anh trong Bộ chính trị và Quân ủy Trung ương chấp thuận kế hoạch mùa khô mà B2 đã vạch ra trên cơ sở nhất trí, đánh giá tình hình thực tế ta địch. Các anh đã cho phép đánh Đồng Xoài, đánh Phước Long. Ngày 22-12 anh Hùng đã gọi về Thượng vụ Trung ương cục bức điện trong đó có một số nội dung:

“... 1) Những ý kiến của anh Hai Nhà đưa về là lúc chúng tôi ra chưa đến nơi. Nay sau khi làm việc thì kế hoạch năm 1975 như Trung ương cục đã dự kiến và đã chuẩn bị từ sau hội nghị 6 tháng đầu năm 1974 là rất đúng. Các anh cần dồn sức và theo dõi chỉ đạo thật sát việc thực hiện kế hoạch ấy, nhất là trong đợt mùa khô này. Chúng tôi và các anh ngoài này rất mừng về kết quả bước đầu của đợt 1 mùa khô. Tùy tình hình phát triển mà các anh xem xét kỹ và có sự điều chỉnh cho hợp lý và kịp thời, nhưng cần bản toàn bộ kế hoạch năm 1975 như ta đã dự tính là được. Nếu hoàn thành được kế hoạch năm 1975 và nhất

là mùa khô này thì đó là việc rất có ý nghĩa đối với năm bán lẻ. Trong bước 2 của đợt mùa khô sẽ có sự phối hợp với các chiến trường thì đó là sự thuận lợi tốt nhất cho ta hoàn thành tốt kế hoạch mùa khô của ta mà thôi, chứ không phải có sự thay đổi gì lớn đâu... " (1).

Và ngày 29-12 anh Hùng và tôi cùng ký một điện gửi cho Quân ủy Miền, đồng điện Thường vụ Trung ương Cục như sau :

... 1) Tình hình đầu mùa khô ở chiến trường ta, các địa phương và đơn vị đều có nỗ lực giành thắng lợi, kết quả khá cao tuy còn một số nơi chưa đều. Chúng tôi rất mừng và tin rằng chúng ta có nhiều triển vọng đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch nếu các cấp nắm chắc tình hình, không chủ quan thỏa mãn, sẵn sàng vượt khó khăn để ngày càng giành thắng lợi lớn hơn. Được như vậy thì ta sẽ có cơ sở vững vàng cho những bước sắp tới theo đúng ý định chiến lược. Các anh ngoài này rất mừng và đang ra sức chỉ đạo mọi mặt tiến hành cho tốt...

" ... 2)

" ... Do quyết tâm giành thắng lợi lớn hơn của năm nay tạo điều kiện sắp tới nên các anh có điều chỉnh kế hoạch chỉ viện. Đã đồng ý cho ta năm 1975 dùng như ta xin tức 27.000 tấn chứ không phải 11.000 tấn như đã thông báo trước đây. Chúng tôi đang trao đổi đơn đốc vận tải. Như vậy các anh nên nghiên cứu sử dụng sao cho thật hợp lý và tiết kiệm, chủ ý tăng thêm cả cho các khu và hướng dẫn sử dụng cho tốt, đi đôi với hết sức tiết kiệm... " (2)

Trong thời gian trước cuộc họp Bộ chính trị tôi có thi giờ và điều kiện gặp thăm một số anh em cán bộ quen biết công tác ở Bộ quốc phòng và Bộ tổng tham mưu — Tuy do nhiệm vụ, các đồng chí vẫn theo dõi hàng ngày tình hình chiến sự, luôn biết tin tức về tôi, nhưng được gặp nhau hàn huyên là một dịp hiếm có. Chúng tôi kể cho nhau nghe hết chuyện thủ đô lại chuyện

chiến trường, và cố nhiên không thể tách rời công việc. Một ít cán bộ có trách nhiệm cho biết về kế hoạch đánh Đức Lập mở hành lang của Bộ Tổng tham mưu : Bộ sẽ dùng vào đây 3 sư đoàn quân chủ lực của B3 và của Bộ, được một tiểu đoàn xe tăng và một tiểu đoàn pháo 130 ly chi viện. Chắc chắn hành lang chiến lược sẽ mở thông, việc chi viện cho chiến trường B2 của anh sẽ dễ dàng và nhanh chóng hơn. B3 và đồng chí Vũ Lăng đang đi nghiên cứu chiến trường và chuẩn bị mọi mặt. Tôi hỏi : Đức Lập chỉ là chi khu cô lập cùng một số điểm nhỏ trên đường 14, thì cần gì đến 3 sư đoàn và từng ấy xe tăng và pháo lớn ?

Trả lời : không phải chỉ có tiêu diệt Đức Lập và một ít điểm nhỏ ở đây thôi mà còn kéo địch đến để tiêu diệt sinh lực, có thể là sinh lực lớn đấy. Ta chủ động chọn chiến trường kéo địch đến để tiêu diệt lớn, đi đôi mở hành lang.

Tôi đã trao đổi với các đồng chí ấy rằng theo tôi biết thì địa hình ở đây hiểm trở chật hẹp, con đường 14 độc đạo chạy giữa những hàng núi tương đối cao và có cây cối rậm rạp thì địch đại gì mà đến đó để ta tiêu diệt. Có chăng là địch sẽ dùng chủ yếu không quân đánh phá thả bom vào đội hình quân ta thôi. Và lại trong thời điểm này, địch biết rõ rằng lực lượng của chúng cần cho những mục tiêu quan trọng hơn nhiều so với Đức Lập xa xôi hẻo lánh. Đức Lập tuy cần cho ta về hành lang chiến lược nhưng chưa phải đã đụng chạm nhiều gì đến kế hoạch phòng ngự chiến lược toàn Miền Nam của địch. Nếu ta đã điều động được đến đó lực lượng mạnh như vậy sao không đánh thẳng ngay vào Ban Mê Thuột mà lại đánh Đức Lập làm gì ? Đánh giải phóng Ban Mê Thuột là ta chiếm được một mục tiêu có giá trị chiến dịch chiến lược quan trọng, rung động toàn Tây Nguyên và tự khắc hành lang của ta được mở rộng vững chắc. Với lực lượng ấy ta đủ sức đánh Ban Mê Thuột vì ở đây địch có nhiều sơ hở, chỉ xem như một hậu cứ của các sư đoàn, trung đoàn. Tuy là tỉnh lớn, nhưng địa hình thuận lợi, phòng thủ yếu, lực lượng ít và nhất là địch không nghĩ rằng ta lại điều động được lực lượng lớn đến đây và chủ trương đánh Ban Mê Thuột như vậy. Và lại nó hoàn toàn phù hợp với

(1) Hồ sơ lưu trữ Ban Tổng kết Chiến tranh B2 thuộc Bộ quốc Phòng.

(2) Hồ sơ lưu trữ Ban Tổng kết chiến tranh B2 thuộc BQP.